

ĐÀO VĂN HỘI

MƯỜI LĂM NĂM ĐÈN SÁCH



SAIGON - 1971

MƯỜI LĂM NĂM ĐÈN SÁCH

(Hồi ký của một cựu học sinh Trung Tiểu học)

Đào Văn Hội

*Sài Gòn
tháng 5-1971*

mười lăm năm đèn sách

Đào Văn Hội

Bìa: Minh Điền

Nguồn: Trang nhà Đ.V.H

Trình bày: Nguyễn Minh Điền

*Xin đốt nén nhang lòng kính dâng Ông Ngoại -
Người đã đời đời để lại cho chúng con tấm
gương sáng ngời...*

**mười lăm năm
đèn sách**

ĐÀO VĂN HỘI

MỤC LỤC

Lời nói đầu	23
Phần 1 –	17
Cấp Sơ học Tân An – 1911 - 1919	
1. Nhập học lớp tám	27
(C.E.C. – 1911)	
Trường tôi	28
Thầy tôi	35
Tai nạn	39
2. Lên lớp bảy (C.E.B. – 1912)	43
Gia đình tôi	46

3. Học lớp sáu (C.E.A. – 1913)	54
4. Học lớp năm (C.P.B – 1914)	65
5. Đệ nhứt thế chiến	69
Kỹ lưỡng	72
Ông Trần phong Sắc	81
6. Lớp ba B (C. El. B – 1915)	88
Bệnh dịch hạch	93
Nhứt quỉ, nhì ma, thứ ba...	96
Đố kỵ	99
Phát thưởng	103
Hai mươi bảy năm sau	106
Tảo mộ	107
Chuyện bà Chín ăn xoài	110

Mấy nhịp đèn ca	112
7. Lớp ba A (C. El. A – 1916)	115
Hỏa tai	123
Thuyền côi âm rước trò Khá	125
Chiếc máy bay của trò Dương	127
8. Lớp nhì A (C. M. A. – 1917)	131
Bị đòn	138
Lại bị đòn	140
Đá banh	141
Thi lên lớp	143
9) Lớp nhứt (C. S . – 1918/19)	145
Ông thầy hài hước	149
Anh hùng hội	152

Thú chơi gà nòi của thầy tôi	156
Thi bằng Sơ học (C. E. P. F. I.)	159
Đua bơi	164
Con chim sắc của tôi	168
Thi học bổng	170
Phần 2 –	173
Ban Trung học Mỹ Tho – 1919–1922	
1. Lớp đệ nhứt niên	173
(1ère Année – 1919/20)	
Các bạn tôi	175
Lối sống tập thể nội trú	178
Giám thị	183
Giáo sư	186
Ông Nguyễn khắc Huê	193

Vài nét vui vui	204
Kết nghĩa kim bằng	215
2. Lớp đệ nhị niên	220
(2è Année – 1920/21)	
Sĩ khí Gò Công	224
Kết thân cũng văn sĩ	226
Giải trí – Thể thao	236
Anh Chương xuy tiêu	239
Những nỗi buồn buồn	242
Văn hóa tuần san	247
Chúc từ	252
3. Lớp đệ tam niên	254
(3è Année – 1921-22)	
Vài bạn mới	261

Thi Brevet Elémentaire	272
Thi bằng Thành chung	274
Tiếng hát trên sông	282
Phần 3 – Ban Tú tài Sài Gòn	285
– 1922–1924 và 1925–1926	
1. Lớp đệ nhứt niên	285
Tú tài bốn xứ (1922-23)	
Tú tài bốn xứ	287
Trường Đại học Hà Nội	290
Sách	297
Giáo sư	299
Các bạn tôi	313
Giám thị	322
Liên hoan	325

Thi Brevet d'Enseignement	328
Primaire Supérieur	
Thi Brevet Élémentaire	332
2. Lớp đệ nhị niên (1923-24)	339
Giáo sư	341
Bằng Giáo học Cao đẳng (Brevet Supérieur)	347
Vài đặc điểm về giáo sư	350
Chánh trị	354
Thi Brevet Supérieur	360
Thi Tú tài Pháp	365
Trường Trung học	387
Albert Sarraut	
Đây, Hà nội 1924	391

Thời gian gián đoạn	401
Lớp Triết học	413
(Philosophie – 1925/26)	
Giáo sư	414
Hài hước	419
Chùa rượu	420
Chúng tôi thi Diplôme	423
Thi Tú tài 2	425
Lãnh thưởng	429
Từ giã học đường	435

Kính dâng

Chư vị Thầy tôi

tấm lòng chân thành tri ân của đứa học
trò bé nhỏ năm xưa

Thầy nhì Anh Quý ông CHARVET

Thầy ba Cảnh B. COSTE

Ông nhứt Đầu G. COULET

Thầy ba Giá CUDENET

Cha Kiềm L. DOZ

Thầy giáo Nghi FRANCHINI

Ông đốc Toản FREYDIÉ

Quý cô

BOUTRON DAMAZY	GIOAN
POTHIER	H. HESSE
Quý bà GIOAN	LAFUSTE
MARCOZ	LEGUEN
Quý ông Đỗ Dzũng	MAGALON
Nguyễn Văn Hanh	G. MIGNON
Nguyễn Khắc Huê	MOREL
Tạ Trung Lương	M. DE NARBONNE
Nguyễn Văn Mai	PASQUALINI
BOUAULT	TOURNIER
BOUROTTE	H. JOYEUX

Thưa Anh,

Tôi khác anh và cũng thua anh xa về trí nhớ. Dù muốn, tôi cũng không sao làm nổi cái việc làm của anh hôm nay. Đối với tôi, cái gì đã qua là qua, vui cũng như buồn.

Tập hồi ký của anh đã làm cho những hình bóng thân yêu của các Thầy, như các ông Tạ Trung Lương, Nguyễn Trung Thắng, Nguyễn Khắc Huê, Nguyễn Văn Mai, Cudenet, Pasqualini, Charvet, Motais de Narbonne và nhất là Georges Mignon, vị thầy khả kính của tôi bên

Triết... lần lần hiện lên, gây cho tôi nhiều phút bồi hồi, xúc cảm và ngậm ngùi luyến tiếc một khoảng thời gian mà tôi cho là sung sướng nhất của đời tôi. Tôi chưa hẳn là con người quên quá khứ. Thành thật cảm ơn anh.

Anh khéo giữ giọng văn thật thà, tự nhiên, vui tươi, cởi mở. Rõ văn là người! Văn anh không màu mè, cầu kỳ, tiểu xảo, và chính đó đã làm cho tôi hết sức cảm động, thích thú: tôi đã đọc tập hồi ký của anh một mạch không sót một hàng.

Theo tôi, đây có thể là một tài liệu quý cho ai muốn rõ chế độ học vấn thời Pháp thuộc đã un đúc một thế hệ cha anh của thế hệ ngày nay.

Trong những cái hay nho nhỏ và những cái dở tệ hại mà chế độ giáo dục ngày nay chỉ là một sự tiếp nối tệ hại hơn,

*ta thấy phảng phất có một cái gì khả ái
thiên lương còn đọng lại nơi lòng mình, là
cái tình thâm thiết giữa cha con, thầy trò
và bè bạn mà thế hệ ngày nay khó lòng
tìm lại được.*

Thành thật cảm ơn anh một lần nữa.

Sài Gòn ngày 20 tháng 5 năm 1971

Nguyễn Duy Cần

LỜI NÓI ĐẦU

MẤY MƯƠI NĂM VỀ TRƯỚC,
DƯỚI THỜI Pháp thuộc,
trong các cấp học đường, chuyển ngữ là
chữ Pháp. Cậu học sinh bé tí hon mới
lên lớp bảy (Cours Enfantin B) đã bập bẹ
năm ba Pháp ngữ rồi và, từ đó, các môn
học đều dạy bằng chữ Pháp.

Đồng thời, Việt ngữ được dạy với
luận văn, ám tả, giải thích sách quốc âm,
dịch Việt ngữ ra Pháp văn (thème) và trái

lại, dịch Pháp văn ra Việt ngữ (version).

Phương pháp ấy dở hay hay, tôi xin nhường quyền phê phán cho các nhà mô phạm.

Trong thiên hồi ký sau đây “Mười Lăm Năm Đèn Sách” chúng tôi xin cống hiến độc giả lãm tường giáo dục học đường ngày xưa cũng như tiến triển học hành và thi cử trong hai giai đoạn trung, tiểu học, nhân tiện biểu dương tình nghĩa thầy trò và nêu những nét buồn vui lẫn lộn của một học sinh nghèo.

Ước mong về một phương diện nào đó, thiên hồi ký nhỏ nhoi này thỏa mãn may mắn độc giả là chúng tôi hoàn toàn mãn nguyện.

Ngoài ra, câu văn sống sượng và khuyết điểm hẳn nhiều, chắc bạn đọc cũng đã khoan dung.

Sài Gòn Xuân Tân hợi

1971

Đào Văn Hội

PHẦN I

CẤP SƠ HỌC TÂN AN

1911 – 1919

1. Nhập học lớp tám (Cours Enfantin C – 1911)

MỘT BUỔI MAI TRỜI
QUANG ĐĂNG, ngày 5
tháng 3, năm 1911, một đứa bé trai ì ạch
leo lên thêm lớp tám trường tỉnh Tân An.

Đứa bé ấy là tôi, hồi sáu tuổi.

Tía tôi, một võ quan sơ cấp cơ Hộ vệ binh (garde civile locale) giao tôi cho thầy giáo Nghi, gửi gắm vài lời...

Trường tôi

Trước năm 1911, trường bằng cây lợp lá, rộng rãi, nhưng ẩm thấp, người ta đồn trường có ma.

Cuối năm 1910, Chánh quyền địa phương kiến tạo lại bằng gạch ngói khoảng khoát, trên một khoảnh đất diện tích hơn một mẫu tây, nơi kinh Lính tập (Canal de ceinture) thông ra sông Vàm cỏ tây (Vaico Occidental).

Trong lúc đào móng cừ, người ta tìm thấy nhiều bộ xương khô, ván hòm đã mục.

Ngày hôm nay, cầm bút thảo mấy dòng nhắc lại ngôi trường khiêm nhường mến yêu cách đây đúng sáu mươi năm, mừng tượng như tôi còn thấy nó hiện tiền trước mặt.

Trên cửa trường, thượng một tấm bảng to hình chữ nhật, tô mấy chữ «École Primaire de Tân An», mấy thầy dịch là «Trường Sơ Học Tân An».

Cửa trường mở trên con đường đá đỏ chạy dài từ trại lính mã tà, dọc theo sông Vàm cỏ Tây, tới bến đò Chú Tiết.

Phía sau trường, hướng đông, một cái mương rộng vài ba thước ngăn cách trường với nhà thầy nhì Khịa, nhà ông nhứt Đầu.

Phía nam, bên hông lớp nhì A, một con đường đất nối liền ngôi trường với lộ

đá đi từ ‘Nhà Hầu’ (Tòa Hành chánh) xuống cây giáng hương mọc trên bờ một cái ao to, mà mỗi chiều phụ nữ Tân An đến gánh nước về dùng.

Nơi ấy, ngày nay là cơ sở nuôi gia cầm của Sở Thú y.

Con đàng đất nói trên bằng qua một miếng ruộng lúa xanh um, bông nặng trĩu, tốt hơn mấy đám ruộng khác rất xa; là vì, trước khi đến trường, nhiều học sanh thường ghé ngồi hai bên bờ như cóc... xả hơi cho nhẹ dạ.

Trường là một dãy dài chín lớp từ lớp tám (Cours Enfantin C) cho đến lớp nhì A (Cours Moyen A) day mặt ra sân chơi, cây cao bóng mát, đám cỏ rậm rì.

Trời mưa, học sanh tựu giỡn trong nhà chơi rộng lớn, cách đường bằng một

hàng rào cây keo, cao độ thước rưỡi.

Lớp nhứt (Cours Supérieur) và văn phòng ông Đốc cất riêng, thẳng góc với lớp nhì.

Mỗi lớp có một cửa cái, ba cửa sổ, trên là bàn thầy đặt trên bục cao, bên hữu thầy là tấm bảng đen.

Dưới sắp mấy hàng bàn cho học sanh; thường thì mỗi lớp có lối ba mươi trò, ít khi hơn.

Thuở ấy, Tân An chưa có trường nữ, nam nữ học chung, hoặc ngồi riêng, phái nào theo phái nấy, hoặc ngồi gần nhau, giỡn hớt, đánh lộn.

Mỗi năm, tựu trường vào ngày 5 tháng 3 dương lịch, học đến tháng 7, ngày 14 lễ Chánh chung, trường được nghỉ hai tuần đến ngày một tháng 8 học

lại, gọi là «bãi trường nhỏ» (petites vacances).

Tiếp tục học đến Lễ Chúa Giáng sinh (Noel) ngày 25 tháng 12 thì «bãi trường lớn» (grandes vacances) nghỉ hơn hai tháng ăn Tết Nguyên đán, rồi ngày 5 tháng 3 vô học.

Suốt tám năm tôi học trường tỉnh Tân An, năm nào cũng mấy thầy đó dạy lớp cũ, không thay đổi bao nhiêu:

- Lớp tám (C.E.C) thầy giáo Nghi;
- Lớp bảy (C.E.B) thầy Dương;
- Lớp sáu (C.E.A) ông Kiểm, học
sanh quen gọi là Cha Kiểm, vì ông là cựu
Thầy Dòng hoàn tục;
- Lớp năm (C. Préparatoire B) thầy
Đợi;

- Lớp tư (C.P.A) thầy Quới;
- Lớp ba B (C. Elémentaire B) thầy
Giá;
- Lớp ba A (C. El. A) thầy Cảnh;
- Lớp nhì B (C. Moyen B) thầy Paul
Khĩa;
- Lớp nhì A (C.M.A) thầy Anh;
- Lớp nhứt (C. Supérieur) ông Đẩu;

Đốc học là ông Toàn, kế ông Bénard lại thế; năm 1915, Bénard bị động viên, ông Toàn lại làm Đốc học.

Thầy giáo Nghi phát cho tôi cây thước, viết chì, viết mực, ngòi viết Flament, với một cuốn tập đồ, trượng nhút chỉ có những số xiên xiên.

Thầy ra lệnh bảo đồ.

Hai trò ngòi gần tôi đã cầm đầu, o bế viết, không ai dỉ gì với tôi, tôi bợ ngợ, cảm thấy quạnh hiu, tôi khóc. Năm ấy, anh tôi, tên Lân, đã ngồi lớp bảy, biết đọc, biết viết quốc ngữ và chữ Pháp.

Thấy tôi thút thít khóc, thầy hỏi có sao, tôi thưa muốn ngồi gần anh tôi.

Tội nghiệp, thầy Nghi chiều ý đưa «tân học sanh», dắt tôi qua lớp bảy và thầy Dương cũng tử tế cho tôi ngồi gần anh tôi và chỉ cho một buổi mai ấy thôi.

Chiều, má tôi bảo chị năm tôi dắt tôi đi học. Và, vui vẻ, tôi bắt đầu học đọc, học viết.

Thầy tôi

Lúc bấy giờ, thầy tôi chừng bốn mươi lăm tuổi, song xem thầy đã già, nho nhã như ông đồ nho.

Thầy có đầu tóc nho nhỏ, mang kiếng trắng, bịt khăn nhiễu điều, mang giày hàm ếch, nước da thầy trắng, mình hơi gầy, miệng hơi móm.

Đi dạy học, thầy che cây dù đen.

Trên bàn thầy, một con roi lóng mướt, song chúng tôi ít bị đòn, vì tánh thầy hiền lành dễ dãi.

Thầy viết chữ rất đẹp, hay khuyến khích học sinh bằng cách cấp «bon point» mà tôi xin tạm dịch là «giấy ban khen, tưởng lục». Có ba thứ bon point:

– Đặc biệt nhứt một thảng học giỏi được thầy thưởng cho «bon point $\frac{1}{4}$ » là tờ giấy trắng đôi xé làm tư;

– Hạng nhì là "bon point $\frac{1}{8}$ " kết quả một tuần cố gắng;

– Còn hạng ba là "bon point $\frac{1}{16}$ " thuộc bài, viết sạch, được thầy thưởng cho.

Tôi còn nhớ mang máng tờ "bon point" thầy viết như vậy:

Bon point $\frac{1}{4}$

Đào Văn Hội

Bonne conduite. Bon travail.

TânAn le 15 Juin 1911 L'instituteur, Si-
gné: Nghi

Thay vì viết chữ quốc ngữ, thầy tôi cứ xài chữ "mẫu quốc" luôn: "bonne conduite" (tánh hạnh tốt); "bon travail" (học giỏi) và trò nào được hân hạnh thưởng "bon point ¼" cũng được phê bốn chữ ấy mà thôi...

Học được một tháng, tôi đã quen nước quen cái, thầy hỏi chị năm tôi học luôn không, chỉ khước từ, để ở nhà phụ với má tôi nấu cơm, chị tư tôi bán xôi bán bánh nuôi anh em tôi ăn học.

Sau đó mấy năm, thấy mình dốt bất lợi nhiều bề, chị năm tôi hối hận, yêu cầu tôi dạy chỉ, song đã trễ rồi, kết quả không mấy khả quan.

Lúc bấy giờ, sớm mai bảy giờ rưỡi học, chín giờ 15 ra chơi, chín giờ rưỡi vô học lại đến mười giờ rưỡi, anh lao công (chúng tôi gọi là anh cu-li, coolie) đánh

chiếc trống treo dưới mái hiên lớp nhứt, báo hiệu mãn giờ.

Học sanh sắp hàng đôi ra khỏi trường, thầy nào lớp nấy theo coi chừng; qua khỏi cầu Lính tập (bắc trên kinh Lính tập) xong thì rẽ hàng.

Ăn cơm rồi, làm bài học bài (khi lên mấy lớp cao hơn) một giờ rưỡi ôm cặp đi học.

Hai giờ mười lăm, trường mở cửa, vô quét lớp, hai giờ rưỡi học, bốn giờ thiếu 15 xả hơi, rồi bốn giờ lại vô học đến năm giờ.

Ngày thứ năm, học buổi mai, chiều nghỉ.

Xét lại mà coi, thuở trước, dưới thời Pháp thuộc, thời gian học bằng hai bây giờ.

Và mặc dầu số học sanh mỗi lớp không bao nhiêu, trung bình ba mươi đứa, thầy làm việc cũng khá nhiều.

Tôi bắt đầu kết bạn, mến thầy và mỗi ngày cùng bạn học chơi mấy món thông thường tuổi trẻ: đánh đáo, đánh nhà, thái chọi, đá banh, thả diều...

Mỗi lần viết tập đồ được thầy cho năm điểm, tôi mừng cầm tập vở đi khoe khắp nhà, tôi phê bình với mấy bạn trẻ:

– Thầy viết con số năm giống con vịt lội (?).

Tai nạn

Từ trước đến năm 1910, gia đình chúng tôi ở một căn nhà lá nhỏ trong trại Linh tập gần bên kinh Linh tập.

Cuối năm 1910, song thân tôi mua dựng một cái nhà lá ba căn ở xóm Cầu quây, đường Lagrange, dọn về đó ở.

Từ nhà tôi đến trường xa độ một cây số ngàn, phải qua chiếc cầu quay bắc trên sông Bảo Định hà (Arroyo de la poste), tục gọi là Sông Giáp nước.

Từ sông Bảo Định, một cái mương rộng sáu thước, sâu thước rưỡi, chạy dọc theo đường đá đỏ Lagrange đến miếng ruộng gần ga xe lửa Tân An.

Một chiếc cầu nối liền nhà chúng tôi với lộ và một cái cầu nước nhỏ bắc thẳng góc với cầu kia, đầu chúi xuống mương, nước lớn ngập nửa cầu.

Một chiều chúa nhật, lối bốn giờ, nước lớn, tôi với anh tôi đứng trên cầu nước ăn mía.

Cái nghề con nít hay lúc lão, tôi đứng chơn trái trên cầu còn chơn mặt đánh đòng đưa vọc nước, rủi trật chơn trái té ùm xuống mương. Tôi không còn biết chi nữa hết...

Tức thì anh tôi chạy nhào vô nhà kêu lên chói lói:

– Má ơi má, bớ người ta, thằng Hội nó té xuống mương!

Căn bên nhà chúng tôi là nhà bà Chín bán bánh cam. Anh chín Cống, con bà, nhảy ào xuống nước, bắt đầu mò từ đó đến miếng ruộng mút cái mương. Chẳng gặp tôi, anh mò trở lại; bất đồ, anh rờ dưới cầu, bỗng đụng tôi, anh bỗng đem lên. Thì ra, cái trán tôi máng vào một cây đinh đóng cầu ló mũi xuống nước.

Anh chín Cống mò cái mương hai lần và thời gian tôi bất tỉnh có hơn mười phút đồng hồ.

Sau khi được xóc nước, tôi tỉnh dậy như một giấc ngủ mê... Bây giờ tôi còn giữ dấu tích tai nạn ấy là cái sẹo trên trán đây.

* * *

Trên tôi có nói, trên đường đi học phải qua chiếc cầu quây; vào khoảng một giờ rưỡi trưa, mấy tấm ván cầu với miếng sắt nối liền hai thân cầu nóng như lửa đốt, thật là khổ sở cho hai bàn chơn nhỏ bé của tôi, tôi chạy, chạy cho mau, qua khỏi cầu càng sớm càng đỡ nóng chơn.

2. Lên lớp bảy (C.E.B – 1912)

Thời tiết đổi thay, hết mưa đến nắng, lật bật đến kỳ bãi trường tháng chạp. Rồi tháng ba năm sau, 1912, tôi lên lớp bảy.

Thầy Dương dạy lớp này năm ngoái bây giờ lên văn phòng ông Đốc, giúp việc công văn, lương phạn.

Thành thử thầy giáo Nghi lớp tám kiêm luôn lớp bảy: một lớp chia làm hai tổp, bên hữu là lớp tám, bên tả là lớp bảy.

Tôi lấy làm sung sướng, vì khỏi có «thầy mới» và tôi mến thầy tôi.

Mặc dầu bận rộn với hai lớp trên bốn mươi học sanh, thầy Nghi vẫn ôn hòa bình tĩnh, không mấy khi nóng giận.

Học trò nói chuyện ồn ào, thầy nhip roi may trên bàn vài cái rồi thôi.

Chúng tôi, học sinh lớp bảy, đã biết đọc biết viết chữ quốc ngữ, bây giờ bắt đầu học chữ Tây.

Thầy phát cho chúng tôi một cuốn sách tập đọc nhan là «Lecture Bosq», mỗi trang có vẽ hình, dưới hình chưa chữ Pháp và chữ Việt.

Như trường thú vật, họ vẽ con ngựa, dưới đề: le cheval, con ngựa...

Trái cây thì có: la mangue, trái xoài – la banane, chuối – l'ananas, trái thơm – le corossol, trái mãng cầu xiêm – la pomme cannelle, trái mãng cầu ta...

Lại có la chaloupe à vapeur, chiếc tàu khói – le bateau à voile, thuyền buồm...

Năm nầy cũng khởi sự làm toán cộng (addition) và toán trừ (soustraction), tập vẽ hình vuông (carré), hình chữ nhật

(rectangle), hình tam giác (triangle).

Bạn tôi có trò Giàu, con ông trưởng tòa Lợi, trò Phát, con thầy ký Lê, làm Sở Thương chánh.

Giàu liến xáo song hiền, xài to: một tập giấy năm mươi trương, anh ta viết một tuần là hết, vì anh thảo chữ Samedi to bằng mút đũa, vẽ một hình chữ nhật gần nửa trương.

Phát ngồi bàn trước tôi, tử tế, hiền lành.

Thấy tôi không có tập giấy nào, anh xé tập giấy anh, cho tôi sớm mai một tờ, chiều vài tờ. Tôi xếp đôi lại đóng thành tập nhỏ, hà tiện vẽ hình kỷ hà học (géométrie) bằng ngón tay.

Năm 1932, hai mươi năm sau, sự đời giông ruồi cho tôi gặp lại Phát (bấy giờ lấy tên khai sinh là Lựu) làm thơ ký tại Bạc Liêu, và cũng làm Sở Thương chánh như ông thân anh lúc trước.

Nhân nhắc lại chuyện anh em học cùng nhau lớp bảy năm xưa, chúng tôi cười, cảm động.

Gia đình tôi

Và đây là gia đình một đôi anh em học sanh nghèo.

Mỗi buổi sáng, gần năm giờ, má và chị tư tôi bắc một chỗ xôi, sáu giờ xôi chín, chị bới cho anh em tôi mỗi đĩa một đĩa, bỏ dứa, muối mè thơm phức.

Chị bới xôi vô thúng, lãnh của bà Chín vài chục bánh cam và bánh vòng trên mặt chảo đường, hái vài lá ô rô trước mương bỏ vô cái trản đập lên thúng xôi rồi bưng đi bán, ý làm như vậy là hy vọng đắt hàng.

Bữa nào vì một lẽ gì mà má tôi không xôi, hoặc anh em tôi không ăn xôi thì má cho hai đứa hai xu, vô trường mua gì ăn tự ý.

Trưa, một giờ, một giờ rưỡi, dì ba bán bánh canh cá ghé nhà, má tôi mua hai xu ba tộ nhỏ.

Có bữa, trưa má tôi chỉ cho có một xu, anh em ghé chị hai Tý bán mía nơi đầu cầu quây, mua một khúc, mượn chị chặt làm hai; lại có bữa, chị bán cho một khúc vắn xùn, anh em không dám trả lại song cắt làm hai thì quá ít, đồng ý liệng xuống sông!

Anh em tôi chỉ có vài bộ đồ lành để mặc đi học, anh tôi áo trắng quần đen, còn tôi mặc bộ vải đen sần đằm; về đến nhà thay bộ đồ cũ làm công chuyện.

Đi học, anh em mỗi đứa một cái nón rơm, trời mưa che chung cây dù trắng cán tre.

Một hôm, mưa to gió lớn, chúng tôi đến trường ướt như tắm dưới rạch mới lên; tôi tìm chỗ vắng cởi áo quần ra vắt cho ráo nước, mặc lại rồi vô ngồi học.

Tối chiều, hơi ẩm trong mình xông ra, sưởi khô y phục. Tôi không hiểu sao mắc mưa nhiều lần như vậy mà tôi không cảm, phổi không sưng. Có lẽ con nhà nghèo, chống nổi với bệnh tật phong sương.

Và mười tuổi sắp lên là anh em tôi

biết xay lúa giã gạo, giã chày đập, hoặc chày đôi chày ba.

Bãi trường, nhằm mùa gặt, chúng tôi đi mót lúa trong mấy đám ruộng nông phu đang gặt hay vừa gặt xong, hoặc quanh nhà, hoặc xa một ít, như gần nhà ga, dọc theo quan lộ Tân An Mỹ Tho.

Mót lúa đem về nuôi gà, nuôi vịt, bữa nào tôi đem về được một thúng nhỏ, má tôi mừng cười, tôi sung sướng.

* * *

Niên học 1912 trôi qua không có gì đặc biệt, ngoại trừ một chiều kia, năm giờ, trống đánh tan học, con Thìn ngồi sau lưng tôi, không biết mắc mớ gì mà

nó lấy cái nón rơm tôi bỏ xuống đất đập
hả miệng và xẹp lép.

Nó là con chủ tiệm trà ngoài chợ, có
tiếng là dữ nhút lép, miệng bằng tay, tay
bằng miệng.

Tôi chưa kịp có phản ứng gì thì Phát
với Giàu lôi con Thìn ra đánh cho một
trận nên thân, lại còn hăm thừa với thầy
nữa.

Hôm sau, con Thìn nhìn ba đứa
chúng tôi lấm lét. Nhút là chú Giàu áp
dụng phương pháp: "gặp Phật thì tu, gặp
ma thì trừ".

Năm ấy, có một dạo, không rõ ai phao ngôn rằng: chà và bắt con nít ăn thịt, song ai có rau om (một loại rau để nêm canh) thì chà và nó sợ, nó chẳng dám lại gần.

Thế nên, mỗi buổi sớm mai, chúng tôi ghé hàng chị bán rau mua một xu rau om bỏ vô cặp. Một lần, hai ba lần, chị lấy làm lạ, hỏi nguyên do đi học mà mua rau om theo làm gì.

Anh tôi trả lời, như vậy.

Chị ấy cười, bảo có lẽ người ta gạt trẻ nhỏ dạng bán rau, chị khuyên để số tiền ấy ăn bánh còn ngộ hơn.

* * *

Trong mỗi gia đình, một bảy con, cha mẹ sao cũng có đứa thương đứa ghét, nhứt là chúng tôi chỉ có hai anh em trai, mà anh tôi thì đẹp trai, thông minh, hoạt bát, nên má và mấy chị tôi càng¹ ảnh hơn tôi.

Mọi điều lợi lạc đều dành cho ảnh, tôi không kể ra đây làm chi cho mang tiếng cà nanh, còn về phần tôi là những cực nhọc trong nhà.

Song được chút an ủi là tía tôi thương tôi hơn, cho là anh tôi tánh "xảo", song thương mà chẳng làm gì được cho tôi, vì tiền bạc má tôi nắm giữ, mà vai trò cố vấn thì chị tư tôi...

Tôi ít nói chuyện với ai, về nhà cũng không có gì phải học nên ai cũng khen anh tôi "học giỏi", mai sau "làm lớn" còn tôi thì "lội bơi ăn bần".

¹ cũng

Một đêm, tía tôi mượn đầu về một cuốn truyện «Tiết Nhơn Quý chinh đông» của Trần Phong Sắc dịch. Tôi sẽ có dịp nói đến ông này trong một chương sau.

Ăn cơm và học bài xong, anh tôi leo lên bộ ván giữa, nằm tréo mảy, kê truyện vào đèn đọc. Cả nhà, hoặc ngồi, hoặc nằm, chăm chú nghe.

Tôi đứng xớ rớ gần đó "coi" anh tôi đọc.

Tía tôi bảo đi chỗ khác chơi, đừng làm rộn. Má và chị tôi nạt:

– Biết gì mà coi, cái thằng lợi bơi ăn bần.

Tôi hơi tức trả lời:

– Tía má với chị tư tưởng tôi đọc không được sao? Đưa đây tôi đọc cho mà coi. Tôi liền giựt lấy cuốn truyện đọc cho một hơi rồi trao trả anh tôi.

Cả nhà ngạc nhiên; từ đó mới hết xem thường xem khinh tôi. Cuối năm 1912, anh Lân tôi lãnh thưởng một cái đồng hồ trái quít, bán lại cho một thầy đội hai đồng. Tôi cũng được thưởng mấy thước vải đen, tôi tặng chị năm tôi, đến ơn chị đã dắt tôi đi học.

3. Học lớp sáu (C.E.A – 1913)

Năm nay, 1913, tôi học với Cha Kiểm.

Như trên tôi đã nói, Cha là một Thầy Dòng hoàn tục, cưới vợ, sanh con trai, tên là Trọng, học lớp năm.

Trọng đẹp trai, tóc chải ma ninh, đi học ôm theo một cặp sách, tôi chắc có bao nhiêu sách vở anh ta ôm theo hết trội.

Đi học, nó đi một bên Cha, chúng tôi đỡ nón chào Cha, Cha gật đầu, nó cũng gật đầu cười, thành thử chúng tôi chào nó.

Nhiều học sanh không ưa nó, gặp nó, chúng nhăn mặt trề môi.

Cha Kiểm già, chừng năm mươi tuổi, tóc hoa râu, mặt mày nghiêm nghị "như mấy ông Cha". Ông mập, tác trung, mặc chiếc áo dài vải ú, đội cái nón trắng rộng vành, tay cầm cây dù đen, đi chậm rãi từ bước một.

Tôi đã chín tuổi, học tấn phát nhiều, chữ quốc ngữ đã thông thạo mà chữ Pháp cũng đọc và viết được, học «phép đo lường» (système métrique) trong cuốn toán pháp Leyssenne (Arithmétique Leyssenne) và bốn phép toán (les quatre opérations) cũng đã biết làm.

Viết mực, viết chì, giấy trắng, tập đồ được thầy phát cho và có một cuốn tập gạch rồi, bìa đỏ, có mùi thơm kỳ lạ, hồi đó tôi không biết là mùi gì, bây giờ mới tìm ra, đó là mùi sô-cô-la (chocolat).

Khi nào viết hết tập rồi thì lên xin thầy đổi cho tập khác, thầy xé đầu tập cũ và phát cho tập mới.

Cuốn tập đồ năm nay cũng khó viết và tôi còn nhớ trong đó có câu Pháp văn

như vậy: "La vie est un chemin raboteux et jonché d'épines" (Đời là một con đường gập ghềnh và đầy những chông gai).

Học đã khá, tôi tranh giải nhứt với các bạn học sanh và đối thủ lợi hại của tôi là Trần Văn Chanh, lớn tuổi hơn tôi, cũng cao lớn hơn, viết chữ đã hay mà trả lời cũng bật thiệp.

Một hôm, không biết tôi sơ xuất thế nào mà ông Kiểm nghiêm nét mặt cảnh cáo tôi:

– Hội, nếu mày không cố gắng thêm lên thì năm nay cái Prix d'Excellence không khỏi tay thằng Chanh!

Tháng ba, tháng tư, trời mưa xuống,
ngoài ruộng để gáy vui tai.

Tôi với Long, Cửa hoặc Thuận đi bắt
dế. Mà tôi ngây thơ, có thạo việc bắt dế
đâu, tôi đi theo bạn là để xách giùm một
xâu hộp quẹt không.

Bắt dế đầy hộp quẹt rồi về, các bạn
cho tôi vài ba con đá chơi.

Ruộng đầy nước, Long, Cửa rủ tôi
đi hớt cá thia thia. Má tôi không chấp
thuận, bảo rằng tôi dại khờ không phân
biệt bọt rần râu với bọt cá thia thia vì hai
thứ cũng đóng gần bờ ruộng, cũng tế nhị
như nhau, rủi tôi bị rần cắn thì chết một
cửa.

Tôi phải cho Long với Cửa mượn
mỗi người một cái chai nhỏ với một cái
rổ con.

Hai người đi từ tám tối mười giờ về, mỗi chai đựng mười mấy con cá thia thia, lớn có, nhỏ có. Tôi đổ ra tô, xin mỗi anh vài con thôi, mà tôi "chơi cửa trên", tôi lựa mấy con lớn và mun mà bắt, là vì tôi đã làm toán xong, hai anh chỉ có dở tập tôi ra mà "cóp".

* * *

Năm này, xảy ra một vụ làm cho tôi có thành kiến bất hảo rất lâu đối với con nhà giàu.

Giờ chơi, tôi đứng một mình dựa cột, ba bốn học sanh phá trò Quyên, con ông phán Tự, làm ở Tòa Bố, đùa xô qua, đùa đẩy lại, bắt đồ bọn nó xô Quyên vô mình

tôi, tôi xô trả lại, rủi làm sao, Quyên va đầu vô cửa sổ, u một cục.

Mười giờ rưỡi, tan học, anh bồi ông phán Tự dắt Quyên qua nhà mắng vốn với má tôi rằng tôi "du côn" gây thương tích cho con ông phán nhà giàu!

Má tôi hỏi sơ sơ, tôi nhận tội trạng, song tôi tự biện hộ rằng sở dĩ tôi xô Quyên là vì mấy đứa kia xô nó vô mình tôi, chớ không phải tôi tự động làm nó u đầu.

Má tôi bảo anh bồi với Quyên về để bà trừng trị đứa con "hung dữ". Họ về rồi, má tôi đánh tôi hai ba bạt tai đau thấu trời xanh, bắt tôi nằm sấp lên ván, rồi roi mây má tôi quất tôi liên hồi kỳ trận, tôi khóc như mưa, kịp đến khi Thầy tôi can thiệp, má tôi mới tha cho và, trưa ấy... tôi được miễn ăn cơm!

Từ khi tôi lập gia đình đến nay cháu nội cháu ngoại bọn bề, tôi nhớ lại tôi không bao giờ ban cho mấy đứa con tôi một trận đòn ác liệt như vậy, chỉ vì tôi là con lính mà dám gây thương tích, dầu là vô tâm, cho một cậu con nhà giàu, quý tử một ông phán ở Tòa Bố.

* * *

Thầy tôi là ai?

Là Hòa thượng Thiện Minh, nhà sư trụ trì chùa Phước Hải, ở làng Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, Mỹ Tho, là Sư huynh của Sư Cụ Huệ Quang, Pháp chủ Tăng già Nam Việt, từ trần cách đây mấy năm tại Tân Đề Li (Ấn Độ) trong lúc ngài dự Hội nghị nơi này.

Hòa thượng Thiện Minh là thầy chung cả gia đình chúng tôi và có nhiều đệ tử ở Tân An.

Thỉnh thoảng, ba bốn tháng một lần, Thầy qua thăm và ở nhà tía má tôi mấy bữa, dạy đạo, coi quẻ, cho bùa, hốt thuốc.

Hồi tôi bốn tuổi năm Mậu Thân, 1908, má tôi đã "qui y" cho tôi với Thầy tôi và tôi xin phép cái "Lòng phái" qui y ra đây, độc giả lãm tường:

"Tế thượng chánh tông, pháp phái phụng thọ tam qui y, công đức pháp yếu, tam bảo chí đạo, tứ chúng đồng qui, thiên nhưn chánh đạo trực đáo Bồ đề, tứ thập nhị thế quý trường tri thượng Quảng hạ Huệ đại lão Hòa thượng Tổ sư Phước hải tự, tứ thập tam thế quý tâm hòa thượng Thiện hạ Minh bốn sư truyền thọ qui y Tam Bảo

Phật Pháp Tăng, thọ ngũ giới pháp, nhân nghĩa lễ trí tín nhứt tâm thường trì Tiên Thánh lợi sanh chi bốn, mặc sức ưu tư qui y tín nhơn đệ tử Đào Văn Hội, pháp danh Nguyên Chánh, khuyến nhữ chư ác, mặc tác cân vi thượng thiện phụng hành, thiên vận mậu thân niên, tứ ngoạc nhị thập nhị nhựt thời chấp phái".

Vì từ khi thọ phái đến nay đã quá lâu, trên nửa thế kỷ, và Thầy tôi truyền miệng chớ không có chép ra, vả lại tôi cũng dốt chữ Nho nên bài "Lòng phái" trên đây không rõ có thật đúng với bốn chánh Thầy tôi truyền dạy hay không.

Được "qui y" từ thuở bé, trọn đời tôi theo giới Phật, không hề ăn thịt chó, thịt trâu, rùa, ếch...

Mặc dầu anh tôi mặt mày sáng láng, song Thầy tôi không khen lại bảo rằng tôi có "căn tu" và "thập gia nô tử, ra thời công khanh".

Khi về Mỹ Tho, Thầy cho anh em tôi một cặp bạc, anh tôi ảnh cất «để phòng hộ thân». Và sự việc này xảy ra một tuần sau.

Chiều, hai giờ rưỡi mới học mà chúng tôi hay đi sớm làm chi, hoặc lượm trái keo chín rớt, do hàng keo trên lề đường dài theo trại lính, hoặc ngửa nón hứng me, do mấy bạn tôi leo trên cây liệng xuống.

Ngày hôm nay, tôi ăn một mắt me cũng không nổi, là vì, hồi đó mỗi trưa, tôi ăn me đã quá nhiều, nhiều quá hóa ra chán ngán.

Trong lúc chờ trường mở cửa, anh em tôi ghé nhà bác đội Đậu ngồi đụt nắng; bác bán kẹo bánh, khoai mì mỡ, khoai mì chuối cho học sinh.

Chiều hôm ấy, bác bảo mấy trò ngồi nơi hàng ba của bác – trong đó có anh em tôi – rằng trò nào có mua bánh thì ngồi chơi, bằng chẳng thì đi nơi khác.

Bị chạm lòng tự ái, anh tôi đành phá cắc bạc ra, mua cho hai anh em mỗi đứa một miếng kẹo đậu phộng một xu.

4. Học lớp năm (C. Préparatoire B – 1914)

Thầy năm Đợi người ốm yếu, đi đứng khoan thai, như một thiếu phụ đẹp.

Thầy tôi da trắng, hàm răng hơi hô, miệng luôn luôn như mỉm cười. Đi dạy học, thầy che cây dù trắng cán tre, đội cái nón tây cũ, mặc áo xuyên dài.

Trên bàn thầy, hai con roi mây lẳng muốt nằm thường trực, song chúng không gõ vào mông và lưng ai bao giờ, vì thầy năm tôi cũng hiền hậu như thầy Nghi lớp tám.

Thuở ấy, Nha Học chánh cho dạy một chương trình hỗn hợp, Pháp Việt lộn lạo, học sanh học Pháp văn quá sớm, từ lớp bảy đã học rồi và lên lớp năm, sử ký, địa dư và toán pháp đều dạy bằng Pháp ngữ.

Thầy bắt đầu dạy chúng tôi dịch Việt ngữ ra Pháp văn (thème) và Pháp văn dịch lại Việt ngữ (version).

Về môn theme, tôi còn nhớ thầy dạy một câu như vậy: "Khi trời mưa xuống thì ruộng đầy những nước" (quand les pluies tombent, les rizières sont pleines d'eau).

Môn version, thầy cho dịch truyện "Le lièvre et le moineau" (Con thỏ rừng với con se sẻ) đại khái như vậy:

"Con thỏ rừng bị con chó sói bắt ăn thịt. Trong khi con thú dữ banh xé con vật hiền lành thì con se sẻ đậu trên cây kêu thỏ mà hỏi: 'Vậy chớ hai cặp giò mày đâu mà mày không chạy để bị bắt mà mày rên la?'

Bỗng đâu, một con diều hâu đáp xuống bầu con se sẻ trong móng sắc mà bay. Con chim nhỏ bé giãy giụa kêu la; con thỏ gần chết cũng rán nhướn mắt hỏi rằng: 'Vậy chớ cặp cánh mày đâu mà

mày không bay để đến nỗi bị điều xốt?’

Bài ấy kết luận bằng câu: "Qui rit vendredi, dimanche pleurera" mà thầy dịch là:

Cười người chớ khá cười lâu,

*Cười ta tháng trước, tháng sau người
cười.*

Học địa dư tỉnh Tân An, mỗi lần trả bài, trình một bảng địa đồ cho thầy chấm điểm. Thường thì tôi được năm sáu điểm về bức vẽ còn bài thì tám điểm.

Song một trưa, tôi vẽ hồi vẽ hỏ, sông Vàm Cỏ ngay đơ như ruột ngựa, thầy châu mày, tặng tôi có một điểm.

5. Đệ nhứt Thế chiến

Năm ấy, đệ nhứt Thế chiến nổi lên, giữa Đức (Allemagne) với các Đồng minh, ban đầu là Nga, Anh, Pháp sau lại Anh, Pháp, Mỹ.

Ở Tân An, Chánh quyền địa phương mộ quân tình nguyện sang Pháp. Để khuyến khích mấy anh chiến sĩ bất đắc dĩ ấy, vài giáo viên dựa theo bản quốc ca Pháp "La Marseillaise" mà đặt một bài hát, tây không ra tây mà ta cũng chẳng phải ta, hát lên nghe nó ngớ ngẩn buồn cười.

Nguyên văn bài chữ Pháp là:

"Allons, enfants de la Patrie, Le jour de gloire est arrivé.

Contre nous, de la tyrannie, L'étendard sanglant est levé (bis)

...

Và đây là mấy câu đầu bài hát của ta,
mà tôi nhớ như là sáng tác của thầy Võ
văn Kiệm:

"Anh hùng thành thân đừng lo ngã
trí, hể, Vì nước quên nhà, sá chi lìa quê.

Ngàn muôn năm đừng quên ơn
chiến sĩ, hể,

Lần tên đá trường chinh chiến mấy
khi về (hai lần)

...

Chính phủ lại quyền tiền, móc túi
mấy anh ba Tàu mà thơ ký, giáo viên,
cũng thắt lưng buộc bụng quyền năm ba
cắc, thậm chí mấy học sinh nhỏ bé cũng
nhịn ăn xôi bánh để quyền đôi ba xu.
Trên vách tường các công sở và các hiệu

buôn, nhan nhản những bích chương vẽ hình con Rồng vàng phun bạc, đánh anh lính Đức mặc quân phục, đội nón sắt có ngù nhọn, té nhào, dưới kẻ mấy dòng chữ:

"Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc,

"Một khi Đại Pháp thắng trận, dân ta tất có phần.

Để nhắc nhở dân tộc Việt Nam chớ quên công ơn nước Pháp, họ cho diễn một vở tuồng nhan là:

"Cao Hoàng đế viễn chinh Tây sơn tặc,

Đông cung Cảnh cầu viện Đại Pháp đình.

diễn lớp Cha Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh mới bảy xuân đi cầu viện nơi Pháp quốc. Anh kép đóng vai Bá Đa Lộc mặc áo nhà tu, hát nam hát khách giọng lơ lớ khó nghe.

Nhắc lại, năm 1918, Đại Pháp quốc thắng trận mà nước Việt Nam nhỏ bé chúng ta có hượng nhờ được cái gì ở đâu!

Kỹ lưỡng

Chuyện xảy ra cách nay đã hơn nửa thế kỷ rồi mà tôi vẫn nhớ rành mạch như mới hôm qua đây. Chiều hôm ấy, một buổi chiều ngày thứ hai, tháng 10; bốn giờ, trống đánh, học trò ra chơi.

Tiếng roi nhịp trên bàn lần thứ nhất, các bạn tôi, đồng đứng dậy; đến tiếng thứ hai, một bầy trẻ con mười, mười hai tuổi, túa ra khỏi lớp, tốp chạy xuống mé sông tiểu giải, tốp ồn ào trũng giỡn ngoài sân.

Tôi ra chót, mặc dầu tôi ngồi bàn nhút và đầu bàn.

Thuở ấy, mỗi chiều thứ bảy, thầy cọng điểm học sanh chia lấy trung bình, rồi thứ hai tuần sau, thầy «sắp chỗ», giới ngồi bàn trên, dở ngồi bàn dưới.

Tôi chăm học, được hân hạnh trong số học trò cang của thầy.

Thầy nắm vò một tờ giấy, thấy tôi còn đứng xơ rớ trong hàng ba, thầy trao cục giấy cho tôi và bảo đem đi liệng.

Dĩ nhiên là phải quăng cho xa, chớ ném dưới thêm thì thầy cần gì sai bảo tới thẳng tôi! Thầy tánh sạch sẽ, kỹ lưỡng, tôi biết.

Song, kìa thằng Hiệp ngoài sân cỏ nó ngoắt tôi ra đá banh với nó. Thế là con ma ham chơi nó dục tôi ném bậy cục giấy xuống đường mường trước lớp cho rảnh nợ, rồi ba chơn bốn cẳng chạy bay ra sân, đại chiến túc cầu với Hiệp.

Đang mê trận, bỗng tiếng trống báo vô học nổi lên ình ình. Mồ hôi nhễ nhại, tôi chạy vô đứng sắp hàng. Học sanh chầm rãi vô lớp, nhưng khi tôi qua trước mặt thầy, thầy giữ tôi lại.

Các bạn tôi vô lớp xong, thầy chỉ cục giấy dưới mương bảo tôi xuống lượm. Tôi then quá, lo sợ thầy sẽ phạt tôi, không biết phạt cách nào.

Thầy bảo tôi để cục giấy trên bàn thầy, lòng tôi bồn loạn, không đoán được thầy sẽ làm gì; xong, thầy cho tôi về chỗ.

Học trò ngạc nhiên, chòng chọc nhìn tôi, tôi cúi mặt chẳng dám ngó ai cả.

Thầy nghiêm nghị bảo tôi ôm cặp xuống bàn chót ngồi. Tôi tủi hổ đến rơm rớm nước mắt.

Rồi thầy kêu học sanh dở cuốn sách tập đọc Pháp văn, cuốn "Lectures – Bimard" đọc như thường bữa. Trớ trêu thay, chiều ấy lại đọc bài "Đứa học trò kỹ lưỡng", tôi còn nhớ mang máng một đoạn như vậy:

"Trò Tốt ăn mặc sạch sẽ, sách vở không lấm mực, không hề có dấu tay, mấy góc đều ngay thẳng.

Mỗi khi cha mẹ và thầy sai bảo việc chi, trò thi hành châu đáo.

Tánh kỹ lưỡng của trò làm cha mẹ và thầy hài lòng, các bạn yêu mến..."

Tôi in trí là thầy ám chỉ tôi và tôi oán cái lão Bimard nào đó đặt bài «Đứa học trò kỹ lưỡng» làm chi không biết.

Giờ về, trời lấm tẩm mưa, anh em bạn thấy tôi "xuống chơn" không đứa nào thèm đứng cặp cùng tôi, tôi đành phải giữ đuôi vậy.

Về đến nhà, tôi lơ lơ lửng lửng như đứa mất hồn, ăn có nửa chén cơm.

Má tôi rờ trán thấy nóng hanh hanh,

bắt tôi uống một viên ký ninh. Tôi nhăn mặt, dùn mình², muốn kêu to là thầy đã cho tôi "uống ký ninh" rồi, song con roi tre của má tôi oai vệ, hùng hổ hơn con roi mây yếu xịu của thầy tôi, nên tôi không dám hở môi.

Sáng ra, vô lớp, liếc lên bàn thầy, cục giấy tai nghiệp cứ nằm chình ình trên đấy! Các bạn liếc xéo tôi, chế giễu.

Coi kìa, thằng Hiệp, cái thằng phản bội, hôm nay dường như nó quên thằng Hội này từng đá banh với nó, nó rủ thằng Hiền đi chơi, mà Hiền là đứa thường ngày nó không ưa, vì Hiền đã học dở lại tánh xấu, thầy ghét thằng Hiền.

Nó trêu mình, có tức chết được không!

² rùng mình

Hôm ấy, tôi viết ám tả không có lỗi nào, được 10 điểm, làm hai bài toán trúng, cũng 10 điểm.

Nhưng mà, luôn hai hôm, thầy tuyệt nhiên không kêu tôi "trả bài". Thật tủi nhục cho tôi quá! Thà là thầy đánh cho vài roi, thầy mắng cho ít lời rồi thầy xóa tội cho chớ thầy phạt kiểu đó, thầy đã "đày" mình ra tận biên thùý mà thầy không còn ngó ngang gì đến mình nữa hay sao?

Nhứt là mình thuộc bài, lại càng muốn cho thầy kêu lắm. Còn cục giấy quái ác kia, nó cứ chường mặt mãi trên bàn thầy, sao nó không chịu bay vào giỏ rác cho rồi? Ngày nào thầy còn thấy nó trước mắt, tức là thầy không quên tội trạng của mình, vậy thì... một phải thủ tiêu, hai cũng phải thủ tiêu nó.

Thế là sớm mai thứ năm, tôi vô sớm, thừa dịp lớp học vắng teo, như một tên bất lương phạm tội lần đầu, tôi run run cắp cục giấy chạy quãng tuốt xuống sông trước trường học.

Vô lớp, ngồi dưới bàn, tôi sẽ lén liếc xem phản ứng thầy làm sao.

Thầy ngó trên bàn viết rồi thầy trông xuống tôi, tôi cúi mặt, giả vờ dở tập giấy ra. Thầy không nói chi hết.

Chiều thứ năm, các lớp nghỉ học.

Sớm mai thứ sáu, may mắn thay cho tôi, thầy kêu tôi lên bảng làm bài, dịch Việt ngữ ra Pháp văn.

Mấy lần trước, về môn này, mỗi câu tôi dịch đúng là thầy không ngớt ngợi khen, nhưng lần này thầy chỉ nghiêm trang cho tôi một điểm cao.

Chuyện phải đến đã đến.

Chiều thứ bảy, từ bốn giờ rưỡi tới năm giờ, thầy bốn thân cộng sổ, chia lấy điểm trung bình, sắp hạng.

Rồi sớm mai thứ hai, học trò vừa ngồi yên vào chỗ cũ, thầy tuyên bố kết quả: Hội, điểm trung bình 8, số 1.

Tôi đứng dậy, do dự không biết còn phải ngồi bàn chót hay là được «hồi cựu vị» thì thầy mỉm cười, ngón tay trở xinh đẹp của thầy chỉ tôi đầu bàn, bàn nhút.

Thế là thầy đã xóa lỗi cho tôi.

Trưa đó, tôi về nhà, mặt tươi như hoa, nói chuyện nhiều hơn thường bữa. Không dần được nỗi mừng, tôi kêu má tôi:

– Má ơi, má, tuần này con hạng nhút má à!

Má tôi hơi ngạc nhiên vì, mấy tuần trước, tôi vẫn "rởm nhê" (premier) mà tôi có bộc lộ vui mừng như vậy đâu. Tuy nhiên, má tôi cũng phát yêu trên đầu tôi, nói:

– Ủ, con hạng nhứt, má mừng.

Ông Trần phong Sắc

Chánh quyền địa phương bổ dụng nhà nho Trần phong Sắc dạy luân lý cho trẻ học sanh từ lớp tư trở xuống, nguyệt bổng mấy đồng.

Về tướng mạo, ông hơi xấu người, ông mang một đầu tóc to tướng, nước da ngăm ngăm đen, mắt lé nặng.

Đi dạy học, ông bịt chiếc khăn nhiễu điều đã phai màu, mặc cái áo xuyên dài

cũ, cặp cây dù đen, mang đôi giày hàm ếch thật là “xập lết”. Mưa như nắng, ông vẫn lội bộ luôn, từ xóm ngã tư đến trường.

Lớp luân lý thường dạy buổi chiều, tùy theo lớp, từ bốn giờ tới bốn giờ rưỡi, và bốn giờ rưỡi tới năm giờ. Ông giảng dạy bốn phận làm con đối với cha mẹ, trò với thầy, chúng dân đối với Chánh quyền, anh chị em, bè bạn cư xử với nhau...

Đoạn ông lên bảng, viết một câu lối chín mươi chữ Nho, cho luôn một câu giải nghĩa một hàng, ông viết rất đẹp, chữ như chữ in. Ông bắt chúng tôi chép vào một cuốn sổ con, trình ông chấm điểm.

Những chữ Nho ngoằn ngoèo khó viết làm sao cho bàn tay non nớt và chúng tôi vẽ chẳng khác vẽ bùa, thế mà được

ông cho chín mười điểm ngon lành.

Song sau đó, trò nào phá phách, giỡn cợt, làm ồn ào, ông không ngần ngại cạo điểm nó trong sổ, sửa con số 9 số 10 thành ra con số không (0), nhưng mấy ngày sau, cậu học sanh tinh nghịch trở tài hay phép lạ, đổi cái điểm không của ông thành con số 6 hay 9 như thường!

Tánh ông trầm lặng, ít hay giao thiệp, nên giờ nghỉ xả hơi, mấy thầy kia tụ nhau chuyện vãn, còn ông thì ngồi trong lớp xem sách chữ Nho.

Có lẽ vì thời buổi ấy, trường tỉnh Tân An xem thường môn luân lý, vì ông Trần phong Sắc quá hiền hậu lôi thôi, và cũng vì mấy thầy giáo khác ít nể nang ông, không răn dạy học sanh đối với ông phải kính trọng, nên giờ học luân lý, lớp ông không khác nào cái chợ, mặc ông nhíp

roi nhịp thước trên bàn, học trò cứ giỡn.

Bọn chúng gọi ông là «thầy ma ranh» (morale), hoặc «ông kẻ lừa». Hai đứa ngồi hai đầu bàn ngang nhau, trò A tung một mắt me sang bên kia, trò B háng miệng hứng lấy, cả lớp cười vang, ông Sắc kêu hai trò lên phạt.

Trò C với Đ ôm tập lên xin chấm điểm; trong lúc Đ trình tập giấy mình ông xem, C cúi xuống đút một vật gì vô đôi giày hàm ếch của ông.

Năm giờ, trên lớp nhút, anh cu li đánh trống mãn học. Ông Trần phong Sắc xỏ chơn vô giày đụng phải vật gì mềm nhũn, ông giựt mình, cúi xuống trút đôi giày ra... hai trái chuối chín, và học sanh cười rộ!

Hai mươi tỉnh Nam Kỳ thuở đó, không mấy ai là không đọc những bốn dịch truyện Tàu của ông Trần phong Sắc.

Sự nghiệp dịch thuật của ông rất là phong phú, ông dịch trên ba mươi bộ truyện Tàu, tôi xin kể sơ:

Phong Thần – Tam Quốc Diễn Nghĩa
– Thuyết Đường – La Thông tảo Bắc –
Tiết nơn Quý chinh Đông – Tiết đình
San chinh Tây – Phi Long diễn nghĩa
– Tam hạ Nam Đường – Tàn Đường –
Vạn huê lâu – Ngũ hổ bình Tây – Ngũ hổ
bình Nam – Nhạc Phi diễn nghĩa – Tam
hạ minh châu bửu kiếm, Càng Long
hạ Giang Nam – Chánh Đức du Giang
Nam...

Câu văn ông vừa cân đối trôi chảy, vừa bóng bẩy văn hoa, phụ nữ nhi đồng đọc truyện ông đã say mê mà bức lão thành, nhà trí thức xem càng thích thú.

Như trên tôi đã nói, từ năm 1918 trở về trước, kỳ bãi trường lớn bắt đầu từ ngày 25 tháng 12 dương lịch và nhập học vào đầu tháng ba năm sau.

Trừ lớp nhứt là lớp chuẩn bị học sinh thi Cấp bằng Sơ học (Certificat d'Etudes primaires franco-indigènes) và thi học bổng Trung học, còn thì từ lớp nhì trở xuống, ông Toàn, Đốc học, nhắm mắt cho các thầy cùng học sinh, sau ngày 15 tháng 12, nghỉ xả hơi thời gian mười ngày trước khi về nhà sửa soạn ăn Tết.

Một lớp trên ba mươi trò, chỉ còn vài mươi đi học lấy lệ; sớm mai, thầy cho viết một bài ám tả, đọc vài bài Pháp văn, Việt

ngũ; chiều, thầy năm Đợi, thầy tư Quới, thầy ba Giá, thầy ba Cảnh, thầy nhì Anh, chọn trong lớp vài ba trò đọc Việt văn trôi chảy, cho luân phiên đọc truyện Tàu của Trần phong Sắc, thầy và bạn đồng học thưởng thức làm vui ...

Tôi xin tạm dừng bút về ông Trần nơi đây, tôi có chép chuyện ông đầy đủ hơn trong cuốn “ Tân An Ngày Xưa ” tôi sắp xuất bản.

* * *

Mặc dầu tôi sắp được lên lớp ba, từ giã thầy năm tôi, song ngày 28 Tết năm 1915, tía tôi bảo đem Tết thầy một chai rượu thuốc.

Tôi gặp thầy đang chưng hoa vào bình, tôi ấp úng nói mấy lời, thầy mỉm cười, cảm ơn tía má tôi, bảo tôi lên lớp ba rán học và... đừng quên thầy.

Tôi cảm động, xá thầy, lật đặt ra, vấp cái ngạch cửa ngõ của thầy suýt té.

6. Lớp ba B (C. Elémentaire B – 1915)

Ban đầu, chúng tôi học với thầy ba Võ Văn Kiệm.

Thầy tác trung, nghiêm nghị, tóc hót «bàn chải vuông» (brosse carrée), hay nhẵn mày.

Thầy nói nhỏ và viết chữ cũng nhỏ rất đẹp. Thầy bác hai chữ «giảng dạy» rằng:

– Người ta thường nói ‘giảng dạy’

nói như vậy là sai, giảng tay, giảng chơn, mới gọi là giảng; phải nói là ‘doãn dạy’ mới đúng.

Thầy nói sao chúng tôi hay vậy, không dám cãi, mặc dầu nghe mấy thầy khác và song thân tôi đều nói ‘giảng dạy’.

Sau, vô trung học, học Việt ngữ với ông Nguyễn khắc Huê, tôi mới rõ chắc là thầy Kiệm lắm.

‘Giảng’ là chữ Nho, có nghĩa là ‘diễn giải cho rõ nghĩa’ và được dùng trong từ ngữ: giảng kinh, giảng sách, giảng đường, giảng giải, giảng luận...

‘Doãn’ cũng chữ Nho, nghĩa là ‘bằng lòng, ưng thuận’: chuẩn doãn, doãn duyệt, doãn hứa... Lại có nghĩa là: ‘chức quan phủ, huyện cũ’: phủ doãn, huyện doãn, lệnh doãn ...

Còn chữ ‘giã’, giãn tay, giãn chơn thì viết như thế. Thầy Kiệm cũng hiền lành, không đánh ai.

Thầy dạy được vài tháng thì thuyền chuyển nội Tân An, song tôi quên không biết thầy đổi dạy trường nào.

Thầy Trần văn Giá lại thế, dường như thầy ở trường Sư phạm ra. Thầy còn trẻ bản, cỡ hăm lăm, hăm sáu, ăn mặc Âu phục chải chuốt; thầy vui vẻ, sốt sắng, viết chữ đứng, to và đẹp.

Giờ chơi, thầy đi rảo, coi chừng học sanh, can thiệp vào những đám đánh lộn, chửi lộn, nên chúng tôi kính phục thầy.

Vài ba tháng sau khi thầy đổi lại, thầy kết hôn cùng trưởng nữ ông Đốc Huỳnh văn Toàn.

Thầy tập chúng tôi làm luận văn bằng Việt ngữ, cho những đề tài luân lý như: đạo làm con đối với cha mẹ, học trò đối với thầy, anh em bạn với nhau, tả đứa học trò tốt, đứa học trò xấu... tả cảnh đồng ruộng, lúc cày, mùa cấy, mùa gặt...

Ban đầu, má tôi cắt nghĩa, chỉ dẫn cho tôi, sau tôi tự làm lấy, thầy cho tôi điểm cao. Nhiều trò đổ kỵ, thưa rằng chính má tôi làm bài giùm tôi.

Thầy không nói gì. Một bữa, giờ Việt ngữ, thầy cho chúng tôi một đề tài, bảo làm ngay trong lớp. Tôi làm cũng tạm được, thầy hài lòng.

Từ đó, không còn ai gièm siểm nữa.

Thầy dạy chúng tôi học Pháp văn, văn phạm, ban đầu đặt câu rời (phrases détachées) bằng một mạng đề (proposition) tức ‘độc lập mạng đề’ (proposition indépendante), lần lần làm một câu có hai mạng đề, một mạng đề chủ yếu (proposition principale) và một mạng đề phụ thuộc (proposition subordonnée) nối liền nhau bằng một ‘đại danh từ liên hệ’ (pronom relatif): qui, que, dont...

Đặt câu rời khá thạo rồi, làm một bài ngắn ngắn với đề tài dễ dễ: ‘Những con thú vật nhà với lợi ích của nó’ (les animaux domestiques et leur utilité), các gia cầm (oiseaux de basse-cour)...

Làm luận văn bằng Việt ngữ, thầy bảo bỏ bớt những chữ ‘thì’ chữ ‘cũng’ ... làm nặng nề câu văn. Danh từ ‘Indochine’

người thường dịch là ‘Đông dương’, thầy sửa lại là ‘Tây Ấn đông Tàu’.

Bệnh dịch hạch

Vào khoảng tháng tư, tháng năm, chúng tôi được nghỉ bất thường nửa tháng, dân chúng châu thành Tân An trải qua một cơn hãi hùng: bệnh dịch hạch (peste bubonique) hoành hành tại chợ; trong mấy tiệm người Trung hoa, không tiệm nào là không người mang bệnh.

Người Hoa kiều ở với nhau đông đúc, bất chấp vệ sanh, gặp phải bệnh truyền nhiễm, mỗi ngày đều có một hai người tử bệnh.

Chánh quyền địa phương dùng mọi phương pháp phòng ngừa, trị bệnh và tẩy uế. Người nào bệnh nặng thì cho tội

nhơn vống xuống ‘nhà thương lá’ (lazaret) tức là một cái nhà lá cất gần bên đò Chú Tiết, xa châu thành một cây số ngàn, để nằm đó dưỡng bệnh, một thầy y tá coi chừng, rủi bệnh nhân chết đi thì đem ra ruộng chôn liền cho tiện.

Nhiều người không đau nặng lắm song bị bỏ nằm một mình trong khung cảnh âm u đầy tử khí, khủng hoảng tinh thần, sợ quá chết luôn!

Hễ được hân hạnh làm khách ‘nhà thương lá’ thì ít có ai may mắn mạnh mà về.

Chợ Tân An cấm nhóm, trường học đóng cửa, hơn nửa tháng tình hình mới trở lại bình thường.

Không biết trò Thông có bà con chi với thầy mà thầy tin cậy nó quá, tuần nào thầy cũng giao cho nó cộng sổ chia điểm luôn.

Nó giỏi thật, món nào cũng hay, song có mỗi một cái tánh thiên vị, bè bạn nó thì nó đem lên hạng còn mình, nó cộng điểm thế nào mà mình cứ đứng hạng năm sắp xuống hạng mười!

Có lần tôi sẽ lên coi sổ và cộng lại, thì ra, đáng lẽ tôi phải được sắp hạng nhì đứng sau Thông, song lại bị anh ta cho tuột tới hạng sáu. Tôi nói với vài nạn nhân của Thông, Long (Huỳnh) và Long (Bùi) định lên thưa thầy, song một là khiếp thầy nghiêm nghị, hai là thầy tin cần Thông quá nên chúng tôi lại thôi, đành chịu vậy ...

Nhút quí, nhì ma, thứ ba ...

Tuy học hành có lo lắng, cực khổ nắng mưa, thầy có khi rầy khi đánh, song cũng có phần vui. Anh em chúng tôi dịch chữ Pháp ra Việt bằng những danh từ mới mà ít ai ngờ, như chữ «Indicatif présent», trong cách chia động từ (conjugaison des verbes), ‘mode indicatif’ tự điển dịch là ‘trực thuyết cách’, ‘présent’ là hiện thời, chúng tôi cho là ‘anh-đi-xúc-tép-về-rang’, lại thêm luôn mấy chữ cho trọn nghĩa: ‘em ở nhà lo than lo mớ’.

‘Vocabulaire’ là ‘từ ngữ’ ‘tự vựng’ bị chúng tôi biến thành ‘giỏ cá bự lại rẻ’, mấy thầy nghe lắc đầu. Chúng tôi lại trèo đèo tới thầy, nhưng mà, xin lỗi, cho tuổi thơ cười cợt cho vui.

Như chúng tôi hỏi:

– Thầy nào cao hơn hết? Đáp: thầy Dương (vì cây dương cao hơn hết trong các loại cây)

– Thầy nào lạnh luôn luôn? Thầy Giá, vì tuyết giá lạnh luôn.

– Thầy nào xưng mình trên hết? Thầy Anh.

– Thầy nào đưa lưng chúng đánh? (Tôi chẳng dám đáp vì lỗi cùng thầy tôi và là người quá cố).

Người ta nói: ‘nhứt quỷ, nhì ma, thứ ba học trò’ là phải. Song thật chúng tôi kính mến thầy, đứa học sanh lớp khác mà xúc phạm đến thầy mình, mình dám đánh lộn đổ máu với nó lắm!

Trái lại, thầy ba cũng thương tôi vì tôi hiền hậu, cố gắng học hành. Tôi xin thuật một chuyện điển hình thầy có cảm tình cùng tôi.

Dưới bàn chót, treo trên vách một tấm địa đồ Đông dương in nhiều màu rất đẹp, rộng tám tấc, cao thước hai.

Chúng tôi học địa lý (hoặc gọi là địa dư) xứ Đông dương (hay Đông Pháp, Indochine française) bằng Pháp ngữ.

Từ hai giờ rưỡi tới ba giờ mười lăm là giờ địa lý, thầy kêu vài ba đứa trả bài, kể tôi, tôi leo đứng trên bàn chót cầm cây thước bảng vừa đọc thuộc lòng vừa chỉ.

Bỗng nghe nhột nhột dưới bấp chuối mặt.

Không nhìn xuống, miệng vẫn láp đáp đọc, tôi lấy thước bảng đánh xuống

một cái, tưởng anh em bạn phá tôi; hai ba lần bị cào chơn, tôi đánh đủ hai ba lần ...

Trả bài xong, trò bạn ngồi bàn chót thuật chính thầy chọc nhột chơn tôi và tôi đánh trúng tay thầy. Tôi hết hồn, sợ thầy oán, song từ đó đến giờ về không việc gì xảy ra.

Đố kỵ

Mỗi tháng thi vài ba món (composition mensuelle), ám tả chữ Pháp, toán, luận văn bằng Pháp ngữ, Việt ngữ ...

Ám tả lần nào tôi cũng được sắp hạng nhứt hay hạng nhì, mấy món kia, tôi chỉ xoàng thôi. Thấy bảo rằng cuối năm thế nào tôi cũng được phần thưởng về ám tả.

Chính vì tôi được thầy khen mà thằng Lai nó ghét tôi, nó lớn hơn tôi một tuổi, học kém hơn, song lanh lợi xảo quyệt, thường hay nhạo báng tôi, kêu tôi là ‘con lính’.

Một hôm, thầy bảo tôi làm một cái hoa lam (giỏ hoa) vành trên và đáy giỏ bằng giấy cứng, giỏ cao một tấc, miệng giỏ trực kính tám phân, đáy giỏ năm phân, thành giỏ bằng những thanh tre vót tròn.

Anh tôi với tôi tìm đâu ở nhà được một tấm giấy cứng màu lam, lấy kéo cắt miệng giỏ và đáy giỏ. Cái giỏ trông cũng khá đẹp.

Hai giờ, chưa vô học, gặp thằng Lai, nó bảo tôi đưa cái giỏ nó coi.

Tôi ngây thơ, quên rằng nó không ưa

gì mình, nghe lời trao giở. Cái thằng quỉ quái, nó khen đẹp, rồi làm bộ sút tay, giở rơi xuống đất.

Tôi giận hết sức cự nó. Bổng trống đánh vô học. Thầy nhận thấy cái giở tôi làm công phu, sao lại sệu sạo như vậy.

Tôi mếu máo thưa:

– Bị trò Lại cầm coi rồi liệng xuống đất.

Túc thì thầy trợn mắt thét nó:

– Đồ du côn, đồ ăn cướp, mày phá con người ta vậy đó hả? Không bỏ cái tật đó, mày coi tao!

Hôm sau, gặp tôi, nó vỗ tay chế nhạo:

– Mày giỏi thưa thầy, thầy đánh tao chục roi rồi đó!

Tôi tức quá, nhảy lại đánh nó, nó chạy.

Bữa kế, nó cùng hai đứa bồ vây đánh tôi và đẩy tôi vô bụi keo, hai chơn ghim đầy những gai.

Anh tôi xách tôi thưa với thầy, thầy thưởng nó ba roi địch đáng và giờ chơi, quì trên thêm, trước hàng ba. Từ đó mới yên cái mũi giặc Trần văn Lại.

* * *

Kể từ ngày 15 tháng 12, trò Thông, vài trò nữa với tôi, mỗi chiều, luân phiên đọc truyện Tàu của ông Trần phong Sắc dịch cho cả lớp nghe.

Tôi còn có dịp nhắc đến ông.

Thầy còn mượn đầu được một bộ

sách Phật, nhan là ‘Bụt sử lược biên’ cho chúng tôi đọc. Bộ sách in rất đẹp, giấy láng thơm tho, nhiều hình ảnh đặc sắc, chúng tôi thành kính đọc, lấy làm mê thích.

Phát thưởng

Ngày 23 là ngày phát thưởng.

Mỗi lớp được quét tước sạch sẽ, trên bàn trải khăn trắng tinh, chất đầy những sách và tập giấy. Học sinh đứa nào cũng mặc đồ mới vào đầu áo đen quần đen cũng sạch sẽ.

Tám giờ, khởi phát thưởng cho lớp nhứt, kể Nhì A, Nhì B, Ba A, đến lớp Ba B chúng tôi là chín giờ. Ông Đốc Toàn với một giáo viên thơ ký đi từ lớp mà phát thưởng.

Thầy tôi trao cho ông Đốc danh sách những trò được thưởng, trên mỗi phần thưởng đã dán tên trò hân hạnh và môn gì.

Giờ phút sung sướng khi mình nghe ông Đốc đọc lên: ‘Premier Prix d’Orthographe – Đào văn Hội’ (Phần thưởng ám tả hạng nhất).

Thầy giáo viên thơ ký trao cho thầy tôi một cuốn sách to, bìa đỏ cứng, thơm phức, cầm rít tay. Thầy kêu tôi lên bục, trao phần thưởng cho tôi, mỉm cười và vỗ vai tôi nhẹ nhẹ.

Tôi cúi đầu chào ông Đốc, mấy thầy rồi xuống.

Dĩ nhiên là Phần thưởng ưu hạng (Prix d’Excellence) về phần trò Thông, không ai giành nổi.

Cuốn sách thưởng của tôi nhan là ‘Les jeunes aventuriers’ xin tạm dịch: ‘Mấy anh niên thiếu giang hồ.’

Anh tôi học lớp nhì A cũng được thưởng một cuốn sách ‘Les Montgolfières’ (Những chiếc khinh khí cầu).

Thú thật rằng từ ngày lãnh hai cuốn sách thưởng cho đến ngày nó rách, anh em tôi chỉ coi hình mà thôi, chớ chưa hề đọc đến. Thật lười thôi làm sao!

Suốt tám năm tôi học trường tỉnh Tân An, từ 1911 đến 1919, Nha Học chánh Nam Kỳ chỉ cho phát thưởng có hai lần mà thôi, năm 1912 với 1915, còn mấy năm kia không có thưởng, có lẽ vì mắc phải Độ nhứt Thế chiến (1914 – 1918) mà ngân sách Nhà Nước eo hẹp đi chăng.

Hai mươi bảy năm sau

Sự đời éo le, hai mươi bảy năm sau, năm 1952, tôi gặp lại thầy ba tôi nơi Bộ Tài chánh, Chánh Phủ Việt Nam.

Thầy đã về hưu, song vì hoàn cảnh gia đình mà thầy phải còn lao lực. Anh Nguyễn Phước Lộc, Đồng lý văn phòng, tuyển dụng thầy làm thơ ký công nhật.

Lúc bây giờ, tôi đảm nhiệm chức vụ Chủ Sở Viện trợ Mỹ. Gặp tôi, thầy mừng rỡ cảm động. Tôi nhắc những chuyện xưa, thằng Thông, thằng Lại, chuyện thầy dạy tôi trong luận văn bớt dùng những chữ ‘thì’ chữ ‘cũng’ thầy nghe nhắc, thầy cười.

Tôi giúp thầy vài việc nho nhỏ, đền đáp ân nghĩa thầy trò trong muôn một.

Tảo mộ

Năm ấy tôi mười một tuổi, anh tôi mười bốn xuân xanh.

Ngày 25 tháng chạp ta, anh em tôi theo tía má tôi về làng Thọ cung (sau đổi là Hướng thọ phú) cách châu thành bốn cây số ngàn, tảo mộ ông nội bà nội tôi.

Phải đi qua cây Cầu Sắt bắc trên sông Vàm cỏ tây, trên đường Sài Gòn Mỹ Tho, dành cho chiếc xe lửa chạy trên đường rầy lót giữa Cầu.

Bước lên cầu, đôi chơn tôi mềm nhũn, nhưng tôi cũng rần dỗi bước theo tía má tôi. Là vì, cầu lót đà ngang cách khoảng nhau độ thước hai, dọc theo lan can cầu, phía bên trái, hướng về Sài Gòn, Sở Trường tiền lót ván dài, làm một

‘chiếc cầu’ rộng chừng thước tư, chỉ đủ cho chiếc xe kéo, hay xe đạp và bộ hành đi.

Đứng trên cầu nhìn xuống sông dưới chơn mình, nước chảy như cắt, anh tôi bảo đi nép bên lan can và đừng ngó xuống nước mà ngộp hoặc chóng mặt, chỉ nhìn tới trước mặt mà đi thôi.

Qua khỏi cầu, theo quốc lộ vài cây số, kể quẹo qua tay mặt vô lộ Tổng Huấn, một ngàn thước nữa tới một miếng biển, vào chòm mả ông bà tôi và bác ba tôi.

Cây lúc và u du mọc đầy trên mả.

Tía tôi dùng cuốc giẫy cỏ, má tôi chặt lúc, anh em tôi hốt quăng xuống ruộng.

Vài giờ công tác, trên chòm mộ sạch sẽ rồi, tía má tôi bày lễ phẩm ra cúng, bánh hỏi thịt quay, trái cây, rượu trắng,

nhang đèn, giấy tiền vàng bạc.

Cúng lạy xong xả, ngồi nghỉ một hồi, sắp phẩm vật vào giỏ, vô xóm thăm mấy người quen, vì tía tôi sanh trưởng ở Hương tho phú, làng này chỉ có ông nội tôi họ Đào mà thôi, chẳng biết chúng tôi có phải là miêu duệ Đào duy Từ, quân sư Chúa Nguyễn, lưu lạc vào Nam chăng.

Thấy tía má tôi về, bà con lối xóm mừng rỡ mời về nhà đãi rượu đãi cơm.

Ăn uống nghỉ ngơi đến bốn giờ chiều, dịu nắng, chúng tôi đồng nhau đi về.

Gần đến cầu sắt, tôi thấy một bầy le le lội ăn dưới ruộng. Sau khi xin phép tía má tôi, tôi cố ý phục nhảy ào xuống ruộng đuổi bắt.

Bắt le le dưới nước là ‘giang sơn’ của

nó thật là điên rồ: đuổi bên đông, nó chạy qua tây mà ví dưới nam thì nó lặn lên bắc.

Thình lình, tôi bị con gì cắn dưới bắp chơn, có lẽ là con rắn nước. Tôi lật đật lội lên, mặc quần áo lại, đại dột chẳng dám cho tía má tôi hay, may cũng chẳng có hại gì ...

* * *

Đến đây, tôi thuật đã được phân nửa thời kỳ học sanh tôi nơi trường tỉnh Tân An. Giờ, tôi xin kể một vài chuyện ngoại học đường giúp vui độc giả.

Chuyện bà Chín ăn xoài ...

Khít bên nhà tôi, phía trái, là hai căn

nhà lá của bà Chín bán bánh cam. Chính anh Cống, con bà, năm 1911, đã cứu tôi khỏi chết chìm.

Bà Chín vui tính, tử tế, song có mỗi một tật, là tật hà tiện.

Thuở ấy, xoài chín tốt một cắc rưởi một chục mười hai trái, xoài dẫu dẫu thì một cắc, cắc hai.

Bà Chín mua một chục xoài có hai trái dẫu dẫu, một cắc hai. Dem về nhà, bà khởi sự ăn hai trái dẫu dẫu trước.

Hôm sau, lại có hai trái dẫu dẫu, bà gọt chúng nó, xơi.

Ngày thứ ba, tới phiên cặp xoài dẫu dẫu thứ ba. Lần lượt đến ngày thứ sáu, là bà thanh toán xong chục xoài 12 trái, mà ăn toàn là xoài thúi.

Chợ Tân An, người ta hay biết chuyện đó, cười bà ta ‘tiện tặc không phải chỗ’.

Mấy nhíp đòn ca

Bên hữu nhà tôi là nhà ngói ông quản Sơn, Lâm ngọc Sơn, làm Sở Bưu điện. Ông ốm nhom, cao nhòng, còn bà vợ mập lù, lùn xùn.

Đi làm việc, ông bịt khăn đóng, mặc cái áo bành tô hai cánh tay gắn lon quần, quần hàng trắng, mang đôi giày bố đen, che cây dù đen.

Ông người điềm đạm, nói chuyện đàng hoàng, song mang bệnh hút.

Ông rước thầy giáo Hồ mỗi tối đến dạy đòn ca cho hai cô con là Hường và Lê.

Đúng ra thì thầy HỒ là thầy đồn, không biết thầy có dạy học hồi nào chẳng mà chúng tôi nghe kêu là ‘thầy giáo HỒ’. Với cái tánh lôi thôi, chúng tôi không tìm hiểu làm chi. Bảy giờ tối, thầy dạy Hường đồn tranh, kể dạy Lê.

Trong mấy bản đồn ca thầy dạy, chúng tôi đặc biệt chú ý đến bản ‘Lý con ngựa ô’ nên còn thuộc đến ngày nay, tôi xin chép sau đây:

‘Khớp con ngựa, ngựa ô,

‘Khớp con ngựa, ngựa ô,

‘Ngựa ô anh thắng,

‘Anh thắng kiệu vàng,

‘Anh tra khớp bạc,

‘Lục lạc đồng đen,

*‘Búp sen lá rậm,
‘Dây cương đậm thắm,
‘Cán roi anh bịt đồng thò.
‘Là đưa, y ả, đưa nàng,
‘Đưa nàng về dinh.*

Đoạn nằm hút với ông quản Sơn.

Mười giờ, mười một giờ khuya, hút
đã rồi, thầy ngồi dậy đờn và ca một mình.

Thường thì thầy đờn bản Tứ đại oán,
ca bài ‘Ngọc Dung cống Hồ’, chúng tôi
thuộc được đoạn chót như vậy:

...

*‘Khuya, là lúc canh khuya,
‘Mảng than thân, cái thân tội phạm
‘Chẳng biết ý chàng,*

‘Có mận lạt chi không?

‘Đồng cung hỡi, có hay,

‘Thiếp trao thân cho chàng ...

‘Năm, trăm năm phụng sánh với hoàng,

‘Cho đẹp mặt nở mày hồng nhan.

Đêm khuya thanh vắng, réo rắt tiếng đàn tranh, giọng ca trầm buồn, thật là ảo não.

Nghe ra như oán, như sầu phải chăng?

7. Lớp ba A (C. El. A – 1916)

Đầu năm này, ông Đốc định rằng học sinh đã lên lớp cao, gần thi bằng Sơ học, phải thi lên lớp, giỏi đậu thì lên, rớt thì ở lại.

Ông bắt thi ba món:

Một bài ám tả bằng Pháp văn (dictée française), hai bài toán đố (problèmes) và một bài luận bằng Pháp văn (rédaction française)

Ám tả là môn sở trường của tôi, tôi làm một lỗi. Hai bài toán đố, tôi hiểu đầu đề song tôi quýnh sợ, lộn xộn thế nào mà cho đáp số trật.

Đầu đề bài luận văn như thế này: ‘Dites comment vous faites vos préparatifs pour l’école’ (Trò hãy tả trò chuẩn bị đi học thế nào).

Tôi làm xoàng lắm, lỗi bảy tám hàng. Thế là tôi rớt lên lớp nhì.

Thấy tôi hơi buồn, song thay vì cho tôi ở lại, thầy đề nghị ông Đốc cho tôi

qua lớp ba A, học với thầy ba Hồ Văn Cảnh.

Năm ấy, anh Lân tôi được lên lớp nhứt, học với ông Huỳnh Văn Đẩu.

Má tôi nói rằng thầy ba Cảnh bà con với chúng tôi: nầy, bà ngoại vợ thầy là em ruột bà ngoại tôi, tức vợ thầy kêu má tôi bằng dì, và hai ông bà phải kêu tôi bằng anh, thằng Hồ Văn Xuân con thầy cũng học chung với tôi phải kêu tôi bằng cậu.

Nhưng đã là thầy trò thì dẹp bà con lại một bên và thằng Xuân nó vẫn kêu tôi bằng thằng Hội như thường. Thằng Long Bùi (Bùi văn Long) ở lại lớp ba B, Long Huỳnh qua lớp ba A với tôi còn thằng Trần Văn Lại được lên lớp nhì B mới tức!

Năm nay, tôi có hai bạn nữ học sanh

là chị Nguyễn thị Giỏi và chị Trần thị Phận. Thầy cho hai chị ấy ngồi chung với tôi một cái bàn giữa lớp gần cái bục của thầy.

Tôi then, ngồi xích tuốt đằng đầu bàn, không dám ngồi gần chấm chai mực của chị Giỏi; thầy để ý, cho tôi xuống ngồi bàn đầu, gần cửa sổ, Long Huỳnh ngồi gần tôi.

Sớm mai, viết ám tả rồi hoặc làm toán, hoặc viết *écriture* (viết chữ đẹp) , hoặc học luân lý trong cuốn ‘Ngũ luân minh cảnh’ của ông Nguyễn Đình.

Chiều, làm bài luận Việt văn, trả bài thuộc lòng.

Tôi học đã có căn bản dưới lớp ba B, bây giờ được thầy rèn luyện có phương pháp nên tôi tấn phát đủ mọi mặt. Và

tôi dẫn đầu trong lớp luôn, chị Giỏi với Long Huỳnh tranh nhau cái nhì, ba, chị Phận thường đứng hạng năm trong lớp.

Khi thì thầy bốn thân cộng sổ, khi thầy giao cho tôi, hoặc Long Huỳnh, chị Giỏi. Và không bao giờ có ai khiếu nại.

Mỗi ngày, vào lối chín giờ rưỡi, dạy xong vài bài, thầy bảo tôi kêu mấy trò thầy có chấm tên đọc một bài Pháp văn, trong lúc thầy đi tiểu và ghé nói chuyện cùng thầy khác.

Tôi thi hành xong phận sự, thầy vô cho điểm mấy trò ấy.

Thầy ba Cảnh rất hiền, không đánh phạt ai, song có bữa thầy cũng nổi nóng.

Một hôm, thầy bảo Long lên bảng làm toán, Long làm không xong, thầy kêu Xuân.

Xuân ầm ớ thế nào mà thầy đứng dậy, xách cái ghế ngồi của thầy liệng ngay đầu nó. Long đưa hai tay lên chụp kịp hai chơn ghế, bằng chẳng, ắt Xuân đã gãy cổ rồi!

Tôi liền giơ tay, xin lên bảng giải bài toán... Thầy hài lòng

* * *

Thầy ba Cảnh với thầy ba Giá đều là cầu thủ có hạng; thường chiều chúa nhứt hai thầy mặc mai-dô ra sân.

Thỉnh thoảng, hội banh các tỉnh lân cận, chẳng hạn như hội ‘Etoile de Gia định’ (Ngôi sao Gia định) đến đá trận giao hảo với Hội tuyển Tân An.

Dĩ nhiên hai thầy tôi hiện diện để binh vực màu cờ tỉnh nhà.

Trận đá sỏi nổi, tôi phập phồng mỗi khi thấy A hay thấy B trong hàng can thành xuống gần đến lưới đối phương. Tôi vái thầm thầy bắn banh vào lưới.

‘Ngôi sao Gia định’ trên chơn Hội tuyển Tân An rõ rệt, rốt cuộc thắng Tân An ba bàn gỡ một (3 / 1).

* * *

Thầy tôi ở một cái nhà ngói rộng dưới đầu cầu sắt phía bên kia cầu; muốn qua chợ, thầy phải đi trước nhà tôi, đường Lagrange, qua chiếc cầu quay, quẹo tay mặt là lại chợ mà quanh tay trái thì gặp

sân banh, rồi khu hành chánh, lại qua Cầu Lính tập hay Cầu kho bạc là đến trường.

Bữa nọ, bốn giờ chiều, anh tôi đứng trước nhà chơi, còn tôi thả diều trên lộ.

Chợt thấy ba đi qua, anh tôi chào, thầy đáp lễ, tôi mãi mê với con diều không thấy thầy. Thầy qua khỏi rồi, tôi mới thấy, anh tôi trách sao vô phép với thầy.

Tôi hối hận. Sáng hôm sau, giờ chơi, thừa lúc thầy ngồi trong lớp một mình, tôi lên xin thầy xá lỗi cho, vì hôm qua vô ý không chào thầy.

Thầy ba cười, rằng thầy không để ý.

Hỏa tai

Tháng ba, trời nắng hanh hao, một buổi chiều, tại xóm Ngả tư, vì một em bé nấu cơm bất cẩn, lửa trong bếp bắt qua vách lá, bà Hỏa bốc lên thiêu rụi mấy trăm căn nhà, heo trong chuồng chết bộn.

Lửa sanh ra gió, gió tăng sức lửa, cách châu thành cả ngàn thước, dân làng còn thấy ngọn lửa cất lên ngàn ngút.

Phương tiện cứu hỏa thô sơ ở tỉnh thời bấy giờ không đủ sức đàn áp bà Hỏa.

Ông Đốc cho mấy anh lớn ở lớp nhứt chạy đến Ngả tư phục lực với lính mã tà và thường dân tận tâm chữa lửa.

Đôi ba bạn tôi, nhà cũng ở xóm ấy, nhưng cách đường, hôm sau thuật rằng

xóm bị hỏa tai cách nhà ông Trần phong Sắc có một cái rạch con và ngọn gió lại thổi về phía nhà ông nữa.

Mấy anh thấy tận mắt, ông thỉnh ra để trên phiến đá xanh cửa ngõ nhà ông một con hình nhơn cao độ vài tấc, tay cầm lá cờ.

Ông đọc chi lâm thâm một chặp, đoạn phát cây cờ trên tay hình nhơn mấy lượt; lạ thay, ngọn lửa đang cháy mãnh liệt, sắp leo qua rạch tấn công mái ngói nhà ông, bỗng quay trở lại.

Thế là ông nạn khỏi tay qua.

Đây là lời mấy bạn tôi thuật lại, hư thực thế nào tôi không dám quyết, chỉ chép lại cống hiến bạn đọc xem chơi. Lửa cháy suốt hai tiếng đồng hồ mới tắt.

Thuyền côi âm rước trò Khá

Nơi học đường, mặc dầu bé nhỏ, chúng tôi cũng có những bạn thân, cùng chơi với nhau, cùng chia xẻ mắt me, khúc mía.

Không thoát khỏi cái khổ ‘ái biệt ly’ nhà Phật, hoặc kẻ còn người mất, hoặc hoàn cảnh chia lìa mỗi kẻ một nơi, chúng tôi vẫn giữ kỷ niệm êm đềm tình bè bạn mấy mươi năm, có khi suốt cả đời.

Đó là trường hợp Khá với tôi.

Quen nhau từ lớp sáu, Khá mỗi năm lại với tôi lên cùng một lớp, và anh em không hề mịch lòng nhau, mặc dầu ông cả Ráng, phụ thân của Khá là một phú hào làng Bình lập, còn tôi chỉ là con nhà nghèo.

Chúa nhựt, Khá hay đến nhà tôi chơi; có cá thia thia tốt, nó chia cho tôi và tôi có dế hay cũng tặng nó.

Khá học trung bình, tánh tình cương trực, tác trung trung song mạnh mẽ, không chịu ai hiếp đáp ai bao giờ.

Bãi trường tháng bảy, nghỉ 15 ngày, tôi ít đi đâu và cũng không thấy Khá đến tôi.

Chừng vô học lại, hồi ôi, mới hay Khá đã ngủ yên dưới nắm mồ! Tôi đau đớn, buồn bực, nhớ Khá cả tuần.

Bạn học thuật rằng mấy người nhà của Khá, cho đến bà cả Rang, đêm Khá lâm bệnh nặng, nằm một đêm chiêm bao như nhau: họ thấy một đoàn thuyền cái mũi hướn lên như ghe ô ghe lê đàng cộ, đến đậu dưới mé sông Vàm Cỏ tây, trước

nhà ông cả. Một tốp lính dưới thuyền lên, quân phục như lính cựu trào, họ hỏi:

– Máy cậu đi đâu đây?’

Lính đáp:

– Rước công tử ở nhà này.

Họ tỉnh giấc thì Khá bị bệnh thời khí, tục gọi là ‘xuống dịch’.

Ông cả cho Khá uống thuốc Nam, không cầm thổ tả, rước bác sĩ Tây trên nhà thương đến thì Khá đã thở hơi cuối cùng, hồn Khá có lẽ đã xuống đoàn tàu ấy mà đi...

‘Chiếc máy bay’ của trò Dương

Bất cứ thời đại nào, địa phương nào, trong giới thanh niên cũng có bậc kỳ tài

mà người ta không hay biết. Mà đâu có hay biết, họ cũng chảnh mảng không quan tâm khai thác khả năng anh tài.

Bạn học tôi thì thâm trò Dương học lớp nhì B chế tạo được ‘một chiếc máy bay’. Và khi nào vắng vẻ, nó mới cho ‘bay’, chỉ để một mình thưởng thức.

Thế là, một chiều chúa nhựt, vào lối năm giờ, anh em tôi đến rình nơi cầu kho bạc.

Gần sáu giờ, Dương từ con đường trước cửa trường đi lại, ôm một vật đen đen trong tay, lớn cỡ cuốn tự điển Larousse (Petit Larousse illustré).

Nhìn trước ngo sau không thấy gì khả nghi, nó vắn máy rồi tung vật ấy lên trời, máy kêu rè rè bay cao độ vài mươi thước.

Dương cột đầu sợi dây nhợ vào máy, một đầu quấn vô cườm tay, cho máy bay một hồi chừng năm phút, rồi tháo dây, ôm máy chạy tuốt về nhà.

Không biết Dương dùng động cơ chi mà làm cho ‘chiếc máy bay’ bay được, trong lúc bên Âu châu, từ hình thức đến động cơ, phi hoàn vẫn còn thô sơ.

Có đứa học sanh bảo là Dương dùng ‘hai bộ máy đồng hồ’; đó là giả thuyết mà thôi, không có gì là xác thực.

Nhút nhát, tôi không dám ‘phỏng vấn’ Dương. Và tôi không rõ, trong mấy thầy, có ai hay biết Dương chế tạo được chiếc máy bay không.

Thật đó là đặc tánh ‘lôi thôi’ của người Việt ... ngày xưa, không háo kỳ, không thích học hỏi, không cần tìm biết

cho nên chậm tiến là phải, nên trách mình chớ đừng trách ai. Sau đó mấy năm, lúc tôi học trường trung học Mỹ Tho, tôi nghe nói có một anh học sinh đệ tam niên trường Chasseloup Laubat Sài Gòn, chế tạo được cây súng bắn phi cơ, bằng điện.

Dường như Chánh phủ Pháp có cấp cho anh một học bổng du học bên Pháp, nhưng về sau chẳng nghe nói tên tuổi ảnh ra làm sao cả.

Thử nghĩ mà coi:

Nước Pháp đem binh ô ạt xâm chiếm Nam kỳ năm 1859, Nhựt Bản mở cửa đón tiếp ngoại bang năm 1868, nghĩa là mười năm sau khi Việt Nam ta tiếp xúc với nước ngoài.

Thế mà, ngày nay Nhựt Bản đã là

một trong các nước hùng cường thế giới. Còn Việt Nam chậm tiến cũng vẫn còn chậm tiến.

Lỗi nơi ai?

Hỏi, tức là trả lời.

8. Lớp nhì A (C. Moyen A – 1917)

Không năm nào tôi lo lắng khổ sở cho bằng năm 1917, tôi học với thầy nhì Dương ngọc Anh, nhứt là sau một năm hưởng đầy sung sướng với thầy ba A, không bị thầy rầy cho một tiếng, đừng nói chi đến thầy đánh đập.

Nhưng sự đời nay vậy mai khác, nước lớn còn có khi ròng, trăng tròn lại khuyết, nào có lạ chi! Học bài làm bài nhiều, tôi không ngán, chỉ sợ thầy quá

nghiêm, đánh học trò hơn thầy nào khác.

Thầy nhì chừng ba mươi tuổi, ốm nhỏ, nước da mét xanh vì thầy làm bạn với Phù dung tiên nữ. Thầy có đứa con trai là thằng Thọ, giống thầy như khuôn đúc, nhỏ ốm, mét xanh.

Năm này, một số bạn cùng tôi lên lớp nhì A, trong số có Xuân, Long (Huỳnh), Bửu và Thạnh, con ông phán Minh giúp việc ở Tòa bố.

Hai chị nữ học sinh Giỏi và Phận đã qua lớp nhì trường nữ, từ giã chúng tôi.

Thầy Anh siêng năng lắm, môn nào thầy cũng dạy kỹ và gắt gao, nhứt là toán, Việt văn và Pháp văn.

Thầy phát cho chúng tôi mỗi đứa một cuốn ‘Exercices de langage’ (Bài tập văn ngữ). Trên đầu bài có một số chữ, dưới

là một số câu có chừa khoảng trống, học sanh điền chữ vào khoảng trống ấy cho đủ nghĩa.

Về môn này, Hồ văn Xuân nhà ta kém lắm vì không tìm hiểu. Vậy mỗi khi thầy cho Exercice de langage là nó xách một khăn trái táo ghé nhà tôi, biểu trọn cho anh em tôi rồi lật vở tôi ra, chép lia chép lịa.

* * *

Năm 1917, Đệ nhứt Thế chiến đến hồi quyết liệt, hàng hóa nhập cảng tăng giá cao; mấy năm trước một manh giấy trắng tốt 25 tờ chỉ có một cắc bạc mà thôi, bây giờ giấy trắng xấu ba xu năm tờ, thành thử một cắc rưởi một manh giấy xấu.

Má tôi cho tôi ba xu, mua 5 tờ, đóng lại, gạch hàng nhỏ viết chữ nhỏ, xài được một tuần.

* * *

Thầy tôi giỏi Việt văn, thường cho đề tài luận văn như: ‘Ích lợi của học hành’ ... thầy bảo tôi cầm tập vở lên bục thầy đứng đọc thầy nghe, thầy sửa vài chữ và bảo tôi thêm kết luận như vậy:

Nghèo mà hay chữ thì hơn,

Giàu mà hay chữ như sơn thếp vàng.

Thầy cũng dịch Pháp văn ra Việt văn rất hay, tôi nhớ một câu thầy sửa bằng ‘thượng lục hạ bát’ như vậy:

*Dật dờ nẻo lắc đàn mai,
Là đàn nó dẫn anh tài lâu không.*

Một hôm, thầy đọc cho chúng tôi viết một bài ám tả, mấy câu đầu như vậy:

‘Nhơn tình.

‘Gặp gái tốt trong nơi vắng vẻ, thấy ngàn vàng ở giữa đồng không, đùng giặc lớn trong cơn sáng sớm, hay tin cừu nhơn lâm nguy gần chết, ấy là những cuộc thử nhơn tình đó ...’

Trên ông Đốc đưa xuống lớp nhì với lớp ba một cuốn sách tập đọc của ông Yên Sa Diệp văn Cương, nhan là ‘Việt Nam luân lý tập thành’, nhiều bài rất khó viết, vì những trùng âm dị tự, như câu:

‘Ổng vắn xịch xạc nên nó xị hơi ra ...

‘ Bữa nọ, đi bắn bên Biên Hòa; nai béc văng vẳng, tôi sai thằng bếp chạy ngã bên kia, mà nó bết chạy không đặng nữa ...

* * *

Ban đầu thầy dạy vẽ cây cối, như cây chuối, cây dừa, cây cà phê... mình tìm cuốn sách nào có hình mấy cây ấy mà đồ lại.

Kế đó, thầy bảo vẽ thú vật, chim chóc, như chó mèo, trâu bò ngựa, gà vịt ...

Sau rốt, thầy cho vẽ mặt người mà ngặt thầy bảo coi hình ông Raymond Poincarré, Tổng Thống Pháp, treo trên tường mà vẽ theo.

Lần thứ nhứt, bàn tay vụng về chúng tôi bị buộc vẽ mặt người. Chúng tôi nguyệt ngoạc vẽ, người chẳng ra người mà ma chẳng phải ma, bị một gậy (một điểm) và trứng gà (điểm không 0) với nhau cả đám, chỉ trừ Cửa được sáu điểm nhờ tài hội họa anh ta, và Bữu, bốn điểm, biết quan sát cặp mắt với bộ râu vị nguyên thủ Pháp.

Một hôm, thầy bảo Cửa lên bảng vẽ một cảnh ổi, thầy khen hay và bảo rằng nếu Cửa học trường vẽ ở Gia Định (École de dessin) ắt thành công.

(Sau, Cửa không học trường vẽ mà làm thơ ký Bưu điện, suốt đời độc thân, ăn mặc chải chuốt, âu phục tussor, nón Panama).

Bị đòn

Tôi có nói thầy mang bệnh ghiền á phiện và bữa nào ở nhà thầy hút đã rồi, vô lớp thầy vui, nhược bằng hút thiếu, thầy quạu đánh lung tung mà nạn nhân là mấy đứa thầy thường kêu hơn hết: Của, Tâm, Bửu, Thanh với tôi.

Thầy giỏi toán thật, song ông nhút Dấu, thầy ba Cảnh, thầy ba Giá cũng giỏi toán vậy, mà có hành học trò kinh khủng như thầy nhì Anh đâu!

Thầy có hai con roi mây dài tám tấc, thầy tê đầu tê đuôi, chừa hai cái mắt, dùng chỉ quấn lại cho chắc, đầu roi dùng tết ra, đánh đau và xài lâu được.

Giờ toán, chúng tôi đã yếu bóng vía lại còn sợ thêm, thầy hỏi trả lời không trôi, roi thầy bổ trên đầu trên cổ trên

lưng; có bữa, về nhà, lưng bầm, đầu cổ rướm máu.

Thầy liệng thẳng Thanh một bình mực, Thanh cúi đầu rút cổ, tránh khỏi bình mực, mà từ bàn thầy đến bàn Thanh, mấy trò ngồi dưới đường ve mực bay, cái áo lấm tẩm những mực.

Bữa trăn mình chịu làng roi vọt của thầy, còn tôi với Cửa chun xuống bàn trên, thầy quát trên đầu quát xuống...

Mà khá, chúng tôi không hề oán thầy, nói xấu thầy, còn má tôi lấy dầu phong xức cho tôi và an ủi:

– Con rán học, nghe lời thầy, kéo bị thầy đánh.

Một chiều, giờ Việt văn, thầy hỏi tôi:

– Ông Lê văn Duyệt là bộ nắp, vậy bộ nắp là gì?

Tôi có nghe nói bộ nắp là gì, song quỳnh quá, tôi nói càn:

– Bộ nắp là đàn ông mà không có con chim.

Thầy cười, đánh tôi hai roi và sửa:

– Bộ nắp là người không phải nam cũng không phải nữ.

Lại bị đòn

Bảy giờ rưỡi mới học mà bảy giờ chúng tôi đã vô lớp cất cặp, rồi tốp giỡn, tốp nói chuyện om sòm.

Bất thành linh, ông Đốc xuất hiện trong khung cửa, giọng ông nhỏ nhẹ song không kém oai nghi, rầy quở bọn tôi sao có vô sớm làm ồn ào, mất kỷ luật.

Bửu lanh, chạy lấy cây chổi, thưa rằng mình quét lớp. Ông bảo:

– Ờ, quét lớp thì được vô sớm.

Ông sai Bửu biên tên mấy trò vô sớm ‘bất hợp pháp’, trong đó có tôi.

Chín giờ, ông cho ‘mời’ mấy cậu bé này lên văn phòng, lãnh mỗi cậu ba roi, song ông tuổi già sức yếu, đánh vừa đủ đau thôi.

* * *

Đá banh

Mỗi chiều, ông Đốc cho phép học sanh từ lớp ba sắp lên, từ bốn giờ mười lăm tới năm giờ, luân phiên mượn banh

đá chơi, vận động cho mạnh khỏe.

Ân huệ dành cho lớp nhì A chúng tôi nhằm chiều thứ sáu, mà lại là giờ toán pháp.

Trò nào hưởng ứng thì chiều thứ năm góp một xu cho anh Hải, cao lớn, tháo vác, anh đảm nhiệm việc mua bánh.

Chúng tôi nóng lòng trông đợi chiều thứ sáu, nhưng khổ làm sao, hể bốn giờ là ông trời ổng kéo mây, bốn giờ mười mưa tuôn xối xả, chúng tôi đành ở lại lớp học, mặc cho thầy làm tình làm tội, rửa thềm ông trời sao khéo trở trời.

Năm thì mười họa, chúng tôi mới được hưởng thú chơi bánh chiều thứ sáu một lần.

Thi lên lớp

Lớp năm, tôi dẫn đầu, lên lớp ba B, tôi bị Thông đàn áp. Qua lớp ba A, sung sướng đứng đầu sổ một năm; lớp nhì A, bị anh Nguyễn văn Cửa luôn luôn qua mặt, chiếm giải nhất.

Thế mà ngày 20 tháng 12, năm 1917, thi lên lớp nhứt lại đảo ngược tình thế.

Như thường lệ, ông Đốc cho thi một bài ám tả, hai bài toán và một bài luận, tất cả bằng Pháp văn. Tôi may mắn viết ám tả không có lỗi nào, hai bài toán trúng phong phóc, giải đáp rành rẽ.

Đề tài luận văn là: ‘Faites le portrait physique et moral du buffle’ (Tả hình trạng và tánh tình con trâu).

Tôi làm kỹ lưỡng, đọc đi đọc lại, sửa những lỗi lặt vặt rồi mới gộp bài. Ông

nhứt Đầu chấm bài hai lớp nhì vài bữa.

Ngày 23, ông nheo nheo cặp mắt kiếng, nói:

– Có thằng nhỏ nào, Đào văn H. làm bài khá quá: ám tả, 10 điểm; hai bài toán 10 điểm; luận văn 8 điểm.

Ông kêu:

– Lân!

Anh tôi dạ, vì anh đã ngồi lớp nhứt hai năm rồi và đã đỗ bằng Sơ học. Ông nhứt hỏi:

– Mấy có bà con với thằng H. không?

– Dạ có, nó là em tôi.

Ông thấy cười:

– Ủ, nó khá đấy!

Bạn tôi, anh Nguyễn văn Cửa, học trò xuất sắc lớp nhì, học trò cưng của thầy nhì Anh, rui làm sao, chỉ có 13 điểm, mà phải có 15 điểm mới được đậu.

Anh khóc như mưa bắc, thầy thương dắt anh lên can thiệp cùng ông nhứt Đầu. Ông chấp thuận cho anh học.

9. Lớp nhứt (C. Supérieur – 1918 / 1919)

Ông thầy chúng tôi, năm này, gần năm mươi tuổi, cao lớn, mạnh mẽ. Ông ở gần bên trường một cái nhà lợp ngói, nền đất, vách bồ kho sạch sẽ.

Ông búi một đầu tóc nho nhỏ và nhai nhóc nhách một miếng trầu. Qua trường dạy học, ông mặc áo xuyên dài, để đầu trần.

Chỉ khi nào ông lên nhà tư dạy ông Cordier Phó chủ tỉnh, học Việt ngữ, mỗi tuần hai lần, ông mới bật khăn đen, mang đôi giày tây mới, đi kêu ken két.

Ông rất siêng cần trong chức vụ, không bao giờ vô lớp trễ và mãi giờ cũng không ra về sớm.

Ông có phương pháp dạy rất hay và học sinh lớp ông gần như đồng đều, nhứt là toán pháp và Pháp văn, ông buộc học trò học kỹ lưỡng.

Ông đặc biệt giỏi về toán pháp; có người thuật rằng hồi ông thi bằng Thành chung (Diplôme de fin d'études complémentaires) tại trường Chasseloup Laubat, không rõ chủ khảo ra đề thi về toán đố (problèmes) thế nào mà ông đứng lên nói rằng bài toán ấy không thể có giải đáp được vì thiếu yếu tố (élément).

Giám khảo xem lại quả ông có lý, thí sinh rất phục ông. Nơi đây, tôi xin mở một dấu ngoặc:

Sau khi lập nền cai trị vững chắc ở Nam Kỳ rồi, Chánh phủ lập trường ‘Collège des Stagiaires’, gọi là Trường ‘Hậu bổ’, sau đổi tên là Collège Chasseloup Laubat, lấy tên ông Hầu tước De Chasseloup Laubat, Tổng trưởng thuộc địa Pháp quốc thuở quân đội Pháp xâm chiếm Việt Nam.

Học sinh học bốn năm thi bằng Thành chung; mấy người đỗ cao được bổ dụng giáo viên và cam phận ‘thầy giáo’ suốt đời; nhiều ông nổi tiếng dạy giỏi, như ông Nguyễn khắc Huê ở Bến Tre, ông Nguyễn văn Cẩm, ông Nguyễn văn Tâm, Mỹ Tho, ông Huỳnh văn Đẩu, Tân An ...

Còn những ai đậu vào hạng thấp được bổ làm thư ký hành chánh, sau thi đậu Huyện, thăng Phủ, Đốc phủ sứ, vinh thân phì gia.

Trường hợp điển hình là nhiều ông thư ký, bạn ông nhứt Đẩu, nhờ ông này luyện cho thi Huyện về môn toán pháp, và đa số mấy ông ấy trúng tuyển, chẳng hạn như ông Phủ Châu, ông Phủ Ngô minh Chiêu...

Mỗi năm, học trò ông Đẩu đậu bằng sơ học tỷ số cao hơn phần đông các tỉnh khác, thường là 80 %.

Vào những năm 1918, 1919, lớp nhứt Mỹ Tho với ông Cẩm và lớp nhứt Tân An với ông Đẩu, tranh nhau xem học sanh ai đậu nhiều.

Ông thầy hài hước

Mặc dầu cao niên, ông thầy tôi vui tính, không bao giờ nổi giận dùm dùm.

Ông bảo rằng ta phải viết Việt văn thế nào cho mấy chị đàn bà ăn trầu xỉa thuốc hiệu được, chớ viết câu kỳ không hay.

Ông nói: ‘Dạy Cordier học Việt ngữ, va đọc tầm bậy tầm bạ phát dóa, muốn xán cho một bạt tai mà sợ bị ở tù’.

Ông biết ông Đốc Toàn sợ con gà con chết, ông nui một mớ râu bấp vàng lườm làm hình gà con rồi vô sớm kéo học tử ông Toàn bỏ vào.

Tám giờ, chúng tôi đang làm bài bỗng nghe bên văn phòng ông Đốc tiếng la bài hỡi, ông nhút chạy qua thì lại có tiếng cười vang lên...!

Ông thường nói mà cười rằng hồi nhỏ, ông thấy người ta mang kiếng, tưởng là sang, nào ngờ bây giờ ông phải mang ông phát râu vì rời cặp mắt kiếng ra thì không thấy đâu mà đọc mà viết.

Thậm chí trong việc trồng phạt học trò không thuộc bài hoặc làm bài trật, ông cũng còn hài hước. Ông có con roi mây ngắn lẳng, ông quất vô bấp vế mình một roi đau thấu trời xanh, mình xuyt xoa ôm bấp vế cà nhắc về chỗ ngồi, ông chỉ theo cười ngất: ‘Ý coi kìa, ghe bầu chạy cần!’

Giờ toán, sau khi học sanh làm bài xong, gộp tập vở để trên bàn ông một đồng. Ông bảo học trò căng của ông là Nguyễn văn Tỵ lên làm thơ ký, trình từ tập ông xem.

Bài nào trúng và thật hay, ông phê hai tiếng: ‘Thiên tài!’ tức thì Tỵ cho chín điểm, ‘thần tài’ là bảy tám điểm, còn ‘lục lục thường tài’ thì năm sáu điểm.

Nhược bằng ‘dở tệ’, ‘dở ệt’, chủ nhân tập vở lãnh một, hai điểm, có khi nhận thêm một vài roi nữa rằng khác.

* * *

Về bài luận Pháp văn, ông có cách dạy:

Ông cho chúng tôi một đầu đề, ông cắt nghĩa phải làm như vậy, rồi ông dở cuốn sách, đọc một bài mẫu.

Tôi lóng tai nghe và ký ức tôi ghi nhớ không sót một chữ. Làm bài xong, trình

ông chấm; ông lấy làm lạ, cho tôi bảy tám điểm luôn, hơn cả anh tôi và trò xuất sắc nhất là Nguyễn văn Ty.

Song phương pháp ấy có hại cho tôi về sau, là vì tôi chỉ có công nhớ cái bài trong sách mà chép đó thôi, chứ không nhọc công tìm ý tưởng (idée) làm chi cho mệt.

Thành thử tháng bảy năm 1919, thi bằng Sơ học tại Mỹ Tho, về luận văn chữ Pháp, tôi chỉ có 10 điểm trên 20, còn Ty được 12 điểm.

Anh hùng hội

Lớp nhất, tôi gặp nhiều tay học giỏi.

Đứng đầu là anh Lân tôi với Nguyễn văn Ty, thay phiên nhau chiếm giải nhất

trong mỗi kỳ thi hằng tháng.

Anh tôi lên lớp nhứt năm 1916, cuối năm đỗ bằng Sơ học, ngồi chờ tôi năm 1917; năm 1918, tôi lên lớp nhứt, anh em học chung một thầy.

Nguyễn văn Tỵ là trưởng nam một gia đình đông con, ông bà Nguyễn văn Danh, Thông phán Tòa bố Mỹ Tho.

Tỵ học ban tiểu học trường tỉnh Tân An, lên lớp nhứt vào khoảng mười một tuổi và, vì nhỏ tuổi như thế, Nha Học chánh cấm thi bằng Sơ học, chẳng khác phương cách hiện nay buộc học sanh xuất sắc song nhỏ tuổi phải ‘giậm chơn’ chờ mấy trẻ tầm thường tiến lên theo kịp, thiệt thòi cho mấy trẻ kia mất ngày giờ, chớ chẳng biết noi gương Âu Mỹ lập những lớp đặc biệt cho học sanh ưu tú.

Thành thử Tỵ phải ngồi lớp nhứt ba năm rưỡi, luôn luôn đứng số 1, chỉ đôi khi nhượng anh tôi thôi và, trong khoảng thời gian ấy, Tỵ chẳng còn gì học với ông nhứt Đầu. Một hôm, Tỵ vẽ tấm địa đồ Đông Pháp, đẹp như là bản in, ông thầy tấm tắc khen hoài, tặng cho mười điểm.

Bầy ‘gà nòi’ của thầy còn có Lâm minh Thọ, Nguyễn văn Chi, Phan văn Vĩnh, Cổ quốc Gia, Lê tài Phúc, Nguyễn văn Tâm với tôi.

Cùng lớp có anh Lân, con ông cai tổng Nguyễn văn Nguyên, cao lớn, mập mập, thầy gọi là ‘Lân grand’ (Lân lớn) đối với anh tôi là ‘Lân petit’ (Lân nhỏ) vì vóc anh nhỏ thó. Lại có anh Nguyễn văn Hội, lớn hơn tôi vài tuổi. Hễ thầy kêu bài thì thầy gọi: ‘Hội Đào’ hay ‘Hội Nguyễn’.

Vĩnh, Thọ, Chi, Gia với tôi ngồi bàn đầu.

Một hôm, Chi thảo ‘chiếu chỉ’ như vậy:

‘Nay ta là Nguyễn văn Chi, Quốc vương ở Oudong, phong cho hai người Lâm minh Thọ làm ‘Nhứt quốc kiên’ (?) và Cổ quốc Gia làm ‘Thiên hạ lãn’ (?)

* * *

Năm 1918, Nha Học chánh Nam Kỳ sửa đổi hai kỳ bãi trường lại: nghỉ vì mùa mưa, học sanh đi học cực khổ hơn mùa nắng, nên dời bãi trường nhỏ và dịp Tết Nguyên đán còn cho nghỉ bãi trường lớn từ đầu tháng bảy dương lịch đến giữa tháng chín, nhập trường.

Cuối năm 1918, không có kỳ thi Sơ học, song họ mở một kỳ thi cấp học bổng vào trường Trung học Chasseloup Lau-bat.

Thấy anh tôi đã 17 tuổi, vả đã ngồi lớp nhứt ba năm, chờ tôi lâu nữa thì mất ngày giờ, nên tía má tôi cho anh thi học bổng.

Và anh trúng tuyển số 1.

Thầy tôi mừng rỡ, khuyến khích tôi sang năm cũng đậu cao như vậy.

Thú chơi gà nòi của thầy tôi

Ông Trần phong Sắc thích dịch truyện Tàu, hai thầy ba thích chơi thể thao cũng như thầy nhì Anh thích hút á phiện, còn ông Đẩu nuôi gà nòi.

Ông nuôi gà nòi kỹ lưỡng cũng như ông dạy học trò kỹ càng vậy.

Ông lựa những con gà gân cốt liên lạc, đầu nhỏ, mắt to, mình bắp chuối, lông mã rơi, đá đau, chịu đòn giỏi.

Ông không cần gà có vảy lạ: ‘án thiên’, ‘phủ địa’, ‘chuối châu’, ông chấp tất cả, chỉ chọn gà vảy hai hàng trơn, khít rịt, bén như lưỡi cưa, đá rát máu, và gà nào có miếng gì hay, nó tùy cơ ứng biến trù cũng được.

Ông cho xay vỏ sò, vỏ ốc thành bột, trộn với lúa, với cháo cho gà ăn xương cốt thêm phần cứng cáp.

Ông chơi gà kiểu tài tử, gà ông tốt như công phụng, ra trường 10 con thắng trận hết 7, 8, thế mà ông đá không quá năm đồng (5\$00); không phải ông

không có tiền, chỉ vì tánh ông như thế, trong khi ấy những người đứng sở ông, như thầy năm Lê làm Sở Thương chánh, ăn năm bảy chục ngon lành.

... Một bữa, ông đi ngang qua nhà tôi, thấy tôi ngồi chơi với con gà ô mã lại (lông mã toàn một sắc đen) của tôi, còn tơ, chưa thiện tích, ông bảo đem ông coi, ông phê bình: hai hàng trơn, không có chi lạ, song cân cốt liên lạc, giỏi chịu đòn.

Ông thiện tích giùm, chùng lành lẽ rồi, ông bảo đem xổ với gà ông, ông khen nó có miếng đá dây chàng hay tuyệt diệu. Mỗi khi phụ huynh học sanh tặng ông một con gà tơ, là tôi ôm con gà ô xuống nhà, cho xổ với gà kia.

Xổ năm sáu lần như vậy, con gà thắm đòn và ngán đá nên lần chót, vừa xáp vô đá với con gà xám của thầy, lết xẹt vài ba cái, nó liền bái tổ nhảy ra ngoài vòng, vừa chạy vừa chửi om.

Ông thầy cười ngất, con gà tôi kể như ‘pỏ’ từ đấy.

Thi bằng Sơ học (Certificat d'Etudes Primaires franco-indigènes: C.E.P.F.I)

Đầu tháng bảy năm 1919, hơn năm trăm thí sinh các tỉnh Hậu giang và Trung ương tựu tại Mỹ Tho, thi bằng Sơ học.

Anh tôi với tôi xuống Mỹ Tho, được Tỵ rước về nhà ăn ở suốt kỳ thi, song thân và chị em Tỵ đối đãi với chúng tôi rất mực vui vẻ tử tế.

Ôi, từ đó đến nay, có dịp nào chúng tôi đến đáp thâm ân gia đình ấy đâu. Nghĩ nhớ lại, chúng tôi cũng áy náy phần nào!

... Ngày chúa nhật, tôi nóng sốt, Tỵ cho tôi uống một viên quinine, trùm mền nằm tới chiều; anh tôi với Tỵ rủ đi chơi, tôi rón dậy đi một vòng gặp Xương, Gia, Chi, Thọ ... ở khách sạn đang xuống dạo chơi.

Sớm mai thứ hai, nơi trường trung học, ông giáo sư Phan tấn Lữ, chủ khảo, điểm danh thí sinh. Ngày hôm nay, tôi còn nhớ vài ba tên: Lâm thiên Thoại (sau này tôi gặp lại trên lớp Tú tài bốn xứ), Nguyễn xuân Thời (lúc tôi vào giúp việc dinh Hiệp lý, năm 1928, anh làm bí thư cho ông Eutrope, Thanh tra chánh trị và hành chánh), Lê quang Đế, Nguyễn văn Rót...

Còn tôi, ông Lữ đọc tên tôi là Đào văn Hồi (?)

Điểm danh xong, thì sinh được chia ra nhiều phòng, tôi với các bạn Tân An vào Phòng ăn (réfectoire của trường).

Sớm mai nầy, thi ám tả có mấy câu hỏi và cũng lấy bài ám tả làm Ecriture.

Ông Bénard (có làm Đốc học ở Tân An) đọc ám tả, một giáo viên đi tới đi lui lập lại, vì phòng ăn rộng minh mông, ông Bénard đứng giữa phòng, thì sinh ngồi hai đầu ắt nghe không rõ.

Lần đầu tiên, tôi nghe giọng người Pháp, lạ lổ tai. Ông đọc bài ‘Un ennemi domestique’ (Một kẻ thù ở trong nhà) đại khái nói: bụi bặm bay phưởng phất trong nhà là một kẻ thù mà ta không ngờ, vì nó đem lại cho ta những bệnh truyền nhiễm

như ho lao (tuberculose), bệnh thương hàn (typhus), kiết lỵ (dysenterie)

...vậy phải thận trọng giữ gìn nhà cửa cho sạch sẽ.

Tôi viết bài ám tả không có lỗi nào, song lần đầu tiên tôi nghe chữ typhus, không biết viết thế nào, tôi viết càng là ‘fièvre typhoide’, sau nghe Tỵ nói lại (vì ông phán Danh, thân phụ Tỵ, có xin coi điểm của Tỵ với của tôi), họ tính cho tôi chữ viết sai đó một lỗi.

Chiều thứ hai, thi hai bài toán đố, một bài về phép đo lường và một bài tính rợ (calcul mental) tôi được 12 điểm, Tỵ 14.

Sáng thứ ba, thi bài luận Pháp văn, đầu đề như vậy: ‘Un engagé volontaire de la Grande Guerre raconte ses impres-

sions et son séjour en France’ (Một anh lính tình nguyện hồi Thế Chiến, bày tỏ cảm tưởng mình và nói về sự anh cư ngụ trên đất Pháp).

Dem bốn thảo về trình ông phán Danh, ông nói Tỵ viết được, còn bài tôi tuy có nhiều ý tưởng hay, song cũng có lỗi nhiều.

Sáng thứ sáu, tuyên bố kết quả bài viết rồi thi khẩu đáp luôn. Nữ thí sinh chỉ có chị Giỏi, chị Phận và chị Năm (em gái ông phán Tỵ, tức cô trò Quyên là đứa làm cho tôi bị trận đòn chí tử hồi lớp sáu), ba người thi đậu. Ông giáo Lữ bảo ba chị dịch đoạn sau đây trong cuốn thơ Lục Vân Tiên:

‘Vợ chồng (Lục ông) ăn ở hiền lành,

‘Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền

‘Đặt tên là Lục Vân Tiên,

‘Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.

Kết quả cuộc ‘Giang hồ khảo võ’ này có 123 thí sinh đậu, Tân An và Mỹ Tho đậu nhiều nhất. Hồ văn Kế (Mỹ Tho) đỗ thủ khoa, Nguyễn văn Tỵ (Tân An) số 2, Nhan Y (Ignace) (Rạch Giá) số 3, còn tôi, 5, 6 chi đó.

Ông phán Danh hài lòng, đãi Tỵ với anh em tôi một bữa cơm tây nơi nhà hàng, có món gà rô ti ăn xà lách...

Đua bơi

‘Vinh qui bái tổ’, đến thăm thầy, thầy mừng, khuyến khích tôi cố gắng trong kỳ thi cấp Học bổng sắp tới, rồi... bảo

đi chơi, vì thầy không thích nói chuyện nhiều.

Để thưởng tôi, má tôi cho phép tôi đi coi lễ ‘to dê’ (14 Juillet, lễ Chánh chung) tại chợ Tân An.

Tôi không thích những trò chơi như thọc thùng, leo cây, bắt heo, thả vị, cạp chảo, ủi bột, đập tĩn... vì coi sao nó ‘kỳ cục’ quá và có tánh cách sỉ nhục cho dân tộc Việt Nam.

Tôi đứng trên cầu quây, chờ coi đua thuyền, chúng tôi gọi là ‘đua bơi’.

Trong cuộc đua này, các làng ở ven sông Vàm cỏ tây đem thuyền đến dự, những thuyền dài, hông hẹp, mũi cao, lái hướn, mỗi thuyền 14, hoặc 16, có khi lên đến 24 tay bơi tối đa, và mỗi lượt đua ba bốn chiếc.

Mức thắng bại là cầu tàu, cách chợ vài trăm thước, trang hoàng lịch sự, trên che rạp, thả bóng bong, cờ tam sắc bay phất phới.

Tám giờ, quan khách địa phương đến dự đông đủ.

Đoàn thuyền tranh tài bề dài ngang nhau, số tay đua như nhau, sắp hàng chữ nhứt ngoài vàm, nơi giáp nước sông Vàm cỏ tây với sông Bảo định, mũi hướng về Bảo định hà. Một hồi trống nổi lên; dứt tiếng trống, người ra lệnh đua phất cờ một cái.

Mấy chiếc thuyền đua, với 24 đôi tay lực lưỡng, bay trên làn sóng, thủ quân đứng giữa thuyền tay thủ cặp sanh, hễ người nhịp cái ‘cắc’ thì 24 chiếc giầm cầm xuống nước cái ‘phụp’, tạo thành

một khúc nhạc ‘cắc-phụp, cắc-phụp...!’
hùng dũng, vui tai.

Thuyền chun qua chiếc cầu quây rồi
quanh cột cầu một vòng trở lại, bơi đến
cầu tàu, ai đến mức trước là thắng cuộc,
lãnh giải thưởng mười, mười lăm đồng,
khăn lau mặt, thuốc hút, áo thun ...

Khó là lúc quanh mấy cây cột sắt của
chiếc cầu quây, thuyền nào quanh gấp thì
lật úp, tay bơi hè nhau lội, trông dễ tức
cười, trái lại quanh chậm thì mất trớn.

Mà khá, không năm nào xảy ra tai
nạn chết người.

Quần chúng, đa số là học sinh, đứng
chặt hai bên bờ sông, vỗ tay reo cười hoặc
cổ vũ thuyền nhà.

Trong mấy cuộc đua thuyền này,
thường ông cai tổng Nguyễn văn Nguyên,

thân phụ của ‘Lân grand’, quận châu thành, đoạt giải nhứt.

Thuyền ông vừa nhẹ, dân bơi chuyên môn mà ông (bịt khăn đóng, mặc áo dài) cầm lái, khéo điều khiển chiếc thuyền thế nào mà, khi đến cột cầu, thuyền giảm tốc lực và quanh cột cầu một vòng tròn rất khéo, xong lại lướt trước thuyền đối phương vài ba thước, kể lấy trớn bay trên mặt nước đến trước cầu tàu thắng giải...

Con chim sắc của tôi

Tôi thi đậu, được dự lễ, tôi sung sướng vui mừng song vui không được trọn, vì mất con chim sắc yêu mến của tôi.

Cách sáu tháng trước, tôi có mua một con chim sắc một xu, tước bớt lông

cánh, bỏ vô cái bẫy chuột bằng kẽm mà nuôi.

Sớm mai, trước khi đi học, tôi cho nó chén chung gạo rưới chút nước; trưa về, tặng nó chén nữa và, chiều tối, đãi nó ‘bữa cơm chiều’.

Lần lần quen chủ, hề thấy tôi về là nó chúu chít đòi ăn và, chiều thứ năm, ngày chúa nhật, tôi mở cửa lồng cho nó ra chơi, nó bay lên bàn viết, đậu trên vai tôi, chừng tôi thay chén gạo là nó trở vô ăn ...

Thi bằng Sơ học về, tôi thấy nó xù lông, đứng cú rữ, hỏi lại thì, gần một tuần tôi đi vắng, không ai làm ơn làm phước thí cho nó ba hột gạo, mấy chị tôi mắc lo buôn bán heo củi, cửa nhà.

Tôi lật đật lấy gạo nước để vào lồng,

nó ăn một cách uể oải, nhưng ăn hết. Sáng hôm sau, hỡi ôi, con sắc mển yêu tôi đà ‘Tây Phương trực vắng’!

Thi học bổng

Lật bật đến tháng tám, chúng tôi dự cuộc thi tuyển học sinh cho hưởng học bổng trung học (concours des bourses).

Cuộc thi này, Kế, Giàu, không dự.

Thế là anh hùng thứ hai được đôn lên số 1 và Nguyễn văn Tỵ chúng tôi chiếm ngôi đầu. Nhan Y cũng không thi, tôi trúng tuyển hạng nhì.

Các bạn tôi, Phan văn Vĩnh, Cổ quốc Gia, Nguyễn văn Chi cũng đậu vô trường trung học Mỹ Tho còn Lâm minh Thọ, Nguyễn văn Tâm thi đậu vô trường Sư

phạm Sài Gòn (École Normale d'Instituteurs).

Anh Nguyễn văn Hội vì lớn tuổi nên thôi học. Mười năm sau, tôi lại gặp anh làm xã trưởng làng Bình lập, châu thành Tân An.

Hai năm liên tiếp, 1918 và 1919, Tân An đổ đầu trong kỳ thi học bổng trung học, ông thầy vui vẻ cười hoài, mấy trò bé chúng tôi cũng lấy làm hãnh diện.

* * *

Đến đây chấm dứt thời kỳ học sanh sơ học của tôi, già thầy già bạn, rời mái trường cũ mến yêu, từ lớp nầy sang lớp khác hơn tám năm trường.

Các bạn hoặc chẳng may trường ốc, hoặc non sức kém tài phải ở lại lớp nhứt một năm, trong những lời chúc mình may mắn, tấn phát học hành, sao cho khỏi ngậm ngùi ngăn đôi dòng lệ.

Song sự đời vẫn thế, còn biết nói sao, mấy ai cưỡng lại cùng Định mạng!

Chuẩn bị vào trường, má tôi mua cho tôi rương mây, nón nỉ, mũn mền trắng, một đôi guốc, may một cái gối, hai áo gối và ba bộ đồ vải trắng.

Mỗi đêm, má tôi răn dạy tôi điều này sự nọ, tôi ghi nhớ vào lòng.

PHẦN 2

BAN TRUNG HỌC MỸ THO

1919 – 1922

1.Lớp đệ nhứt niên (1ère Année) **1919 – 1920**

Trung tuần tháng chín, năm 1919, tôi không nhớ ngày nào, 15 hay 16 chi đó, nhập học cả hai trường Trung đẳng, Mỹ Tho và Chasseloup Laubat.

Anh Lân tôi được lên lớp Đệ nhị niên trường Chasseloup Laubat, mặc dầu anh học lớp ‘một năm’ không đầy sáu tháng.

Anh gởi gắm tôi cho anh Cổ văn Trấn, học năm thứ ba ở Mỹ Tho, là anh Cổ quốc Gia, bạn tôi.

Chúng tôi xuống Mỹ Tho chiều chúa nhứt, được các thầy gác (giám thị) cho lên lầu C, còn mấy anh ba năm thì ở lầu A và B.

Tôi với Gia nằm gần, trái chiếu, giảng mừng, đúc cái rương dưới gầm giường, để cái mền trên cái gối rồi ra ngoài chơi.

Anh Trấn với Gia cùng các bạn Tân An tôi đi ăn cơm, còn tôi lên nhà Ty, thăm gia đình bạn; dùng cơm chiều xong Ty mượn xe kéo chở rương, hai đứa cùng vô trường.

Mặc dầu xa nhà và sống tập thể lần thứ nhứt, song có mấy bạn cũ ở Tân An trò chuyện, giúp đỡ nhau cũng ít buồn

và bớt bợ nợ, ấy là Tỵ, Gia và Chi, bốn đứa ngồi chung một bàn.

Các bạn tôi

Năm ấy, trung học Mỹ Tho không có lớp bốn năm (4è Année) với lớp hai năm, chỉ có lớp ba năm mà tới năm lớp và một lớp một năm với bốn mươi mốt học sinh, tôi còn nhớ tên xin chép sau đây:

Ân – Chậm – Châu (Nguyễn thành Châu) – Châu (Tôn quang Châu) – Chi (Nguyễn văn Chi) – Chi (Trần văn Chi) – Chỉ – Chiếm – Chín – Dêu – Đũ – Đượm – Gia – Giáo – Hai – Hạnh – Hội – Huê (Lý bình Huê) – Huê (Nguyễn văn Huê) – Kế – Lâu – Lợi – Lộc – Mưu – Quan

– Quới – Thanh – Thạnh – Thế – Thìn –
Thơ – Thùý – Thụý – Tị – Từ – Túc – Ty
– Trinh – Vinh – Vĩnh – Y.

Sau này, trong trường đời, tôi thường
gặp mấy bạn:

Nguyễn thành Châu, nghệ sĩ; năm
1929, có đánh banh vợt với tôi một lần
trên sân quần vợt Hội Thể thao Việt Nam
(Cercle Sportif Annamite), và hiện nay,
thường thấy anh đóng kịch trên đài Vô
tuyến truyền hình Việt Nam.

Nguyễn văn Chi, Tổng Giám đốc
Nha Thủy lâm;

Trần văn Chi, Đốc phủ sứ;

Trần văn Chỉ, Hiệu trưởng trường
Kỹ nghệ (Ecole professionnelle);

Nguyễn văn Chiếm, Giáo sư;

Đặng văn Chín, Bác sĩ;

Cổ quốc Gia, Bác sĩ;

Lê văn Hai, Bác sĩ;

Hà hữu Hạnh, Thông phán Bộ Tài
chánh;

Lý bình Huê, Thẩm phán;

Hồ văn Kế, Bác sĩ;

Trần văn Lâu, Thú y sĩ;

Nguyễn tấn Lợi, Thừa phát lại;

Trịnh văn Quới, Nhân viên Tổng
Nha Ngân khố;

Ngô thuận Thơ, địa chủ ở Ô Môn;

Thái tường Thụy, Phủ danh dự, Bộ
Kinh tế;

Ngô văn Tị, Tốt nghiệp Cao đẳng
thương mại, tư chức;

Lâm văn Từ, có lần làm Công cán Ủy viên cho ông Tổng trưởng Kinh tế;

Nguyễn văn Tỵ, Kỹ sư, nguyên Bộ trưởng Kinh tế;

Phan văn Vĩnh, Đốc phủ sứ;

...

Lối sống tập thể nội trú

Và đây là lối sống tập thể nội trú của chúng tôi.

Sớm mai, năm giờ rưỡi, dậy rửa mặt, sáu giờ kém 15, xuống lớp ngồi học bài (étude).

Sáu giờ rưỡi, ăn sáng; bảy giờ, anh gác cửa ôm cái trống nhỏ vô hành lang đánh tung tung một hồi. Vô học, đến chín giờ, xả hơi.

Chín giờ 15, vô học lại; 10 giờ 15, nghỉ; 10 giờ rưỡi, ăn cơm; mười một giờ, lên lầu.

Nghỉ trưa lâu hai tiếng đồng hồ, tới một giờ rửa mặt, một giờ rưỡi xuống học bài, hai giờ rưỡi ra; hai giờ 45, học; bốn giờ thiếu 15, xả hơi; bốn giờ học lại tới năm giờ, nghỉ.

Năm giờ rưỡi, ăn cơm, ngồi étude tới tám giờ lên ngủ đến năm giờ rưỡi sáng dậy. Xuống lầu, rửa mặt nơi lavabo công cộng dài, có hai hàng vòi nước.

Bê ăn uống cũng tạm được, vì nấu ăn lạ hơn hồi ở nhà nên ăn ngon miệng.

Sớm mai điểm tâm, ăn cơm với hột vịt chiên, thịt kho hoặc hột vịt luộc dầm nước mắm, cá kho ...

Trưa, chiều, canh cải Bắc thảo, có hột vịt trong canh, thịt kho, cá kho, thịt bò xào, thịt bò kho, hủ tiếu xào, gà quay, gà nấu cà ri...

Tráng miệng, chuối sứ, bánh đậu xanh ...

Bốn trò ngồi một bàn (carré), một bình trà Huế bằng sành, một tượng cơm, bốn cái chén, bốn cái ca (quart).

Mấy thầy gác ngồi một cái bàn dài giữa phòng ăn, nơi mà chúng tôi thi bằng Sơ học hôm tháng bảy.

Bàn của thầy trái nắp trắng tinh, trên bàn toàn là thực phẩm ngon, như bữa ăn các nhà phú hộ, mấy quan sang.

Cho nên, có thầy mới đến ốm nhom, ở được vài tháng đã mập lù.

Ghé mắt xem thì thấy hai đĩa gà quay thơm phức, con cá chiên to dài, ráng với bơ, xếp Tám, xếp ban nấu ăn, đứng cung kính bới cơm cho mỗi thầy, cơm gạo nanh chồn ngon đáo để.

Vì tôi là Phật tử, khi ở nhà, tôi ăn chay mỗi tháng ba ngày: mồng một, mồng tám, rằm. Vô trường, không dám bỏ, sợ ‘mang tội’. Má tôi làm cho tôi một ve keo nhỏ, muối sả, đậu phộng, ngày chay, múc ra một chút ăn với cơm.

Ăn như vậy xót ruột, song cũng rán, chờ hôm sau ăn bù lại. Tôi ngây thơ quá, không nhờ anh cu li mua cho vài miếng chao mà ăn.

Tắm rửa một tuần hai lần, chiều thứ ba với chiều thứ sáu, từ năm giờ tới năm giờ rưỡi.

Trường có một hồ tắm (piscine), ngày nào tắm, gần năm giờ họ xả nước đầy hồ, học sinh lội xuống, nước tới ngực mà thôi.

Ngày khác, thủy triều lên, thầy dắt xuống mé sông Bảo Định hà, nơi trại cửa, xuống ngồi trên mấy cây gỗ ngâm mà tắm. Chính sông Bảo Định hà (Arroyo de la poste) này mà tôi có nói chương trước, nối liền sông Vàm Cỏ tây tại châu thành Tân An với sông Tiền Giang (Mékong) tại châu thành Mỹ Tho.

Ngày chúa nhật, trò nào không đủ điểm trung bình để được ra thành phố chơi thì, chiều, thầy cho sắp hàng đôi dắt đi dạo, khi lên lò gạch, khi qua Chợ cũ, vô Chùa Vĩnh tràng là ngôi chùa lớn nhứt Mỹ Tho, hoặc ghé vô tiệm Cú Lũ ăn mì, có tiếng là nấu mì ngon, năm xu một tô.

Giám thị

Gác chúng tôi có mấy thầy Song, Thọ, Trò, Mậu, Thạnh, Ngũ, tục gọi là ‘ông Ngũ Địa’ vì ông mập quá.

Người ta sắp học sanh vào hàng thứ ba những ‘nhân vật’ hay phá phách, sau quỉ và ma. Và học sanh có tật phá mấy thầy hay rầy, hay phạt, cho ‘consigne’ (cấm túc: phạt chúa nhứt không cho ra).

Vài học sanh tinh nghịch hỏi thầy Thọ: ‘Thầy tên chi, thầy?’

Thay vì trả lời ngay tên Thọ, thầy lại đổi vị trí chữ T đem ra sau chót mà đáp là tên Hót, thành thử từ đó, học sanh kêu thầy là ‘thầy Hót’ mà thôi.

‘Loquet’ là cái nắm cửa mà có lần

thầy Song quên, thầy nói mãi: lóc, lóc, lóc... học trò cười rộ, đặt cho thầy cái biệt danh là ‘thầy lóc lóc’.

Chữ consigne là giống cái mà thầy lại quên, cứ đọc là un consigne, deux consignes và, một lần đi dạo, đến mé sông, thầy chưa cho lệnh mà học sinh tự động giải tán, thầy sùng sộ hỏi: ‘Qui vous a dit de romper les rangs?’ (Ai bảo các anh rã hàng?) thay vì ‘rompre les rangs’.

Đó là những dịp mà học sinh chế giễu thầy.

Mấy đứa ngồi bàn đầu ‘rầu’ ông Ngũ thúi ruột vì, giờ học tối, sau khi làm sổ xong, ông bắt đầu thuật chuyện mà sáng mai mình thi sử địa hoặc khoa học đây, nhưng không nghe ông không được, vì ông thuật chuyện có duyên, hấp dẫn... Chúng tôi bảo ông là ‘ông Ngũ cộp

Khánh Hòa, ma Bình Thuận' vì ông hay thuật chuyện cọp, chuyện ma hai tỉnh ấy.

Trò nào hay giỡn hay phá, ông hăm 'cho một câu gió thảm mưa sầu'.

Thầy Trò thích rượu, bữa nào chưa có vài ly, thầy ủa, khạc om sòm. Thầy tử tế cùng tôi, cho tôi 9, 10 điểm về tánh hạnh luôn.

Một chiều chúa nhựt, ăn cơm rồi vô ngôi học, thầy Mậu bảo chúng tôi: 'Hôm nay, các trò đi chơi, bây giờ học đi'.

Bất đồ, anh Thành, một học sanh lớp nhứt nội trú, lẩm bẩm: 'Học gì? Học mãi, học hoài!'

Thầy Mậu nghe tiếng đặng tiếng mất, tưởng nói xúc phạm đến thầy, thầy ngồi lên bàn tôi, ngó xuống mấy bàn chót, chửi suốt một giờ, ai nấy đều bực!

Giáo sư

Giờ, tôi xin đề cập đến mấy giáo sư chúng tôi.

Về Pháp văn, chúng tôi khởi đầu học với bà Marcoz, trên ba mươi tuổi, mập mạp, cái mặt no tròn. Mấy thầy nói bà có bằng Brevet Supérieur, chồng là một anh tây nhà đèn.

Bà hiền hậu, dễ dãi, siêng năng, bà cho điểm trong tập vở mình bằng mực đỏ, rồi vòng tròn.

Vì thiếu giáo sư nên bà kiêm dạy luôn khoa học và sử địa. Sẵn sách nhà trường bán cho học sinh, cứ xem theo đó mà dạy, không khó khăn gì.

Hễ ai thuộc bài là bà cho 10 điểm luôn.

Đặng mấy tháng, bà đổi đi, anh Tournier lại thế.

Anh này tuổi mới đôi mươi, kiêm nhiệm chức Tổng Giám thị (Surveillant Général) với dạy Pháp văn và sử địa chúng tôi. Anh đẹp trai, cái áo bành tô trắng tiếp với nước da trắng của anh; tánh anh hài hước, như chữ Amérique, anh đọc chia làm hai mà chơi: Amer – ique.

Anh cũng không phạt ai bao giờ.

Chúa nhật, anh mặc pyjama xuống nhà bếp coi nhà thầu cung cấp thực phẩm đủ hay không.

Anh thi hành quân dịch, ông Maurice Motais de Narbonne lại thế mà dạy chúng tôi luôn đến năm 1922, lớp đệ tam niên.

Thầy toán pháp là ông Nguyễn văn Hanh, du học bên Pháp, cũng đậu bằng Brevet Supérieur. Ông ốm cao, mặc âu phục bố trắng hay kaki cũng đều gọn gàng đẹp đẽ.

Ông đọc bài chúng tôi chép: Théorème 1 (théorème: định lý), ông đọc là Théor. 1, Corollaire 1 (Corollaire: hệ luận) là Cor. 1; cuối bài có bốn chữ C.Q.F.D. là ‘Ce qu’il fallait démontrer’ (Đó là điều phải chứng dẫn).

Chúng tôi bắt đầu học Algèbre (đại số) với ông, mà chúng tôi gọi là ‘ăn rệp’.

Ông Hanh hay ‘xộ’ chúng tôi; trò nào mang guốc lóc cóc lên bảng, ông hét: ‘Mầy hôi nặc primaire, mầy!’

Cậu nào rụt rè, sợ sệt, ông bảo: ‘Mầy đừng có làm manières với tao!’

Ông nói với anh em tôi:

– Chúng ta ở trong một học đường Pháp, phải nói tiếng Pháp. (Nous sommes dans une école française, il faut parler le français).

Một hôm, sau khi chấm điểm bài toán của tôi, ông hỏi:

– Có phải chính anh làm bài này không? (C'est vous qui avez fait ce devoir?)

Tôi thưa:

– Dạ phải, chính tôi làm (Oui Monsieur, je l'ai fait moi-même).

Ông sửa:

– Không trúng, phải nói: ‘Chính tự

tôi làm lấy' (Ce n'est pas correct, il fallait dire: Je l'ai fait de moi-même).

Tuy vậy, có bữa, vui miệng, ông cũng thuật chúng tôi nghe bằng tiếng Việt những chuyện xảy ra cho ông, hồi ông du học bên Pháp quốc. Ông có một giáo sư dạy ông học toán, trạc tuổi ông; ra khỏi trường thì mây mây, tao tao, rủ nhau đi uống cà phê, mà vô lớp rồi, ông làm toán trật, nó đá đít ông.

Ông với một người bạn sinh viên họ Phạm, ở trọ nhà ông bà kia, có cô thiếu nữ 17, 18 xuân xanh học trung đẳng. Chiều nọ, cậu Phạm rủ thiếu nữ đi dạo công viên. Đôi thanh niên nam nữ đang ngồi nói chuyện bỗng ông 'lô xí xồ' dục nó (lời ông Hanh), nó ôm thiếu nữ mà hun theo kiểu Á đông.

Thiếu nữ về méc với mẹ: ‘Chẳng biết anh Phạm làm sao mà ảnh hun con’.

Bà mẹ nói lại với Hanh, Hanh bảo Phạm làm vậy mất cách lịch sự, không phải rủ con gái người ta vô công viên mà hun hít như vậy.

Phạm sùng sộ với Hanh: ‘Hứ, vous ghen!’

Hanh mắc cỡ, giả từ gia chủ đi ở trọ nơi khác. Dĩ nhiên Phạm cũng tìm nhà khác mà ở trọ.

* * *

Ông Hanh dạy đặng vài ba tháng ông từ chức; ông Hiệu trưởng, Pierre Morel, xuống dạy thế. Ông râu tóc đều bạc, đáng kính, song ông mặc áo bành tô

fermé (cổ kín) luôn, ít khi mặc đồ ouvert (hở cổ), bộ tịch ông như mấy lão nhà quê, chúng tôi gọi ông là ‘già kên’, song ông hiền, không hay phạt.

Ông giỏi toán, mà có bữa ông cũng dạy Pháp văn.

Thỉnh thoảng, chiều thứ bảy, ông cho chúng tôi coi Ciné, rạp của thầy năm Tú, coi cải lương, tuồng Bùi Kiệm xe Nguyệt Nga, ba vai chánh là kép Thông, kép Cang và cô năm Cúc.

Chúng tôi cũng được coi xiệc thầy Thận, có màn ‘người rắn’ (l’homme-serpent), ông Ninh trườn trong mấy khoảng thang dây, dẻo dai lạ thường.

Thuở ấy mà người Việt điều khiển một ban xiệc hấp dẫn, rùng rợn, cũng hay, đáng khuyến khích.

Ông Nguyễn khắc Huê

Suốt ba năm, chúng tôi học Việt ngữ và vẽ vời với ông Nguyễn khắc Huê. Ông là cựu Đốc học trường tỉnh Bến Tre, cháu ông là thầy Dư dạy lớp nhứt lăm lồi chi đó, mà ông chịu trách nhiệm tinh thần, truyền chuyển qua trường trung học Mỹ Tho, dạy Việt ngữ.

Ông tuổi trên năm mươi, ốm nhỏ người, trán cao, mặt xương xương, giọng nói rần rỏi.

Đi dạy học, ông bịt khăn đóng, mặc áo dài, mang giày bố đen, xách cây dù đen, ôm cặp.

Buổi học đầu tiên với ông, ông cho chúng tôi viết bài ám tả: ‘Ông đồ cũ và ông đồ mới’, song vì ông đọc hơi trọ trẹ,

tôi viết: ‘Ông đồ cũ don (!) ông đồ mới.’

Đại khái chuyện ấy như vậy:

‘Có một ông lý cựu, nhà giàu, ở gần tỉnh, chơi thân với hai ông đồ: ông đồ chữ Tây là ông đồ mới, ông đồ chữ Nho là ông đồ cũ.

‘Một hôm, hai ông đồ cùng đến chơi, ông Lý đãi rượu nồng, đem con ra thỉnh nghiệp ...

‘Hai ông đồ công kích, xoi bói những cái dở cái xấu của nhau, làm cho gia chủ chán nản, quyết định như vậy:

‘Chữ Tàu theo cũng chết,

‘Chữ Tây học cũng rầy,

‘Thôi lạy cả hai bác,

‘Cho cháu về đi cày!

Xong, ông hỏi chúng tôi:

– Vậy chớ ông đây là đồ gì?

Nhan Y đáp:

– Dạ thưa ông là đồ cũ.

Ông hét:

– Đồ cũ là đồ bỏ!

Kế nói:

– Dạ, nửa cũ nửa mới.

Bữa khác, ông đọc chúng tôi chép bài ‘Tự thuật’ như vậy:

‘Bến Tre đày Mỹ Tho,

‘Công nghiệp nghĩ buồn xo;

‘Năm chục năm dư tuổi,

‘Ba mươi ba dạy trò.

‘Quan yêu cho việc nhẹ,

‘Đời quỉ khiến xài to,

‘Hồng hỏ cho qua buổi,

‘Đói lòng cũng nói no!

Những giờ học với ông là những giờ xả hơi, vui vẻ của chúng tôi, sau những phút căng thẳng với những bài toán học khô khan.

Cho nên, một vài trò, như anh Thanh chẳng hạn, mỗi tuần chỉ học với ông Huê có bốn năm tiếng đồng hồ thôi, đủ điểm trung bình đăng chúa nhựt ra chơi, kỳ dư mấy giờ học với giáo sư khác, anh đều nằm dưới phòng bệnh (infirmierie) nghỉ ngơi.

Nhờ học Việt ngữ với ông Nguyễn khắc Huê mà chúng tôi võ vẽ làm thơ.

Ông cho chép mấy bài thơ tứ cú, bát cú của ông làm mẫu, rồi dạy luật bình trắc để làm thơ.

Đi thuyền

Một thầy, một tớ, một con thuyền,
Lớn nhỏ mặc dầu tiến ngửa nghiêng;
Lướt sóng từng theo làn nước trí, Tới
bờ, mừng dặng dặng bình yên.

Luật bình trắc bài thất ngôn tứ cú trên đây như vậy:

Bình bình, trắc trắc, trắc bình bình,
(vần) Trắc trắc, bình bình trắc trắc bình;
(vần) Trắc trắc bình bình bình trắc trắc,

Bình bình, trắc trắc trắc bình bình
(vần)

Tự (Nguyễn văn) hài hước đổi lại là:

Đùng đùng, các các, các đùng đùng,

Cắc cắc đùng đùng, cắc cắc đùng.

...

Ông bảo rằng trong điệu làm thơ
Đường luật thì:

‘nhứt tam ngũ bất luận,

‘nhì tứ lục phân minh.

nghĩa là ‘những chữ thứ nhứt, thứ ba, thứ năm không kể, còn mấy chữ thứ hai, thứ tư và thứ sáu theo luật bình trắc hẳn hoi’.

Như bài ‘Đi thuyền trên đây’,

Câu nhứt, những chữ: nhì ‘thầy’ (bình), tư ‘tớ’ (trắc), sáu ‘con’ (bình); câu nhì, chữ nhì ‘nhỏ’ (trắc), tư ‘đầu’ (bình), sáu ‘ngửa’ (trắc) đều phải cho đúng luật. Thơ bát cú, ông vịnh trường Chasseloup Laubat như vậy:

‘Ôn trên nuôi dạy rất cao dày,
‘Đồ sộ gây nên một cảnh này;
‘Ba dãy lầu son cao vọi vọi,
‘Bốn bên tường phân chắc trày trày.
‘Trên an nệm gối khi khuya sớm,
‘Dưới sẵn bút nghiên việc tháng ngày.
‘Sĩ tử bốn phương vây một chỗ,
‘Ôn nhuần kinh sử đợi thang mây.

Ông cắt nghĩa thế nào là năm phần của bài thơ thất ngôn bát cú: phá, thừa, trạng, luận, kết, nhứt là cặp trạng cặp luận phải đối cho chỉnh mới là thơ hay, trái lại những thơ thất niêm luật, đối không chỉnh không có giá trị chi cả, dầu có ý tứ hay.

Như bài thơ trên cũng gọi là đối chỉnh: ‘cao vọi vọi’ đối với ‘chắc trầy trầy’, ‘nệm gối’ đối với ‘bút nghiên’...

Có hôm, ông ra câu đối cho chúng tôi đối: ‘Trái thơm thúi’, khó đối, vì có hai chữ chọi nhau: thơm – thúi.

Quối đối: ‘Cây cau lùn’, ông cho là tạm được, song hơi yếu vì phải ‘cao’ dạng chọi với ‘lùn’ mới đúng. Ông xuất đối:

‘Thầy giáo đi dạo ngoài đường’.

Anh Lê văn Dều đối:

‘Con gái ngồi thêu trên ván’

Ông khen được, nhưng hơi ủy mị, yếu đuối. Anh Lâm văn Từ đối:

‘Học trò ngồi ỉa dưới ruộng’.

Ông đỏ mặt, cười:

– Đối chĩnh, song xắc một chút!

Ông cho anh Từ tám điểm.

Lần khác, ông hỏi:

– Xưa, Đông phương có Tần Thi Hoàng, Hốt Tất Liệt, Tây phương có Charlemagne, Napoléon, đánh Nam dẹp Bắc, hậu thế lưu danh. Sau này, anh hùng trong thiên hạ có ai?

Anh Từ đứng dậy thưa gọn lỏn:

– Có tôi!

Ông khen:

– Cái thằng ăn nói có khí tượng!

Ông lại hỏi chúng tôi:

– Ông Pétrus Trương vĩnh Ký dân Pháp hay dân Việt?

Anh em chúng tôi nhao nhao lên đáp, người thừa ‘Pháp’ kẻ nói ‘Việt’. Ông nói:

– Ông Pétrus Ký là một nhà bác ngữ, biết trên mười thứ tiếng Tây phương, là bạn thân của văn hào Victor Hugo.

Chánh quyền Pháp trọng vọng ông và nhiều phen mời ông nhận Pháp tịch. Các trò có biết ông trả lời sao không. Ông nói: ‘Je préfère être le premier des Annamites que le dernier des Français’ (Tôi ưng làm người An Nam số 1 hơn là làm người Pháp hạng chót).

Chúng tôi rất mến ông Huế, ngày chúa nhật, thỉnh thoảng lại nhà thăm ông, ông ở một căn phố rộng rãi, mát mẻ, đường lên cầu quay.

Ông đãi bánh, nước trà, cho xem sách của ông sáng tác; trò nào biết cờ

tướng thì ráp tranh thắng bại. Ông dạy chúng tôi vẽ; ban đầu, ông lên bảng vẽ hoa lá cho vẽ theo, sau ông bảo vẽ thú vật, chim chóc, đàn ông đàn bà.

Những hạng vẽ dở như tôi thì tìm sách có thú vật mà đồ lại (calquer) hoặc dở cuốn ca ta lô phỏng theo mà vẽ.

Có bữa, tôi vẽ con mèo sắc sảo thế nào mà ông phê: ‘mèo ốm, mèo đói’, cho tôi có ba điểm. Ông đã già mà còn hài hước.

Trong lớp có Nguyễn văn Tỵ mà chúng tôi gọi là ‘Tỵ dài’ và Ngô văn Tị, biệt danh là ‘Tị cụt’, ông hỏi:

– Dài bao dai?

Đáp:

– Dài một gang!

Vài nét vui vui

Ăn chung ở lộn với nhau một thời gian, tánh tốt tật xấu của nhau đều phơi bày ra hết. Và anh em lấy đó làm đầu đề chế giễu nhau, tặng nhau một bí danh.

– Anh Từ (ông Huê gọi anh là Từ Hải), cái mặt già khăng mà ảnh nói ảnh mới có mười ba tuổi rưỡi; vậy chúng tôi kêu anh là ‘anh Từ mười ba tuổi rưỡi’ hay là ‘anh Từ a-cít hôi-nách-tít’ (acide hoinachtique).

Ai nói gì nói, ai cười anh thì cười, anh chỉ cười hề hề mà thôi. Thật anh có tánh kiên nhẫn đáng khen.

– Ngô thuận Thơ (Gia đổi lại là ‘ngỗ nghịch Thơ’) có một xấp giấy viết thơ và bao thơ có đề đầu (entête): ‘Délégation

d'Ômôn – Ngô thuận Thơ, chúng tôi gọi Thơ là ‘ông quận Ô Môn’.

– Anh Chậm đen thui đen thui, được lãnh cái bí danh là ‘Chà và Chậm’.

Nơi phòng ăn, anh Lêu ăn thúng thẳng, thúng thẳng, chúng tôi tặng anh là ‘anh Lêu làm rẽ. Hồ văn Kế tự cho mình là ‘ho văng ke’.

Trong lớp có hai Châu, hai Chi, hai Huê, có Mưu Kế, Chậm Lêu, Thơ Từ, Lợi Lộc, Gia Giáo, Chín Quan, Túc Y (đủ ăn) và Tỵ dài, Tị cụt.

– Tôn quan Châu là ‘Châu Rạch Giá’.

– Nguyễn thành Châu là ‘Châu cải lương’ vì, những đêm trăng, nhà đèn hồng máy, không ngồi học trong lớp được, anh em tôi ra sân cỏ ngồi chơi, chờ giờ đi ngủ, Châu đi đứng một mình đóng

luôn cả hai vai, ông Trọng và Tiên Bửu, ca giọng già rồi sửa làm giọng nữ nhi.

Hoặc anh diễn tuồng ‘Bùi Kiệm ve Nguyệt Nga’. Anh đã có khả năng kịch nghệ hồi 14, 15 tuổi; anh em tôi thích thú ngồi nghe.

– Nguyễn văn Chi ốm nhom, gió thổi muốn ngã, nên gọi là ‘Chi ốm’.

– Trần văn Chi mập mập, được gọi là ‘Chi mập’.

– Nguyễn văn Huê là ‘Huê Mỹ Tho’.

– Lý bình Huê, mà ông Huê gọi là Lý bình Bông, ở làng Hòa Bình, Bạc Liêu; anh hay cầm cây quạt, mang đôi giày hàm ếch, giống một ông hương chức, nên chúng tôi tặng anh là ‘ông cả Hòa bình’.

– Anh Quan cái mặt no tròn như cái bánh bao, anh em tôi kêu ‘bánh bao nhưn mặn, bao nhiêu một cái?’ Quan đáp mà cười:

– Hai xu một cái.

Ông Metais kêu anh Cao hữu Thạnh: ‘Cao ưu ưu Tal’, Trịnh văn Quới, ông đọc là ‘văn Cơi’.

Trái lại, chúng tôi gọi ông là ‘Point virgule’ (chấm phết) vì tướng ông đi, bước một bước rồi chơn kia kéo dài một cái.

Vài tháng sau khi nhập trường, ông Hiệu trưởng đặt may cho chúng tôi một cái kết nỉ, một cái áo nỉ nút ‘vàng’, hai cái quần bố trắng với một đôi giày đen.

Thợ may đo làm sao mà may cái áo mình vừa sít, lại thanh niên chúng tôi ăn

cơ trường mau lớn mau cao, mặc cái áo chưa đến một năm mà chật bó, thở không muốn nổi.

Cái áo anh Chiếm hai nách đều rách.

Mỗi lần đi dạo chiều chúa nhật, do thấy dắt đi, đều phải mặc bộ đồng phục đó, mấy anh khá giả mang đôi giày mình mua, còn con nhà nghèo đành mang giày nhà trường cấp phát.

Thấy anh Chỉ o bế đôi giày, thầy gác mỉm cười, còn chúng tôi bảo anh ‘đánh đôi giày bóng rọi chim té’.

* * *

Trường có hai cửa sắt lớn, cửa trước và cửa sau. Cửa trước dành cho giáo sư,

hai thầy nhứt và học sanh ngoại trú vào. Vì trường trung học có hai lớp nhứt Sơ học A và B do ông Cẩm và thầy Giai đảm nhiệm.

Năm trò lớp nhứt nội trú ở chung với chúng tôi.

Cửa sau cũng rộng lớn, sớm mai, lao công mở cho nhà thầu chở vật thực đến và cho mấy giáo sư ở dãy biệt thự sau trường, như ông Motais, ông Huỳnh văn Chợ... vào.

Trưa, cơm xong, lên lầu, vào khoảng 12 giờ, vài anh xin phép thầy xuống lầu ra cửa sau mua bánh mì sốt, chocolat đem lên chia nhau ăn.

Y phục do trường mượn thợ Hoa kiều giặt.

Thầy mở cho mỗi lớp một cuốn sổ.

Mình thêu hoặc viết tên bằng viết chì trên bầu áo, trên lưng quần; mỗi học sinh được phép mỗi tuần bỏ giặt hai bộ.

Sớm mai thứ sáu, mình đem hai bộ đồ dơ bỏ dưới đất bên bàn thầy, sau khi nói lên cho thầy biên vào sổ.

Trưa thứ năm tuần sau, anh thợ giặt Hoa kiều gánh đồ mới giặt vô, một học sinh lên phụ với thầy phát quần áo cho các bạn.

Bạn nào có đồ hàng lụa hay sơ mi mắc tiền, mượn lao công giặt riêng.

Mấy năm trước, mỗi niên học, ông Hiệu trưởng Sentenac chỉ cho học sinh mượn sách mà thôi, cuối năm thâu lại, thì cuốn còn cuốn mất, cuốn rách cuốn lành.

Năm nay, ông Morel thay ông Sente-nac làm Hiệu trưởng bảo mở thư viện bán sách cho học sinh dùng, sách mới cũ giá khác nhau, môn nào cũng có.

Chúng tôi rùng rùng lên mua: một cuốn Tự điển ‘Petit Larousse illustré’ một đồng bạc (1 \$); cũng cuốn tự điển Larousse song nhỏ hơn, năm cắc (0\$50), còn những sách học như Toán học ‘Jacquet et Laclef’, sách đọc ‘Lecture expliquée’ (sách đọc giải nghĩa), ‘Lecture commentée’ cũng gọi là ‘Lecture morale’ (bài đọc luân lý); sách vật lý học, hóa học và vạn vật học, sử, địa... sách giải trí ‘Grands Coeurs’ (Tấm lòng cao thượng) mỗi cuốn từ hai đến ba cắc.

Chúng tôi mua được sách rẻ lấy làm mừng.

Học được vài tháng, anh Lê văn Đượm và Tôn quang Châu sang Pháp du học, thuở ấy đi tàu thủy chớ chưa có đường hàng không.

Và đồng bạc Việt nam được đổi 15 quan Pháp.

Từ đó đến nay, tôi không còn nghe tông tích Tôn quang Châu thế nào, chỉ có nghe, sau khi xuất ngoại được vài năm, Lê văn Đượm chết trong một tai nạn xe lửa bên Đức quốc, chẳng rõ có thật vậy chẳng.

* * *

Lật bật đến lễ Chúa Giáng sinh, chúng tôi được nghỉ ba ngày, hôm chiều trước ngày nghỉ, Gia, Chi với tôi đã lên ông Hiệu trưởng xin phép về Tân An, ra trường đi chuyến xe lửa bốn giờ.

Từ Mỹ Tho qua Tân An hai mươi sáu cây số, có bốn ga: Trung Lương, Lương Phú, Tân Hiệp, Tân Hương; mỗi ga, xe lửa ghé vài ba phút; chiếc xe lửa mới chạy mất ba khắc đồng hồ, còn xe lửa cũ hơn một tiếng.

Mới đi xe lửa được vài lần, và ra khỏi cái châu thành bé nhỏ Tân An, chúng tôi lấy làm thích thú, mải đứng toa sau mà trông mấy hàng cây hai bên đường chạy ngược chiều chiếc xe, vui mắt thấy mấy giống thuốc lá.

Kể sao xiết nổi hàn huyên sau ba tháng xa nhà, má tôi cứ ngó tôi mà cười

hoài, mấy chị tôi trầm trồ tôi ‘nhỏ giò’ (mau lớn).

Tôi với anh tôi không ngọt nói chuyện trong trường, bè bạn, giáo sư.

Má tôi bảo chị tôi làm một con gà mái tơ nấu cà ri, đãi anh em tôi, nơi trường chắc ăn cực khổ.

Mấy ngày nghỉ lễ chấm dứt, anh em lại khăn gói lên đường, má tôi cho anh tôi năm đồng với một gói lạp xưởng, vì ảnh than trường cho ăn ‘mắm thúi’ (mắm ộp bằm chưng hột vịt) ảnh ăn cơm không được, phải mua nem, mua bánh mì ăn thêm.

Còn tôi, chị tôi nói tôi ở Mỹ Tho ăn sung sướng, nên má tôi cho tôi ba đồng xài vặt là đủ rồi!

Tôi không ganh tị làm gì, cũng thời con mà cha mẹ có đứa thương đứa ghét. Thôi, tập cực khổ cho quen, sau ra ở đời gặp phải cảnh gian lao mà chịu được ...

Kết nghĩa kim bằng

Đối với anh em nơi trường cũng hòa thuận yên vui, song thanh niên máu nóng làm sao tránh khỏi những xích mích cùng nhau, đấu khẩu rồi đấu võ, nhớ lại cũng hối hận phần nào.

Trong một trận túc cầu bằng chiếc banh cao su, tôi đá Vĩnh tể; vì một chuyện cãi vã không đâu mà tôi đánh ‘Chi ồm’ ba bốn thoi, Gia can thiệp rồi xử huề.

Một hôm, tôi đang gọi đầu, bỗng nhiên Chạm kê thau vô vôi nước tôi hứng tắm. Thế là một cuộc tranh chấp

xảy ra, kể đó hai trò nhỏ ‘bốc xê’ nhau, mà kết cuộc là cả hai bị ‘công xin’ không chuộc.

Là vì, mỗi tháng nếu tánh hạnh tốt và cố gắng học hành thì được một giấy khen tặng (satisfecit) khả dĩ dùng để chuộc những phạt không cho ra.

Song trường hợp tôi, không biết thầy Thạnh phúc trình thế nào mà ông Morel không cho tôi chuộc, mặc dầu tôi có thừa satisfecit để chuộc.

Có lẽ để cảnh cáo tôi dần bớt cái tánh nóng nảy đi chăng.

Tôi không còn nhớ tôi làm quen với anh Nguyễn tấn Trọng trong trường hợp nào mà, suốt hai năm trường, năm đệ nhứt và đệ nhị niên, 1919-20 và 1920-21, tôi cùng ảnh thương mến nhau.

Anh Trọng là trưởng nam trong một gia đình công chức ở Bình Hòa xã, Gia Định, dường như thân phụ anh là một thư ký Sở Bưu điện.

Chúng tôi không giấu giếm gì, tỏ gia thế cho nhau biết. Anh 18 tuổi, một tuổi với anh tôi, học lớp đệ tam niên B, vào hạng trung bình.

Anh trắng người, tóc chải rẽ một bên, vóc trung trung mạnh mẽ, lưng hơi khòm, ăn nói đàng hoàng khiêm nhượng.

Mãn giờ học, anh tìm tôi, anh em cùng nhau đi tới đi lui trong trường,

những điều tôi thắc mắc về khoa học và toán pháp, anh rành rẽ chỉ giùm.

Chúa nhựt, anh với tôi, tay cầm tay đi lên Lò gạch, bên dòng sông Bảo Định hà, ngồi trên thảm cỏ, nói chuyện gia đình, học vấn.

Chị bán xôi bắp đi qua, anh kêu lại mua hai gói cho cả hai và giành trả tiền, rằng ‘làm lớn thì phải làm lao’, nâng đỡ, bao cho em mới phải.

Bữa chúa nhựt khác, tôi rủ anh đi ăn hủ tiếu, với điều kiện là anh để tôi trả tiền, nếu anh giành trả nữa thì tôi không ra với anh. Anh ừ iệc hẩn hời, nào ngờ anh lạnh quá, chú chệch mới bưng hai tô hủ tiếu đến bàn là anh đã trả tiền rồi.

Tôi làm giận làm hờn, hăm không ra với anh nữa, anh phải hứa kỳ tới, tôi

muốn bao bao nhiêu cũng được.

Hôm nọ, tôi cảm sốt, nằm dưỡng nơi phòng bệnh, anh hay tin xuống thăm, cạo gió cho tôi và xúc dầu trên cổ, trên lưng, săn sóc như một người anh ruột.

Mối tình bè bạn đầm ấm ấy kéo dài đến năm 1925-26 là năm tôi học trường Chasseloup Laubat Sài Gòn, còn anh đã giúp việc Đông Pháp Ngân hàng (Banque de l'Indochine) song anh sớm từ trần, để lại trong lòng tôi một niềm thương nhớ, đến ngày nay cũng chưa phai.

Thấm thoát thiếu quang, niên học 1919-20 đã mãn, anh em chúng tôi, hơn ba mươi trò, được lên lớp đệ nhị niên.

Năm lớp A, B, C, D, E học sanh đệ tam niên năm rồi phải thi đặng lên lớp đệ tứ niên trường Chasseloup Laubat,

những ai rớt phải học lại đệ tam niên ở Mỹ Tho.

Rủi cho anh Nguyễn tấn Trọng thì rớt, anh buồn, song tôi lại vui, một cái vui có chút nào ích kỷ vì tôi còn được gần gũi anh một năm.

Và những anh ở lại, tôi còn nhớ mấy anh sau đây: Trọng – Chí – Chuẩn – Chưởng – Hương – Đình – Ngà – Nhút – Hùm – Hình ...

* * *

2. Lớp đệ nhị niên 2e année 1920-21

Chúng tôi không còn ở lầu C nữa mà đổi qua lầu A, mới cất, chắc chắn, sạch sẽ, ngủ chung với mấy anh đệ tam niên, và cũng ngồi học bài chung với mấy anh.

Ông Hiệu trưởng cũ, Perre Morel đổi đi, ông Lafuste lại thế.

Ông này không cao lớn song mập to, dạy Pháp văn hấp dẫn, mà dạy lý hóa cũng hay.

Ông Motais de Narbonne vẫn dạy Pháp văn cho lớp tôi; ông Tạ trung Lương, có bằng Tú tài toán thi ở Alger, dạy toán. Ông kém sức khỏe, dường như phổi yếu, nên có lúc ông nghỉ cả vài tuần.

Dạy âm tả và sử địa có ông Pháp lai Henri Joyeux, có tên Việt là Huỳnh văn Tới, kiêm nhiệm luôn chức Tổng giám thị.

Ông Nguyễn khắc Huê tiếp tục dạy Việt ngữ cho các lớp trong trường.

Một phần giáo sư thay cũ đổi mới, vài giám thị cũng được đổi thay. Chúng

tôi có thầy Vàng, tục gọi ‘Cam sành’ vì cái mặt thầy có u có nần như da cam sành.

Thầy Bảy đen thui, nên chúng tôi kêu ‘chà và Bảy’.

Sau có thêm thầy Đăng, vóc vạc nhỏ xíu mà hách một cây, ông Paul Khịa, lúc trước dạy lớp nhì B ở Tân An cũng đổi qua làm thầy giáo.

* * *

Chúng tôi học đã khá tấn phát rồi, ông Motais theo chương trình dạy cao hơn, cho những bài luận văn khó hơn và ông chấm bài thật kỹ.

Chỉ có bài luận văn của Kế và Tỵ ít khi bị sửa mà thôi, kỳ dư mấy bài của

hạng lục lục thường tài như chúng tôi đều bị ông sửa nát và ngoài lề, ông phê đầy những: inc: incorrect (sai luật); orth: orthographe (trật âm tả); m.d.: mal dit (không hay)...

Có bữa, bực quá, ông nói một câu: 'A force de vous corriger, je deviens tout bête' (Sửa các anh thét rồi tôi ngu dần).

Chúng tôi then, song căn môi nhin cười.

Về Pháp văn, Kế dẫn đầu trong lớp luân: luận văn, âm tả, đọc sách giải nghĩa (lecture expliquée) và bài đọc luân lý (lectures morales), nhưng toán và khoa học, không ai qua mặt nổi Nguyễn văn Ty.

Những hạng xoàng như Gia, Chi, Lâu với tôi thì tranh nhau cái hạng ba,

hạng tư... song về Việt ngữ, tôi được ông Huê để ý và tôi cũng được điểm cao về sử địa.

Sĩ khí Gò Công

Tôi còn nhớ trong cuốn ‘Lectures morales’ hai bài nêu cao tinh thần dân tộc Việt Nam kháng Pháp hồi quân đội viễn chinh xâm chiếm Nam Kỳ.

Bài thứ nhứt đại khái như vậy:

‘Một buổi trưa, một viên ách dắt đến viên quan ba (đại úy) chỉ huy trưởng, hai anh em thanh niên nọ, phúc trình rằng, hai người hướng dẫn trung đội của va suốt một buổi mai, băng đồng, lội ruộng mà không tìm được một tên ‘phiến loạn’ nào hết.

Viên quan ba hỏi thanh niên:

– Hồi sớm mai, ta bảo hai anh dắt binh sĩ ta tìm phiên loạn, hai anh vâng lời. Ta có nói trước rằng, tìm không được, ta sẽ xử bắn hai anh. Ta có nói như vậy, phải chăng?

– Ông quan ba có nói.

– Hai anh cố tình đánh lạc hướng quân đội ta, không cho họ gặp phiên loạn, ta sẽ xử bắn hai anh, hai anh có điều gì muốn nói không?

Hai thanh niên làm thinh. Viên quan ba ra lệnh cho một tiểu đội thi hành... Một tràng súng nổ... Sĩ quan Pháp trầm ngâm, buồn buồn nói với mấy người hầu cận:

– Ta lấy làm tiếc mà phải xử sự như vậy. Nước Hy Lạp xưa có lẽ sẽ tạc tượng

tôn kính hai người, còn ta, ta phải bắn họ. Chiến tranh càng tàn khốc càng mau kết thúc, lợi cho cả hai bên, bên thua cũng như bên thắng...

Bài thứ nhì là một bức thơ dân chúng Gò Công gửi cho Chánh phủ Pháp phản kháng sự xâm lăng cướp nước của họ ở Việt Nam

Kết thân cùng văn sĩ

Chúng tôi bắt đầu làm quen văn chương Pháp, đọc tác phẩm văn sĩ nào mà ông Motais bảo đọc.

Mặc dầu sức còn yếu kém, chúng tôi cũng đọc quyển ‘Les Confessions’ (Bản sám hối) của Jean Jacques Rousseau, cuốn ‘Esprit des Lois’ (Vạn pháp tinh lý) của Montesquieu, ... những quyển sách

mắc mủ mà bộ óc non nớt chúng tôi chưa hiểu nổi.

Còn những sách dễ hiểu hơn thì chúng tôi nhai ngấu nhai nghiền, đọc rất nhiều, những văn sĩ từ thế kỷ thứ XVII trở lại đây đều có đọc.

Nhứt là tôi thích cách hành văn của Hector Malot, bóng bẩy, cân đối, thâm trầm trong mấy quyển tiểu thuyết ‘Sans famille’ (Vô gia đình), ‘En famille’ (Trong gia đình), ‘Romain Kalbris’ ... và mấy cuốn ấy, tôi đọc ít nhứt cũng hai lần.

Trái lại, anh tôi ảnh lại thích làm bạn với Alphonse Daudet vì văn sĩ này có lối hành văn nhẹ nhàng, hài hước, vui vẻ, và mấy tiểu thuyết ‘Tartarin de Tarascon’, ‘Port Tarascon’, ‘Contes du lundi’ (Những truyện ngắn ngày thứ hai), ‘Lettres de mon moulin’ (Những thơ viết trong nhà

cối xay) là những sách đầu giường của anh tôi vậy.

Anh Lâm văn Từ với anh Nguyễn tấn Trinh đi đâu tay không rời Nam phong tạp chí của Phạm Quỳnh.

* * *

Năm nay, tôi lại kết bạn thân với anh Lê văn Chí, đồng hương với tôi ở Tân An. Và anh Chí cũng chơi thân với anh Trọng, thành tử bộ ba chúng tôi thường đi chơi cùng nhau, anh Chí, anh Trọng đọc quyển sách nào hay thì thuật tóm cả ba cùng nghe.

...Bây giờ biết đặng chút ít nguyên lý của vật lý học, tôi đâm ra mơ mộng.

Mặc dầu lúc ấy, 1920, các châu thành trong Nam chưa bị nạn kẹt xe bành trướng như nửa thế kỷ sau (1971), tôi mơ một chiếc xe có cánh như chim, xếp cánh chạy trên các đường thành phố như một chiếc xe thường mà gặp lúc kẹt xe thì giương cánh ra bay bổng như chim, đến khi thấy đường vắng xe thì đáp xuống xếp cánh thông thả chạy chơi.

Hiện nay, đã có trực thăng bay lên đáp xuống dễ dàng song còn nặng nề quá, chẳng biết Âu Mỹ những nước đại tiến bộ về cơ khí đã cho ra đời một chiếc xe kỳ quái như trí tưởng tượng của tôi chưa.

... Có lần, ba chúng tôi, Trọng, Chí với tôi chụp chung một tấm hình, tiếc vì sau này, nghề nghiệp bắt buộc chuyển chỗ nầy nơi nọ mà lạc mất những kỷ niệm êm đềm quý hóa ấy đi.

Anh Chí giỏi toán, nhiều khi tôi giở cuốn toán pháp Jacquet-Laclef làm vài bài mượn anh sửa giùm, anh sẵn lòng, nhưng vì năm ấy mấy anh đệ tam niên chuẩn bị thi bằng Brevet Elémentaire với bằng Thành chung (Diplôme de fin d'Etudes complémentaires) nên anh ít dư ngày giờ mà luyện toán giùm tôi.

Tuy là chúng tôi thích đọc những sách nghiêm chỉnh, nhưng tuổi trẻ bỗng bột sao khỏi ham những tiểu thuyết trinh thám phiêu lưu, như loại 'Fantômas', cướp của giết người, 'Les mystères de Paris' (Ba Lê bí mật), 'Au-delà des ténèbres' (Bên kia màn hắc ám); và những thủ đoạn trộm cắp tài tình của anh chàng Arsène Lupin hào hoa phong nhã.

... Lầu A chúng tôi, học sanh đệ nhị niên ngũ chung với mấy anh đệ tam niên, chỉ có một ngọn đèn điện treo giữa lầu;

giường tôi hơi xa đèn một chút. Chín giờ đêm, lên lầu xong, thay y phục, bỏ mùng xuống, tôi nằm ló đầu ra, hướng về ngọn đèn, xem sách đến mười một giờ mới ém mùng mà ngủ.

Tôi có mượn một mớ truyện nhà trinh thám đại tài Nat Pinkerton và mỗi mười lăm phút giờ chơi sớm mai là tôi xem hết một cuốn 32 trang.

Toàn bộ Nat Pinkerton lối 110 cuốn mà tôi xem hết bảy tám mươi cuốn như vậy.

* * *

Ông Hiệu trưởng Lafuste tử tế với học sinh, từng bảo giáo sư đề nghị ban

khen học sanh nào tánh hạnh tốt, cố gắng học hành; thỉnh thoảng ông lên phòng ngủ, bất thành linh ông bảo mình mở rương cho ông xem, không biết ông tìm gì: trái cây sống sít, hay hình và sách cấm?

Cây đèn dầu phộng tôi, để tối đốt lên xem sách, ông hỏi dầu gì, tôi đáp: ‘huile d’arachide’ (dầu phộng), ông hửi rồi trả lại.

Một chiều thứ bảy, ông ra lệnh giám thị sắp hàng chúng tôi trước lớp, mặc bộ đồng phục (uniforme) cho ông xem. Chừng ông thấy cái áo của anh Chiếm rách cả hai nách, cái áo của Gia với của tôi mặc vào thử không muốn nổi, Mưu mặc cái áo nỉ đặt may ở ngoài, và đa số chúng tôi mang giày rách, ông lắc đầu, vì không rõ đôi ‘giày nhà nước’ chúng tôi

bằng da hay bằng giấy mà mắc mưa vài lần thì nó hỏng miệng!

Ông bảo chúng tôi thôi đừng mặc bộ đồ cũ nữa, ông may cho một bộ đồ bố trắng mới, rộng rãi hơn, và đặt một đôi giày mới.

Ông dạy lý hóa rất dễ hiểu, chúng tôi lãnh hội được nhiều, ước ao ông dạy lâu, song ông giáo sư Đỗ Dzũng đến, ông này có bằng Cử nhân lý hóa và vạn vật, thay thế ông Lafuste mà dạy mấy môn đó.

Ông soạn bài sẵn ở nhà rồi vào lớp ngồi trên bàn chỉ đọc cho chúng tôi chép vào tập, chớ ông không cắt nghĩa chi hết, hoặc là cắt nghĩa sơ sơ mà thôi. Thật là khỏe cho thầy mà cũng khỏe cho trò!

Và suốt năm, ông kêu trả bài có một lần thôi: anh Lê quang Thìn áp ứng, ông

bảo về chỗ học lại. Tập bài của ông để dành thi tam cá nguyệt.

Vì mấy anh đệ tam niên chuẩn bị thi bằng Brevet Elémentaire và bằng Thành chung nên ông bảo mấy anh, mỗi sớm mai, từ năm giờ rưỡi đến sáu giờ rưỡi qua nhà ông, cái nhà bánh ếch trong vòng trường, bên tả cửa lớn, ông dạy thêm cho về điện học (Electricité) và quang học (Optique).

Và ông cũng cho mấy anh chép bài, chớ không dùng phương pháp nào khác.

* * *

Ông Pháp lai Henri Joyeux dạy âm tả và sử địa. Ông cho chúng tôi viết mấy bài âm tả trong cuốn 'les cent dictées du Brevet Elémentaire' (100 bài âm tả

thi B.E.) nhiều bài khó, vì chữ lạ và văn phạm rắc rối.

Trừ Kế và Tỵ ra, anh em tôi làm lỗi đầy đầy. Ban đầu, ông giáo sư tính hễ làm năm lỗi thì bị điểm ‘không’, nhưng khi học sanh viết lỗi quá nhiều, ông hạ cái giá biểu ấy xuống còn 10 lỗi mới ‘lãnh trứng gà’.

Một hôm, tôi được ông bảo lên bảng có treo một bức địa đồ nước Pháp, và ông hỏi về sự di dân từ đồng bái đến các thành thị lớn.

Ông bảo tôi chỉ trên địa đồ những sự di cư đó. Tôi bối rối, trả lời loanh quanh.

Mãn giờ học, anh Lâu tức giận nói:

– Hỏi gì mà hỏi lạ lùng, sao vous không đáp: Cái sự di cư ấy nó thực hiện trên đất Pháp, người dân quê bị lợi lạc

thị thành hấp dẫn, lần lần bỏ đồng quê về thành thị, chớ trên địa đồ làm sao thấy sự di cư ấy được!

Giải trí – Thể thao

Giải trí nơi trường, về thể xác, chúng tôi có đá banh, đá cầu, đánh đáo lỗ, tục gọi là ‘thải lỗ lạc’, là ba bốn trò đậu mỗi người một, hai xu, đào một cái lỗ, gạch mức xa lỗ vài sải, rồi thi, người nào thải đồng xu gần lỗ hơn hết thì đi đầu, cầm một cọc xu quăng vào lỗ.

Mấy đồng xu lọt vào lỗ thuộc về mình, còn mấy đồng nằm ngoài hay nằm trên miệng lỗ mình được một người chỉ cho mình chơi một đồng nào đó, chơi trúng lượm hết, trật thì thôi, nhược bằng chơi đồng xu trên miệng lỗ rủi nó rớt vào lỗ

thì mình bị phạt, bỏ vào một xu ...

Về môn này, anh Nguyễn văn Chiếm tài lắm, lần nào đánh đáo lỗ anh vẫn ăn luôn, chưa thấy ai là địch thủ của anh vậy; có lần, ba bốn xu nằm vây trên miệng lỗ, thế mà anh bình tĩnh, bàn tay khéo léo, vững vàng, anh thái lọt đồng xu vào lỗ gọn gàng, làm cho ai nấy đều ngán tài anh Chiếm.

Chiều thứ năm, thầy dắt chúng tôi ra sân vận động và nơi đó, một anh đội tây tên Plagne tập thể thao cho chúng tôi, chơi thanh ngang (barre fixe), thanh song song (barres parallèles), nhảy cao, nhảy xa, nhảy sào, chạy nhảy rào ...

Về môn nhảy xa, Phạm văn Tấn, lớp đệ nhứt niên, với cặp giò dài, nhảy xa hơn các học sanh, xa hơn cả anh huấn luyện viên Plagne ít nhứt cũng 10 phân,

anh nầy tức, lấy trốn, nhảy hai ba lần, lần nào cũng thua Tấn, rần lăm cũng còn thua năm bảy phân.

Chúng tôi chơi từ bốn tới năm giờ về rửa mình ăn cơm.

Giải trí tinh thần, năm nay chúng tôi bỏ chiếc sáo, ly dị với mấy bản ‘La Marseillaise’ ‘Madelon’, ‘Au clair de la lune’ ‘Bình bán ván’ ‘Lưu thủy hành vân’ và, ngoài thú vui đọc sách, chúng tôi còn dự kiến Nguyễn thành Châu hát cải lương, nghe anh Chưởng thổi ống tiêu, anh Đỉnh, anh Chuẩn đàn kiếm, Lộc khảy mandoline, Tỵ chơi accordéon (phong cầm).

Lộc, người Cần Thơ, tánh tình lạnh lợi, đàn mandoline giòn giã, nhứt là anh đàn bản Tứ đại oán nghe rất mùi. Tỵ chơi accordéon cũng có điệu.

Anh Chưởng xuy tiêu

Thuở ấy, lầu A chúng tôi có hai thang lầu, một thang đông và một thang tây, song cửa lầu phía tây thầy khóa lại không cho lên xuống, có lẽ để bề kiểm soát.

Chiều, dùng cơm xong, trước giờ vô ngôi học, anh Chưởng, anh Đỉnh hoặc anh Chuẩn lên ngôi trên thang lầu tây hòa nhạc.

Anh Chưởng đẹp trai, anh Chuẩn hiền hòa, anh Đỉnh cao ốm, khòm khòm, đi chậm rãi như một bà xơ già, nên mấy anh ‘đệ tam’ kêu là ‘Ma mère Lý Đỉnh’ (Bà mẹ Lý Đỉnh).

Sở dĩ chúng tôi dành cho anh Chưởng một mục như vậy là vì, không biết thuở Hán Sở tranh hùng, chiếc tiêu

của Trương Dương réo rắt, mầu nhiệm thế nào, bi cảm thế nào mà nó thổi tan mấy đạo tinh binh và tám ngàn tử đệ của Sở Bá vương, mà bá vạn hùng binh của Hàn Tín không sao tiêu diệt nổi.

Chiếc tiêu của anh Chưởng cũng thâm trầm lạ, nhất là khi tiếng ù ù ù... của anh thổi lên, là chúng tôi tịt lại nghe, nghe để mà thở dài, buồn bã.

Những đêm tắt điện, không ngồi học trong phòng, dưới ánh nguyệt, chúng tôi nghe anh thổi tiêu, áo não, nhớ ông bà ông vải năm xưa, kiếp trước.

Chiều chiều, chúng tôi lại mả con chim, dưới góc tường, chứng kiến mấy anh tưng kinh siêu độ cho con chim se sẻ bị một anh chơi nghịch lấy đá ném mạng vong.

Anh thì tụng kinh vãng sanh, anh lại cùng cái lon sữa bò mà bõ mõ.

Vài cây râm bụt, một cây lài bao quanh cái mả cho vài tắc, lớn bằng cái thúng con, chất tròn những đá ong bằng cổ tay, chơn cái.

Trước mả, dựng một cái bia, trên viết bằng mực tàu, một dòng chữ Pháp: ‘Ci-gît Jean Moineau, fatalement emporté par un coupe de pierre à la fleur de sa jeunesse’ (Nơi đây an nghỉ chú se sẽ tên Jean, bị một hòn sỏi mà vong mạng, đang lúc tuổi xuân).

Mỗi trưa, vào khoảng mười hai giờ, nơi nhà ông giáo sư Lương gần trường, cây dương cầm trỗi giọng vì ông là một nhạc sĩ hữu tài, tôi nghe tiếng đàn mà buồn đáo để.

Mới mười mấy tuổi đầu, tôi nhận thấy cuộc đời chỉ là một thời gian để cho mình thi hành phận sự, có vui chăng chỉ là vui gượng mà thôi.

Là vì, bát trong sóng còn động thay và mặt hồ êm tịnh gặp gió liền nổi sóng.

Những nỗi buồn buồn

Tôi không nhớ rõ vì một lỗi lầm chi mà thầy Bảy quả phạt anh Lê văn Dầu, anh tức giận hăm đánh thầy và lôi cuốn anh Vĩnh vào phe anh, anh Vĩnh ngày thường hiền hậu ai cũng mến.

Thầy Bảy dùng cái tài viết văn đánh thép mà phúc trình lên Hiệu trưởng, Dầu với Vĩnh mất học bổng và bị đuổi luôn, tội nghiệp hai anh đều là con nhà nghèo!

Chúng tôi xót cảm cho tình cảnh hai anh, dùng chiến thuật « tiền lễ hậu binh » phái hai anh Lâm văn Từ và Phạm văn Lộc đại diện chúng tôi đến nhà thầy Bảy năn nỉ thầy nhẹ tay cho hai anh Dầu Vĩnh nhờ ân đức của thầy.

Không biết thầy từ khước hay sao mà đêm ấy lâu A chúng tôi như một ổ giặc. Giường nào cũng bỏ mùng xuống, rồi thì nào là tiếng nắp rương dện xuống rầm rầm, tiếng người ho, chim kêu, gà gáy, thú chạy, mèo ngao ...

Thầy đi tới đâu nầy thì đâu nầy yên mà đâu kia nổi dậy, thầy mau chơn đi đến đâu kia thì đâu nầy lại động.

Ông Joyeux, Tổng giám thị, đêm ấy vừa mới thành hôn, nghe náo loạn như thế, lật đật chạy đến thì lâu A chúng tôi

em như ru, con muỗi bay cũng nghe tiếng.

Ông đi tới đi lui một hồi, vừa xuống lầu thì lầu trở lại ồn ào như cũ, mãi đến nửa đêm chúng tôi mới ngủ. Hôm sau, ông Hiệu trưởng Lafuste mới đại diện chúng tôi lên văn phòng « thuyết pháp » cho một hồi.

Anh Từ, anh Lộc thưa rằng Dều với Vĩnh chưa hề chạm đến mình thầy Bảy, mà thầy phúc trình quá gắt gao, hai anh bị đuổi học thì thật là bất công và độc ác!

Ông Lafuste phủ ủy đôi lời, hứa sẽ xét lại trường hợp. Vài tuần sau, Dều Vĩnh được học lại song mất học bổng và phải ở ngoài.

Ông Tạ trung Lương dạy toán chúng tôi và dạy luôn cách vẽ hình học (dessin géométrique).

Thường ông cho vẽ “carrelage”, sự lót ca rô, miếng trắng miếng đen, hoặc bằng gạch vuông, hoặc gạch hình bánh đúc (losange).

Chúng tôi sơn mấy miếng đen bằng mực tàu; khô rồi, lấy đèn cây chà nhẹ lên, đánh bóng.

Cậu nào cũng trình bốn vẽ khéo hay, được tám chín điểm. Bữa nọ, ông đem vào một cái ly con, có chơn, bảo chúng tôi vẽ hình bố đôi (coupe) của nó.

Vẽ xong, tôi đem lên trình, ông cho 9 điểm.

Chừng ông kêu tên học sanh đang ghi điểm vào sổ, tôi hô « neuf » (9) có cái âm thanh chữ f, như “nớp phờ” một chút. Không hiểu ông nghe thế nào mà ông hỏi Tỵ (ngồi gần tôi), tôi nói làm sao. Tỵ bảo tôi nói “nớp xờ” (neuf-s) ông trợn tôi và tặng tôi một “consigne” vì tôi giấu ông. Tôi khóc, ông la tôi:

– Hội, mấy đừng có làm cái mặt quỷ thần với tao!

Tôi gạt nước mắt. Mãn giờ, tôi lên thưa ông rằng không bao giờ tôi dám vô lễ với thầy, sự thật là tôi nói neuf chứ không có nói neuf-s, Tỵ nghe lầm.

Ông xóa bỏ cái consigne cho tôi.

Cả tuần, tôi không nói chuyện với Tỵ.

Văn hóa tuần san

Anh em chúng tôi cũng tập tành làm báo.

Sau khi bàn luận và xin phép ông Hiệu trưởng, chúng tôi xuất bản một tờ tuần báo nhan là “Văn hóa tuần san”, vốn vẹn có bốn trang giấy lớn.

Chủ nhiệm, chủ bút và quản lý gồm có Kế, Tỵ với tôi. Chép bài thì có anh Lôu, anh Chỉ và vài bà anh nữa chữ tốt, tình nguyện chép, không lãnh thù lao.

Mấy người viết bài cũng không có nhuận bút.

Và độc giả chúng tôi là học sinh đệ tam và đệ nhị niên ủng hộ một số tiền hàng tháng vài cắc bạc, đủ tiền mua giấy in báo mà thôi.

Báo ra chiều thứ bảy, năm tờ, mỗi tờ bốn trương như đã nói trên, anh em chuyền tay nhau đọc, ai xem rồi ký tên trên đầu trang nhứt, tất cả đọc xong thì hoàn lại cho quản lý cất làm kỷ niệm.

Sau, tài chánh kha khá, chúng tôi in bằng xu xoa vài chục tờ. Nội dung tờ báo gồm những bài văn chương, nghị luận, lịch sử, cổ tích địa phương, những bài dịch Pháp văn ra Việt văn, hoặc văn xuôi, hoặc văn vần.

Chúng tôi không công kích nhà trường giáo sư, thầy gác, không gieo ác cảm giữa lớp nầy và lớp nọ, hoặc học sanh với nhau, chỉ quan tâm đến văn hóa mà thôi.

Mấy thầy cũng mượn xem và khuyến khích.

Tôi viết bài trong đây, ký bút hiệu là Đào Viên và bút hiệu này tôi còn giữ tới ngày nay.

Tờ báo sống đến cuối năm đệ nhị niên và năm sau đình bản vĩnh viễn vì anh em chúng tôi lên lớp đệ tam niên, ai cũng lo học thi, không còn để tâm làm báo.

* * *

Thời kỳ học sanh có những chuyện vui vui như viết báo và xổ số.

Mặc dầu xổ số mà không có Chánh quyền cho phép là một điều luật cấm, song chúng tôi là học sanh, xổ số những đồ vật giá trị không quá mười đồng, và

giữa bạn học với nhau, nên mấy thầy cũng nhắm mắt, mặc nhiên cho phép.

Chiếc đồng hồ được xổ số 10 đồng, sở hữu chủ làm 50 số, mỗi số hai cắc bạc, số được viết trong miếng giấy nhỏ xếp làm tư, bỏ vào nón, xóc xóc, đưa nón lên khỏi đầu, một người vói bắt giùm, số ra chót là được vật.

Cái nón nỉ trị giá năm đồng, 25 số; đôi giày ba đồng, ba mươi số, mỗi số một cắc thôi.

Lần nào tôi cũng mua số song... trúng sém luôn, nghĩa là còn hai ba số nữa đến số chót là số tôi bị bắt ra, mà bốn năm lần như vậy, chỉ có một lần tôi trúng dạng cuốn Algèbre (đại số học).

Cuối tháng sáu năm 1921, mấy anh đệ tam niên lên Sài Gòn ứng thí Brevet Elémentaire, còn anh em chúng tôi dưới này thi lên lớp.

Năm ấy thi Brevet Elémentaire đầu đề rất mắc, số thí sinh là 465 người mà kết quả thi viết chỉ có 22 đậu tạm mà thôi.

Anh tôi, học đệ tam niên trường Chasseloup Laubat, là một trong 22 người may mắn ấy, song qua phần vấn đáp, anh lại trượt đi, chỉ có 15 thí sinh đậu luôn vấn đáp.

Thí sinh Mỹ Tho không một ai đậu được bài viết.

Đầu tháng bảy, mấy anh lại khăn gói trở lên Sài Gòn thi bằng Thành chung;

Lê văn Chí, Trần văn Nhứt với vài anh nữa thi đậu.

Thi lên lớp, chúng tôi phải thi ba bài: ám tả, toán pháp và luận văn, không khó chi cho lắm.

Kết quả là vài ba anh rớt, ở lại, kỳ dư được lên đệ tam niên. Kế đậu số 1, Tỵ hạng nhì, Gia đỗ số 3, tôi số 4 ...

Niên học đã mãn, thầy trò, bè bạn sắp chia tay, ai về tỉnh nấy.

Chúc từ

Kế mượn anh Chủ sự Thương chánh Mỹ Tho, có bằng Luật khoa Cử nhân thảo giùm chúng tôi một bài chúc từ hơn một trương giấy lớn, đại ý ca tụng ân đức thầy suốt một năm dày công giáo dục.

Chúng tôi mua mấy tờ giấy trắng dày, thứ dùng để vẽ, cắt xén thành hàng, mấy anh “họa sĩ” vẽ góc trên, bên tả, một cành hoa, rồi những anh chữ tốt, như Kế, Tỵ, Chỉ, Lâu, Từ, gò gắm chép ra làm năm bốn để đọc cho năm vị giáo sư quý ông Lương, Huế, Đỗ Dzũng, Metais và Joyeux.

Tuần lễ chót trước ngày bãi trường, chúng tôi đậu mua rượu sâm banh, bánh sâm banh, đến giờ của vị giáo sư, như ông Lương chẳng hạn, chúng tôi mượn một tấm nấp trắng tinh trải lên bàn, đặt một bình hoa tươi đẹp, để một cái ly sâm banh trên đĩa.

Giáo sư vô, chúng tôi đứng dậy chào, rồi Kế lên đọc chúc từ. Đoạn Tỵ mở chai sâm banh rót ra ly, Lộc bung lên một đĩa bánh mời ông. Ông nói ít lời cảm ơn và cầu chúc chúng tôi về vui vẻ với gia đình,

được sức khỏe luôn, sang năm thi đậu và được một tương lai tốt đẹp.

Đại khái mấy ông cũng chúc như vậy. Chúng tôi ăn bánh uống rượu và Tỳ đàn accordéon, Lộc đàn mandoline, hòa mấy bản nhạc thông thường...

Với ông Nguyễn khắc Huê, chúng tôi ra nhà ông đọc chúc từ, ông khen Kế đọc nghe sướng tai. Ông đãi chúng tôi, cậu nào biết “nhậu” thì nem rượu, củ kiệu, la ve, còn ai “tu hành” thì nước ngọt, bánh ngọt.

3. Lớp đệ tam niên – 3è Année 1921 – 1922

Thấm thoát hai tháng nghỉ hè trôi qua, chúng tôi lại đợi rương traps trở vào trường.

Hay tin anh Lê văn Chí vào lớp đệ nhứt niên ban Tú tài bốn xứ (Enseignement secondaire local) trường Chasseloup Laubat.

Anh Trần văn Nhứt ra Hà Nội học Cao đẳng Thương mại (Ecole Supérieure de Commerce). Một số anh khác lên lớp đệ tứ niên trường Chasseloup Laubat. Anh Trọng, anh Hương, và vài bạn nữa, từ già học đường và, mười mấy năm sau, năm 1935, ở An Hóa, Mỹ Tho, tôi gặp lại anh Hương làm Hương quản làng Châu phú hưng.

Chúng tôi lại mất một người bạn là Nguyễn thành Châu, có lẽ chán ngán học đường, theo tiếng gọi của nghệ thuật, gia nhập vào một đoàn cải lương.

Nhắc lại, cuối năm 1920, trường Chasseloup Laubat, xảy ra một cuộc xô xát giữa học sinh với anh tây gác cửa.

Dĩ nhiên, ban Giám đốc nhà trường binh anh tây mà đổ lỗi cho học sinh.

Và học sinh nội trú bãi khóa, viết báo công kích chế độ học đường của Chánh phủ Pháp trong những bài báo “Potaches en grève” (Học sinh bãi khóa) mà chúng tôi đọc trại là “Bồ tác làm cheo”.

Anh Đặng văn Tự, lớp bốn năm nổi tiếng nhờ mấy bài báo đó với lý luận sắc bén và cách hành văn cứng cáp.

Đa số học sinh bị cho nghỉ học, trong số có anh tôi. Sau, Chánh phủ bắt thi và cho học lại song anh tôi bị truất học bổng, thành thử phải tạm trú nơi nhà một công chức quen tía má tôi, ở

đường Lareynière, bây giờ là Đoàn thị Điểm.

Cuối năm đệ tam niên, anh đậu bài viết song rớt vấn đáp trong kỳ thi Brevet Elémentaire như trên tôi đã nói.

Trong lúc bãi trường, anh đậu thơ ký Bưu điện số 1, nhưng tiếc những môn học trong lớp đệ tam niên, anh không chịu bổ nhiệm thơ ký; tựu trường tháng chín 1921, vô nội trú, lớp đệ tứ niên, song phải đóng học phí.

Gia đình chúng tôi thắt lưng buộc bụng đóng học phí cho anh, một năm 180 đồng và cấp cho mỗi tháng năm đồng xài vặt.

Năm nay, hai anh em đều cố gắng học hành để cuối năm chiếm choặng cái bằng Thành chung.

Tôi gặp lại mấy thầy cũ:

Ông Lương dạy toán, Metais dạy Pháp văn, Đỗ Dzũng lý hóa và vạn vật, sau giáo sư Chrétien đến dạy môn này.

Giáo sư Nguyễn trung Thắng tốt nghiệp Đại học Sư phạm ngoài Hà Nội, dạy sử địa chúng tôi, lại kiêm dạy kỹ thuật học (technologie) như nghề làm giấy... và écriture nữa.

Ông Thắng dạy sử địa có phương pháp nên chúng tôi hấp thụ được nhiều. Ông còn trẻ, cỡ 24, 25, tánh vui vẻ, hiền hòa.

Có lần, ông Thanh tra Barthélemy, giáo sư Thạc sĩ văn chương, xuống thanh tra trường trung học Mỹ Tho.

Nghe ông Thắng dạy, ông Barthélemy ngạc nhiên thích thú, hỏi ông Thắng có bằng Cử nhân chẳng và học trường Đại học nào bên Pháp.

Giáo sư chúng tôi khiêm nhường đáp rằng ông chỉ là một cựu sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ban văn chương.

Thanh tra khen lấy khen để, hài lòng phương pháp dạy học của ông và phê rằng giáo sư Nguyễn trung Thắng trình độ học thức cao hơn nhiều giáo sư Cử nhân Pháp mà ông được thanh tra.

* * *

Lúc này, chúng tôi ngồi étude chung một lớp và ngủ chung lầu A với học sinh đệ nhị niên, thầy gác cũng thầy Vàng (Cam sành) với thầy Bảy (chà và).

Thầy Vàng có tiếng là giỏi Pháp văn, thầy bảo chúng tôi: “Đứa nào làm luận văn được bảy điểm tao cho ra ngoài chơi một đêm, mà có bị ông Đốc bắt được thì rán chịu!”

Chúng tôi cười, không dám nhận. Anh Dều lên hỏi thầy:

– Thưa thầy, làm thế nào để giỏi Pháp văn, thầy?

– Mấy coi lại «syntaxe» (cú pháp). Thầy đáp.

Dều xuống, không phục. Chắc anh tưởng thầy sẽ chỉ bảo cho anh văn sĩ nào hay mà đọc, cách hành văn thế nào cho

môn Pháp văn mau tấn phát, nào ngờ thầy bảo anh coi lại cú pháp, tức là cách hiệp chữ, đặt câu!

Thầy Bảy viết Pháp văn cũng khá giỏi, song cách hành văn cứng rắn của thầy chỉ để làm phúc trình khốc liệt hại anh Dều, anh Vĩnh mà thôi, như tôi có nói trong chương trước, hồi chúng tôi học lớp đệ nhị niên.

Vài bạn mới

Mất anh Trọng anh Chí vì sự đời có hiệp có tan, tôi lại được kết bạn cũng Nguyễn văn Hưởng và Nguyễn văn Lệ, lớp năm thứ hai.

Hưởng nhỏ người, nước da ngăm ngăm đen, tóc quăn, miệng cười có duyên, rất thông minh, học môn gì cũng

giỏi. Ông Lương kêu Hương là "le petit Cambodien" (Cậu bé Cao miên). Lệ mập mạp, siêng học, hơi lảng tai, tánh hiền lành.

Chúa nhật nào, tôi với Lệ và Hưởng cũng cùng nhau đi dạo, khi vô chùa Vĩnh tràng lễ Phật, nghe Sư ông thuyết lý quả báo luân hồi, khi lại ra công viên ngồi trên thảm cỏ, hứng ngọn gió chiều, xem sóng chồm lên bậc thạch, trông qua Cù lao Rong chạnh thương những người cùi, mang bệnh nan y.

Có khi ba chúng tôi đi dọc theo Bảo định hà, trải qua những xóm thôn dân, đứng trên bờ sông mà thưởng thức những thuyền chở đầy dừa chuối. Chúng tôi đến tận Trung lương cách Mỹ Tho bốn cây số ngàn, vào xóm uống trái dừa tươi rồi thả bộ trở về.

Giờ phút tôi cầm bút thảo mấy chương này thì bác sĩ Nguyễn văn Hưởng, người bạn bé nhỏ của tôi năm xưa, vì lý tưởng mà ở đâu tận Bắc hà, mắt còn nào biết, nếu còn mạnh giỏi, Hưởng có nhớ tưởng đến bạn vong niên đã từng cùng nhau chia vui xẻ buồn ở trung học Mỹ Tho, trường Chasseloup Laubat và cách đó mấy năm, trên đường đời cũng thường gặp nhau cho đến năm 1947, 1948 (?) thì cách biệt cho đến bây giờ.

Nguyễn văn Lệ sau làm Kỹ sư Sở Thủy lâm, ăn chay trường, vẫn không quên tôi.

Tuổi thơ bông bột, tự ái quá nhiều, làm sao tránh khỏi va chạm cùng nhau, tôi xin ghi chép vài chuyện vặt xảy ra giữa anh em cùng lớp hay là lớp khác.

Hôm nọ chẳng rõ vì duyên cớ gì mà Tỵ và Trinh, hai người cũng cao ốm như nhau, thường ngày cũng bình tĩnh như nhau, bỗng nhiên nổi sân rồi cùng nhau đấu võ.

Kết quả là thầy Bảy lại được dịp thảo một phúc trình đặc sắc, ông Hiệu trưởng Lafuste thưởng cho nhị vị bốc xờ một cái consigne không chuộc.

Và một chiều kia, trong một buổi đi chơi, anh Trần văn Chỉ (Bến Tre) cãi với Lưu (Vĩnh Long) về một danh từ địa phương: « ăn xiêm lo » (?) là một món canh chua nấu bắp chuối (?); hai người sùng sộ làm dữ, hẹn một ngày giờ nào

đó, sẽ giải quyết vấn đề bằng võ lực.

Phải anh Trần văn Lâu, người Vĩnh Long, có uy tín đối với Lưu, khuyên can hai đảng mới tạm ký thỏa hiệp hòa bình.

Lại một hôm, Thảo, lớp hai năm, gây sự với tôi, vì trong lúc vô cửa phòng học, tôi «thúc cùi chỏ vô ngực» anh ta.

Sự thật thì đâu có như vậy, tôi với Thảo không thù không oán, vả vô sớm hay vô trễ vài giây nào có ăn thua gì, tôi cắt nghĩa cho Thảo rõ vì cửa hẹp mà chen lấn nhau, chắc có đụng chạm, chớ tôi không có ý nào đụng cái ngực «quí phái» của quan ngài làm chi đâu!

Nhưng Thảo không chịu vậy, chẳng biết anh muốn gì. Kế thấy đứng cãi nhau lùm xùm, vài ba "đệ nhị niên" lại nghe, Kế hỏi tự sự, nổi nóng muốn đánh Thảo, Tỵ Từ đến can mới êm.

Năm này, chúng tôi được thêm mấy người bạn: Đinh cặng Nguyên, Đỗ văn Thanh, cựu học sanh trường tư thực Nguyễn xích Hồng xuống học, anh Quân từ Nam Vang đến và Nguyễn viết Ngươn không rõ từ đâu lại.

Anh Ngươn cái mặt cụt ngùn, không biết sao mà Gia đặt cho anh cái biệt hiệu là "ốc cauô"

Sau này anh Nguyên tòng học ngoài Hà Nội về làm giáo sư trung học, anh Thanh là nhân viên hành chánh còn anh Ngươn bán thuốc tây làm giàu ở Vĩnh Long.

Bãi trường Tết, Kế sang Pháp du học, được đổi mười ngàn đồng bạc ra 150 ngàn quan.

Tết vô, Tỵ được một bức thơ của Kế rất vui, Tỵ xem rồi trao cho anh em chuyển tay nhau đọc.

Thơ rằng, Kế cùng đi một chuyến tàu với nhiều sinh viên, mỗi anh đều có những tư tưởng hoặc tân tiến, hoặc hài hước.

Rằng, đến Paris, Kế thi một văn bằng tương đương với Tú tài Pháp (Certificat équivalent au Bachot), vì rằng Thế chiến mới kết thúc không bao lâu, Chánh phủ ban cho thanh niên cái ân huệ ấyặng có sinh viên Đại học.

Thi bằng này, họ cho một bài luận văn và hai bài toán làm không một trí một chút, còn dịch văn thì họ cho dịch ra Pháp văn bài "Cọp bị đá" trích trong truyện "Chuyện đời xưa" của Trương Vĩnh Ký như vậy:

"Anh kia còn nhỏ trai, hay cầu vui theo chúng bạn. Bữa ấy đi chơi tối, khuya về kêu cửa. Ở nhà thì có nuôi một con chó vện lớn. Bữa ấy có con cạp tới rình nằm ngoài cửa. Anh ta đi chơi về, lọt xột vô thấy mập mờ, trời thì tối, tưởng là con chó vện, nên co chân đạp cho một đạp lẫn cù: chó mèo gì tối nó ngậm cam chẳng thèm sủa!

Con cạp giựt mình, thành linh thất kinh cong đuôi chạy mất. Vào nhà thấy con chó vện hãy còn, mới biết là cạp, giựt mình nổi ốc. Từ ấy về sau tởn không dám đi đêm nữa.

Năm nay, một số trong anh em chúng tôi dự định thi Brevet Elémentaire và Thành chung, song ông thầy toán chúng tôi, ông Tạ trung Lương, yếu phổi, thỉnh thoảng ở nhà dưỡng bệnh.

Thường thì thầy Ngô quốc Thế, thơ ký văn phòng Hiệu trưởng, xuống lớp gác chúng tôi giờ ông Lương nghỉ.

Một khi, ông Nguyễn văn Tâm, Thanh tra tiểu học đến gác, ông cho một bài toán, nói rằng ông "cũng là diplôme mà diplôme xưa".

Nội lớp chỉ có Trần văn Chi làm được, ông cho tám điểm và dặn Chi đừng cho ai coi bài Chi làm.

Ban đêm, chúng tôi đốt đèn dầu phộng lên "ôn nhuần kinh sử", học môn điện học (Electricité) vì lớp đệ tam niên

chưa dạy môn đó. Thầy gác đi tới đi lui, thấy chúng tôi học, cũng không nói gì.

Lớp đệ nhị niên, Tấn và Hiệp chuẩn bị thi Brevet Elémentaire. Ông Ngũ, gác, ưu đãi hai người, cho phép vô phòng ông, mở đèn điện lên mà học, mỗi đêm đến 12 giờ.

Thừa lệnh ông Hiệu trưởng, thầy tám Nguyễn văn Cẩm, một tuần ba lần, chiều dạy chúng tôi đánh máy chữ, vì thí sinh bằng Thành chung có thể xin thi môn đánh máy, để thêm điểm, như là một môn thi tùy ý (épreuve facultative).

Anh Dều, Từ, Huê với tôi thay phiên nhau gõ lóc cóc, thầy Cẩm gọi là «con gà mổ lúa».

Thầy cẳng thấp cẳng cao, vì thầy đá túc cầu gãy chơn, mang chiếc giày chơn

trái cái gót cao hơn bên chơn mặt vài phân.

Phần Việt ngữ, ông Nguyễn khắc Huê cũng cho chúng tôi dịch những bài khó hơn, ai dịch bằng văn vần thì được điểm cao hơn người dịch bằng tản văn.

Tôi còn nhớ một bài đại khái như vậy:

Ba người bằng hữu

Chàng kia có ba bằng hữu: hiền thê chàng, tài sản và những điều làm phải.

Biết mình sắp về với lòng đất lạnh, chàng mời ba bạn hữu đến giả từ.

Hiền thê chàng khóc và nói: ‘Nếu chẳng may anh có mạng hệ nào, tôi sẽ để tang anh và đưa anh ra phân mộ.

Tài sản của chàng, sau khi thốt lời từ

giã, tỏ rằng anh sẽ đốt cây bạch lập sáng trưng cho vong hồn chàng siêu rồi, lên ngay Thiên Đàng.

Sau cùng, những điều làm phải mà chàng mãi thi hành, nói: ‘Chúng tôi cùng anh khỏi giã nhau, anh sống, chúng tôi là bạn anh, anh chết, chúng tôi vĩnh viễn theo anh, không rời bỏ anh một phút...’

Thi Brevet Elémentaire

Niên học gần chấm dứt, chúng tôi cùng các giáo sư chụp chung một tấm hình, song không tổ chức lễ tốt niên, đọc chúc từ và rượu bánh.

Thi lên lớp xong, chúng tôi sáu người chuẩn bị lên đàng thi Brevet Elémentaire: Ty, Huê, Từ, Dều, Vĩnh với tôi.

Anh tôi đem tôi đến tạm trú nơi nhà anh ký Phan văn Tươi ở hẻm Lareynière (Đoàn thị Điểm). Thi nơi trường Sư phạm gần Thảo cầm viên, tức là Tổng Nha Trung Tiểu học hiện thời.

Bài ám tả không khó, hai bài toán, tôi chỉ làm một bài thôi, và cố gắng làm bài luận văn có nhiều ý tưởng và ít lỗi. Đầu đề như vậy:

«Dites comment vous vous comportez envers les animaux» (Các anh hãy tỏ cách đối xử với loài vật như thế nào).

Thi xong, đêm ấy tôi chiêm bao thấy niêm yết danh sách thí sinh trúng tuyển trước cửa trường Chasseloup Labat. Tôi lấy ngón tay trở dò từ trên xuống dưới, rồi lại dò trở lên mà không thấy tên tôi.

Tỉnh giấc nồng, tôi đoán rằng tôi rớt vì có lần tôi chiêm bao thấy anh tôi cùng tôi đi dạo, gặp một người đàn bà nằm dưới mái hiên đắp cái mền trắng. Anh tôi nói người đó nằm ngủ, vĩa tôi cãi là người ấy bệnh. Lẽ, về nhà, tôi hay tin ngày đó, tháng đó, má tôi đau và nằm đắp cái mền trắng ...

Quả thật, Huê với Tỵ thi đậu, còn tôi với ba anh kia đều trượt tuốt.

Thi bằng Thành chung

Khăn gói trở về trường, chuẩn bị thi Diplôme (bằng Thành chung). Cũng sáu thí sinh như cũ.

Kỳ thi vào đầu tháng bảy năm 1922.

Năm ấy, Nha Học chánh sửa đổi thể

thức thi làm bai giai đoạn. Giai đoạn 1 là thi hai bài ám tả và luận văn; phải đủ điểm mới được thi tiếp mấy bài kia, trong giai đoạn 2. Giai đoạn đầu gọi là «Sous-admissibilité», xin dịch là “tạm trúng cách”.

Giai đoạn 2, thi mấy bài toán, lý, hóa, vạn vật, luận văn bằng Việt ngữ, vẽ và viết đẹp. Thí sinh trúng cách gọi là “admissible” được vào giai đoạn 3, là khẩu đáp (oral) và đủ điểm là thi đậu (admission définitive).

Tôi viết ám tả dường như không có lỗi nào và làm luận văn cũng tạm được. Đầu đề họ cho về sự lợi ích của “thứ tự”, như vậy:

«Commentez cette pensée:

«L'ordre économise le temps,

conserve les choses et crée de bonnes habitudes».

(Các anh hãy bình luận tư tưởng này:

Thú tự tiết kiệm ngày giờ, giữ gìn mọi vật và tạo những thói quen tốt).

Tỵ Tù, Huê với tôi qua lọt cửa ải địa đầu, tội nghiệp Dều với Vĩnh thất vọng!

Vĩnh tìm tôi trao cho một cái hình nhỏ vẽ một chùm nho có lá, để tôi dùng, nếu chủ khảo cho vẽ «décoration» (trang trí). Tôi cảm động, cảm ơn anh.

Số thí sinh trên ba trăm người mà tạm trúng cách có 125 thôi.

Chúng tôi vào giai đoạn 2: mấy bài lý, hóa, vạn vật... tôi đều làm được, mặc dầu không xuất sắc.

Đến toán là môn yếu kém của tôi;

chúng tôi là học sinh lớp ba năm mà họ cho hai đầu đề, một về hình học (géométrie), một về số học (arithmétique), đều thuộc chương trình «lớp bốn năm». Có lẽ họ cố ý loại những thí sinh mới học năm thứ ba (như chúng tôi) mà đã thi bằng Thành chung.

Chết tôi rồi! Tôi đổ mồ hôi hột, chẳng hiểu hai cái đầu đề tí gì cả.

Đọc đi đọc lại, cố moi óc nhớ mấy cuốn sách toán mình đã xem. Rồi, bài thứ nhất, tôi viết vài ba câu; bài thứ nhì, làm được sáu bảy hàng.

Tôi gác bút; dư thời giờ, tôi thầm vái Đức Quán Thế Âm Bồ tát cứu khổ cứu nạn, gia hộ tôi được may mắn...

Về nhà, tôi cố tặng cho mấy bài kia những điểm tối đa (theo tôi), song cộng

lại cũng không đủ số điểm để đậu với hai bài toán mà tôi cho rộng rãi là "1 điểm".

Nhưng tôi chiêm bao – lại chiêm bao! – bên tai nghe văng vẳng tiếng ai kêu: Đào văn H. ..., Đào văn H.

...

Tôi có chút đỉnh hy vọng.

Số ký danh tôi là 285. Nghe ông chủ khảo kêu: 260... 265... 272... tôi hết hồn, vì rất nhiều quá.

279... kể 285, Đào văn H.... Tôi mừng quá, ngó anh tôi mà cười. Anh cũng đã nghe xướng tên anh trước rồi.

Trúng cách giai đoạn này (admissible) chỉ có 70 thôi.

Kết quả tuyên bố buổi sớm mai, chiều thí sinh vào phân khẩu đáp.

Kỳ thi ấy, ông giáo sư Nguyễn trung Thắng chúng tôi cũng làm giám khảo, song họ chỉ nhờ ông chấm bài và hỏi về Việt ngữ mà thôi.

Thấy tôi mặc đồng phục học sanh, hai ông giám khảo hạch Pháp văn (đọc sách và giải nghĩa, lecture expliquée) là ông Coué với ông Assan Achou, hỏi tôi học trường nào, tôi thưa là học sanh trung học Mỹ Tho.

Hai ông vặn rằng sao tôi không có thẻ nhà trường cấp cho. Tôi trình cái giấy phép ông Hiệu trưởng, họ không nhận; tôi phải chạy đi «viện» ông Thắng đến nhận tôi là học sanh Mỹ Tho, họ mới chịu.

Thi toán với ông Angeli, Kỹ sư Họa đồ.

Anh tôi ngồi mãi coi tôi thi làm sao, vì tôi «cừ» quá, chưa dám thi. Tôi bảo anh đi nơi khác đăng tôi thi

...

May nhờ chư vị Thần linh nên tôi thi cũng suôn sẻ mỗi món.

Năm ấy, có một thí sinh Lào thi đậu, là Nguyễn văn Katay, mẹ Việt nên lấy họ Nguyễn, cha là ông Katay.

Bảy mươi thí sinh vào khẩu đáp, chỉ có một anh rớt mà thôi, là vì, trưa ấy, ảnh nằm ngoài vườn Bồ-rô (vườn Tao Đàn hiện nay), gió hiu hiu mát mẻ, trên cõi mộng anh thả hồn lên. Chừng thức giấc, anh hoảng hồn chạy vào trường thi thì chủ khảo đã tuyên bố kết quả rồi!

Anh tôi với Tỵ đậu hạng bình thứ (assez bien), còn Huê, Từ với tôi, hạng thứ (passable).

Và sau đó, anh tôi cho tôi biết rằng, hai bài toán, ông Angéli cho tôi $\frac{1}{2}$ điểm, hệ số 3 là $1\frac{1}{2}$ điểm, nhờ mấy bài kia điểm cao nên khỏi rớt.

Có phải là nhờ Bồ tát cứu tôi chẳng? Cho nên, sau ra ở đời, khi nào nhiệm vụ bắt buộc tôi phải chấm thi, không bao giờ tôi tặng ai con số "không" (0) cho thí sinh phải rớt, chỉ trừ khi họ nạp một tờ giấy trắng thì không thể làm thế nào cứu họ được.

* * *

Về Mỹ Tho, Tỵ với tôi vô trường lấy rương, lên văn phòng thăm hai ông Lafuste và Motais, hai ông vui mừng ngợi khen, hỏi chúng tôi tính làm gì?

Thưa: – Chúng tôi tiếp tục học ban Tú tài bốn xứ.

Tiếng hát trên sông

Anh tôi với tôi đi Nhựt Tảo (nay là An Nhựt Tân) thăm thân phụ chúng tôi đang thú đồn nơi đó, trình kết quả người mừng.

Nhựt Tảo là một thị trấn nhỏ nằm trên sông Vàm Cỏ đông là nơi, năm 1861, ghi chiến công oanh liệt của vị anh hùng Nguyễn trung Trực đốt chiếc tàu «L'espérance» quân đội Pháp viễn chinh.

Ở chơi vài ngày, dạo khắp đó đây, anh em tôi về châu thành, một buổi chiều mát mẻ.

Từ Nhựt Tảo đến tỉnh lỵ Tân An mười hai cây số ngàn. Anh em đi bộ đến bến đò Chú Tiết vào khoảng năm giờ chiều.

Nơi đây, đám mưa to vừa dứt hột, song còn pháy pháy hạt mưa tro. Bầu trời u ám, khí trời lạnh lạnh, tàu chuối, lá dừa run rẩy.

Anh em tôi xuống chiếc đò ngang.

Đò ra giữa sông, trên sông phẳng phất đám sương mù. Bỗng chị chèo đò cất tiếng hát:

Hò ơ... ở đời muôn sự của chung, ở ở... Hờn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Đem chuông đi đánh xứ người, ở ở... Chẳng kêu cũng đánh một hồi cho kêu.

...

*Giọng hát thanh tao trên sông vắng,
khí khái hùng hồn làm cho chúng tôi nhìn
nhau suy nghĩ đến trách nhiệm nam nhi.*

*Hò ờ... Nên ra tay kiếm tay cờ, ờ ờ ờ
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai. Làm
trai cho đáng nên trai,*

*Xuống đông, đông tĩnh, lên đoàn, đoàn
yên.*

...

PHẦN III
BAN TÚ TÀI SÀI GÒN
1922 - 1924
VÀ 1925 - 1926

**1. Lớp đệ nhứt niên – Tú tài bốn xứ
- 1922 – 1923**

Ba năm trời trung đẳng Mỹ Tho trôi qua mau lẹ với những kỷ niệm vui buồn còn ở mãi trong ký ức.

Anh em tôi cùng đậu bằng Thành chung một lượt, anh tôi là trai trưởng trong nhà, phải đi làm đặng giúp đỡ song thân tôi lúc tuổi già, anh xin bổ dưỡng làm giáo viên được bổ nhiệm dạy học tại trường Sơ học Lái Thiêu, tỉnh Thủ dầu một, nay là Bình Dương.

Còn tôi, mới mười bảy tuổi đầu, chưa làm gì được, má và anh tôi nhứt định tôi phải học hai năm ban Tú tài bốn xứ, rồi tiếp tục ban Cao đẳng ngoài Hà Nội ba năm.

* * *

Thế là anh tôi xin học bổng cho tôi và trung tuần tháng chín năm 1922, tôi nhập học trường Chasseloup Laubat,

năm đệ nhứt niên, ngủ chung một lầu và ngồi chung một phòng học với mấy anh đệ nhị niên.

Nơi đây, tôi xin phác họa đôi hàng về ban Tú tài bốn xứ, tiếng Pháp gọi là Enseignement Secondaire local, và Ban Cao đẳng Hà Nội.

Tú tài bốn xứ

Nếu tôi nhớ không lầm thì ban Tú tài này lập năm 1920, thời gian học hai năm, chuẩn bị cho những học sinh trung học đã đỗ bằng Thành chung hoặc bằng Pháp Brevet Elémentaire mà muốn tiếp tục theo học ngành chuyên môn nơi trường Cao đẳng Hà Nội (Université de Hà Nội).

Chương trình Tú tài bốn xứ là một chương trình hỗn tạp (chúng tôi hồi đó gọi là chương trình « tả bín lù ») học nhiều món: văn chương, toán pháp, khoa học, sử địa, món nào cũng học nhiều và khó, học suốt tuần không nghỉ ngơi.

Năm đệ nhứt và đệ nhị niên ban Tú tài Việt tương đương với Seconde và Première ban Tú tài Pháp (Baccalauréat de l'Enseignement Secondaire), bên này chỉ hơn bên kia có môn Anh văn mà được cái chương trình đàng hoàng không quá nặng nhọc, lại chia làm mấy ban, tùy khả năng học sanh:

Ban A: Grec-Latin (Hy lạp, La tinh);

Ban B: Latin-Langues (La tinh, Sinh ngữ);

Ban C: Latin-Sciences (La tinh, Khoa học);

Ban D: Sciences-Langues (Khoa học, Sinh ngữ).

Bên Tú tài bốn xứ, học sinh nào cũng phải giỏi cả toán pháp lẫn văn chương mới mong cuối năm thứ hai khóa học chiếm cái bằng Tú tài bốn xứ gọi là «Baccalauréat de l'Enseignement secondaire local» hay «Bachot local», để rồi, rường tráp ra tận Hà thành học ban Cao đẳng, tốt nghiệp về làm ông Tham, phụ tá quan Phó chủ tỉnh, Y sĩ Đông dương, Phụ tá quan Đốc tờ người Pháp và Cán sự chuyên môn, phụ sự quan Kỹ sư người Pháp...

Bằng Tú tài Pháp chỉ hơn Tú tài bốn xứ có phần thứ hai (2è partie) Toán (Mathématiques Elémentaires) hay Triết (Philosophie) thế mà giá trị của hai mảnh bằng khác xa nhau biết bao nhiêu!

Chỉ vì lúc bấy giờ, báo Pháp ngữ của người Việt như tờ «La Tribune Indochinoise» (Đông dương diễn đàn) của Bùi quang Chiêu và «L'Echo Annamite» (Nam Việt hướng truyền) của Nguyễn phan Long công kích Chánh phủ thuộc địa thi hành chánh sách ngu dân (obscurantisme), bình diện (plan horizontal) trên mảnh đất Việt Nam khốn khổ này để dễ bề cai trị.

Thế cho nên, tuân lệnh Phủ Toàn quyền, Nha Học chánh hấp tấp lập ra ban Tú tài bốn xứ với một chương trình vá vúi, nặng nề, nhồi sọ (bourrage de crâne).

Trường Đại học Hà Nội

Bây giờ, chúng tôi xin đề cập đến

trường này. Trường gồm có các ngành chuyên môn sau đây:

– Trường Công chánh (École des Travaux Publics), người Bắc gọi là Trường Lục lộ, đào tạo những ông Đốc công (Agent technique). Thời gian học là hai năm.

Sau, với thời gian học tập lâu hơn và môn học rộng rãi hơn, danh từ Pháp ngữ được sửa đổi là Adjoint technique, Agent Voyer, Ingénieur-Adjoint, chẳng biết dịch ra Việt ngữ thế nào cho đúng, chỉ nhớ ở Nam Kỳ chúng tôi gọi là ông Đốc công, ông Trường tiền ...

Mấy ông này nhiệm vụ cao hơn và lương bổng cũng khá hơn ông Agent technique.

Sau thời cuộc 45, danh từ Kỹ sư mới

xuất hiện và được áp dụng cho tất cả mấy ông xuất thân nơi trường Công chánh cũ ở Hà Nội hay du học ngoại quốc về.

– Trường Pháp chánh (Ecole de Droit et d'Administration)

Ban đầu, sinh viên có bằng Thành chung học ba năm. Trường đào tạo những ông Tham tá Hành chánh (Commiss des Services civils).

Năm 1926, Trường đổi tên là «Cao học Đông dương» (Hautes Etudes Indochinoises) bắt buộc phải có bằng Tú tài Pháp, ra trường bổ liên chức Huyện. Và năm 1933, bãi bỏ trường Cao học Đông dương, đào tạo Luật khoa Cử nhân.

– Trường Cao đẳng Sư phạm (Ecole Supérieure de Pédagogie). Học ba năm, đào tạo những giáo sư Trung Học.

Trường gồm hai khoa:

a/ Toán pháp và khoa học;

b/ Văn chương và sử địa.

– Trường Y khoa (École de Médecine) học bốn năm. Sinh viên tốt nghiệp ban đầu được chức «Médecin auxiliaire», tạm gọi là «Y sĩ phụ tá», sau đổi là Y sĩ Đông dương (Médecin Indochinois).

Vào khoảng 1925-26 về sau, sinh viên có bằng Tú tài Pháp học thi Y khoa Bác sĩ (Docteur en Médecine). Còn mấy Tú lô can thì vẫn là Médecin Indochinois và từng quyền ông bạn Docteur en Médecine, mặc dầu học lực cả hai tương đương nhau và có khi ông Médecin Indochinois còn giỏi về phần thực hành (pratique) hơn ông Docteur en Médecine nữa!

– Trường Dược khoa (École de Pharmacie) học bốn năm, tạo những Dược sĩ Đông dương (Pharmacien Indochinois).

– Trường Thú y (École Vétérinaire), thời gian học là bốn năm. Sinh viên tốt nghiệp được bổ nhiệm Thú y sĩ Đông dương (Vétérinaire Indochinois).

– Trường Cao đẳng Thương mại (École Supérieure de Commerce) dạy hai năm, đào tạo những tay chuyên môn bỏ bàn toán tính lời lỗ.

– Sau cùng là Trường Cao đẳng Canh nông (École Supérieure d'Agriculture). Sinh viên học ba năm, tốt nghiệp được bổ nhiệm Cán sự Canh nông, hoặc Quản thủ Thủy lâm (Conservateur des Eaux et Forêts).

Tôi xin trở lại lớp học chúng tôi.

Trên lớp đệ nhị niên, tôi gặp lại anh Lê văn Chí. Và chúng tôi làm quen với mấy anh Bùi văn Thanh, Lê văn Xuyên, Trương công Vĩnh, Trịnh tấn Truyện, Huỳnh văn Liên, Huỳnh văn Linh, Đoàn bá Lộc, Lê quan Thiệt, Trần văn Khuê, Phan thanh Các... tất cả đều chăm học và học giỏi.

Lớp đệ nhứt ban D, Tú tài Pháp (Première Sciences-Langues) chỉ có ba anh Nguyễn khắc Dân, Phan tấn Thiệt và Nguyễn kiến Bá, cũng là những tay kiện tướng, oanh liệt một thời.

Đệ nhứt niên lóc cóc chúng tôi, ban đầu gồm hai mươi một học sanh, chia làm 4 nhóm:

– Nhóm thứ nhất: Hồ văn Nhà, Nguyễn văn Nhu, Trần văn Thạch, Từ chấn Cảnh, Nguyễn văn Ký, Lại văn Chũ, Dương tấn Canh, là «dân» đệ tam và đệ tứ niên Xách xơ lu lô ba, bước qua;

– Nhóm thứ hai vốn vẹn có bốn tên: Nguyễn văn Ty, Lý bình Huê, Lâm văn Từ với tôi Đào văn Hội, ở Mỹ Tho lên;

– Nhóm thứ ba, cựu học sanh Taberd, đông hơn: Lê văn Quyền, Lê văn Quí, Phạm văn Lắm, Lý công Quận, Dương an Ân, Trần quang Đệ, Phạm văn Ba;

– Và nhóm thứ tư: Phan văn Bàn, Phạm trường Xuân, Nguyễn háo Đảng, tôi quên không rõ từ đâu đến.

Sách

Đã là học sinh lớp lớn thì phải học sách cao và nhiều hơn; ông Giám đốc thư viện phát cho chúng tôi những sách cỡ bốn, năm trăm trang sắp lên.

Tôi xin chép vài tên sách ra đây cho các bạn trẻ học sinh thưởng thức.

Sách đọc có hai cuốn: vận văn và tản văn, soạn giả là Marcou, chúng tôi gọi là «Marcou – Prosateurs» và «Marcou – Poètes».

Số học và đại số học (Arithmétique, Algèbre) thì có cuốn H. Commissaire, khó thất kinh cho bộ óc không có khiếu toán học như tôi.

Chúng tôi lại lãnh sách:

Pháp sử, của Ch. Seignobos, song

Seignobos không hay, chúng tôi thích sách của Albert Malet hơn, viết rất hay, rõ ràng, nhiều tài liệu.

Giáo sư Albert Malet tử trận năm 1915.

Địa lý đại cương (Géographie générale) của Lespagnol.

Văn học (Littérature) thì có cuốn Paul Crouzet, bìa cứng, giấy láng, hình nhiều.

Vạn vật học (Histoire naturelle) của E.Caustier và Pizon.

«Văn phạm giản dị và đầy đủ cho các lớp » (Grammaire simple et complète pour toutes les classes) của P. Crouzet.

Sau, ông giáo sư chúng tôi là ông Georges Coulet, phê bình, cười:

– Đã là đơn giản thì làm sao đầy đủ được, mà dùng cho lớp năm (5è) lớp sáu (6è) thì không dùng cho lớp nhì, lớp nhứt (Seconde, Première) được.

Giáo sư

Hồi dưới Mỹ Tho, trong mấy ông giáo sư, chỉ có ông Đỗ Dzũng là có bằng Cử nhân lý hóa và vạn vật học, còn mấy ông kia có văn bằng Brevet Supérieur như ông Hiệu trưởng Lafuste, ông Huỳnh văn Chợt; Tú tài Pháp Toán học là ông Lương, văn chương là Motais de Narbonne và Joyeux. Ông Thắng tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm.

Lên đây, giáo sư chúng tôi toàn là Cử nhân và cô Boutron Damazy, Thạc sĩ sử địa. Vậy mới xứng đáng là thầy những

học sinh Trung học đệ nhị cấp chó!

Ban đầu, chúng tôi học Pháp văn chung với học sinh lớp Seconde D, ban Tú tài Pháp, bốn năm anh tây, vài cô đầm, trong đó có cô Kieffer, thân hình cân đối, thật đẹp.

Giáo sư là ông Humbert Hesse, Cử nhân văn chương, ban Triết học. Ông cao lớn, đẹp người, nói năng hoạt bát, dường như ông ta thích nói chuyện với học sinh hơn là dạy học, nhứt là nói chuyện với hai cô đầm.

Một hôm, giờ đọc sách, ông hỏi hai cô chọn vị hôn phu như thế nào. Chẳng biết hai cô trả lời làm sao mà ông dẫn tích "Le Héron" (Con cò) trong quyển ngụ ngôn của văn hào La Fontaine ra so sánh. Đại khái bài ấy như vậy:

"Ngày kia, chú cò đi tìm vật thực. Nó gặp dưới suối con cá nầy, loại cá kia, nó đều chê tất cả, không xứng đáng cho nó xơi.

Sau cùng, trời đã trưa, cá lội đi hết, cò ta đói quá, lấy làm sung sướng mà gặp một con ốc bươu."

Mấy cô gái quá kén chồng cũng thế. Cậu nào đến cầu hôn, cô cũng chê. Đến chừng tuổi xuân đã qua,

"Elle fut tout heureuse et tout aise de rencontrer un malotru". (Cô lấy làm sung sướng mà gặp một kẻ tục tằn).

Chúng tôi mỉm cười, khinh thầm một nhà mô phạm có cử chỉ như thế.

Ông cho một đầu đề, cắt nghĩa sơ sơ rồi bảo chúng tôi làm cái dàn bài (plan), không cần diễn tả. Bài gộp cho ông, ông không chấm.

Ông bảo đọc sách cho hay, tức nhiên hiểu rồi, không cần giải thích dài dòng làm chi, và ông bảo phác họa trong một tập vở cái cảnh tả ra trong sách.

Ông góp một đồng tập ôm về nhà và phê bình trong mỗi bức họa đơn sơ của chúng tôi: «Assez exact» (gần đúng).

* * *

Học vài tháng chúng tôi không tấn phát chút nào, thượng cấp chuyển ông Hesse, và ông giáo sư Georges Coulet đến thế.

Ông nầy thạo Việt ngữ, có soạn mấy quyển sách bằng Pháp văn: «Les Sociétés secrètes en Annam» (Các hội kín

Annam), «Le théâtre annamite» (Hát bộ Annam).

Sau ông thi đậu Tấn sĩ Văn chương bên Pháp.

Tánh ông hiền lành, vui vẻ, mặc áo kín cổ luôn, như ông già Morel chúng tôi dưới Mỹ Tho.

Ông Coulet buộc chúng tôi học nhiều, soạn bài đọc kỹ, giải nghĩa từ chữ từ câu, lại nói về văn phạm, cách hành văn...

Ông sửa bài rất gắt, bắt từ lỗi nhỏ, ông bảo rằng học sanh ban Tú tài không nên làm lỗi về Pháp văn nữa, mà phải viết cho đúng (correct).

Một lần, anh Nguyễn khắc Dân (Première D) làm một bài luận văn về «Le Misanthrope» (Kẻ chán đời) của Molière

tiên sanh; ông thầy phê «bien» (hay) hai ba chỗ, song anh Dân làm cái lỗi nhỏ: chữ «intrigue» (cách bố cuộc) giống cái, mà anh viết lầm là giống đực, anh viết «Il est faible, cet intrigue» (Cách bố cuộc này yếu) thay vì «Elle est faible, cette intrigue».

Thế là ông Doulet ban cho anh có bảy điểm trên hai mươi (7 / 20)!

Ông buộc chúng tôi chép mấy bài thi hay của văn sĩ Pháp, đóng lại thành tập, học thuộc lòng, gọi là «Anthologie de la poésie française» (Thi văn Pháp trích diễm).

Đọc thi có giọng hơn hết là Ngà và Thạch, nhứt là Trần văn Thạch đọc thi, khi thì hùng hồn, khi thì cảm động, nên sau Thạch làm chính trị, từng diễn thuyết trước quần chúng.

* * *

Giáo sư toán pháp chúng tôi là ông Gioan, người trung trung, mạnh mẽ, nói mau lẹ, để râu môi trên, ăn mặc chải chuốt, bà vợ ông là giáo sư hội họa cho các lớp.

Có hôm, ông bốn thân ôm vô trường một bó hoa đăng bà Gioan phát cho học sanh.

Một bữa, anh Ngà chứng giải (démontrer) một bài về số học trên bảng, anh Đệ lơ lửng ngó ra ngoài sân, ông Gioan kêu hỏi anh làm như anh Ngà được không, anh bảo là không được.

Ông giáo nói:

– Vậy thì sao anh lại không chú ý nghe?

Bà Gioan đẹp lắm, khuôn mặt bầu bầu, nước da trắng đỏ, dong dỏng cao, tóc chấm vai uốn dợn sóng, nhứt là bàn tay bà dịu nhũ, giọng nói thanh tao.

Làm cho Từ chấn Cảnh trong phòng học thốt ra những ý nghĩ không được đúng đắn; anh Lê văn Xuyên ngồi bàn trên quay đầu xuống bắt «phốt» Cảnh:

– Bà Gioan là thầy toa, trò muốn thầy là một tội, bà là vợ thầy toa, trò muốn vợ thầy là hai tội. Biết chưa? Ăn năm sáu hổi đi là vừa!

Tôi với Tỵ ngồi chung bàn với Cảnh, cười khì.

* * *

Ông Gioan dạy được nửa năm thì đổi, ông Pasqualini, giáo sư thạc sĩ lại thế, ông là người ở đảo Corse, một Hòn đảo ở Địa trung hải và là một tỉnh của Pháp.

Ông tác trung nhưng mập mạp, mặt tròn, trán cao, cằm tròn, ăn nói hòa hưởn, không hề nóng giận, mặc dầu dạy toán là một môn dễ làm cho giáo sư nổi nóng.

Bà là giáo sư cử nhân khoa học, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Nữ trung học bốn xứ (Collège de jeunes filles indigènes), tục gọi là «Trường áo tím» vì nữ sinh trường này mặc đồng phục áo tím dài. Nay là Trường Nữ trung học Gia Long.

Ông Pasqualini dạy rất hay và mặc dầu mình không có khiếu về toán pháp cũng cố gắng theo được. Đôi khi, ông vui miệng thuật chuyện ông thi Thạc sĩ, mình nghe mà ngán.

Rằng cuộc thi văn bằng cao nhất nước Pháp này gọi là «Concours d'Agrégation» vì đây chẳng những là một cuộc cạnh tranh giữa thí sinh, mà còn phải đủ điểm mới đậu. Số giáo sư Thạc sĩ bên Pháp có hạn định, năm nào có những ông hưu trí hay từ trần, Chánh phủ mới mở cuộc thi để bổ sung vào số thiếu.

Cuộc thi có bốn bài:

Ba bài viết và một bài thực tập, dạy một lớp trung học và khẩu đáp. Ban giám khảo toàn là giáo sư Thạc sĩ có chân tài.

Bài viết mỗi bài thi sáu tiếng đồng

hồ, từ bảy đến mười ba giờ, ăn uống trong lớp, đi tiêu đi tiểu có người theo canh chừng.

Bài thực tập, nhận được đầu đề rồi, thí sinh được chuẩn bị trong ba tiếng đồng hồ và, suốt ba tiếng, dạy học và chịu phần khẩu đáp.

Đó là cuộc thi Thạc sĩ mà ông Pasqualini thuật lại năm 1925, cách đây gần năm mươi năm, bây giờ có lẽ đã thay đổi.

Cho nên ông Barthélemy, giáo sư dạy văn chương trường Đại học Sư phạm ngoài Hà Nội, đã có lần thanh tra ông Nguyễn trung Thắng dưới Mỹ Tho, chỉ những chỗ sai lầm trong cuốn Văn học (Littérature) của ông Charles Desgranges và nói rằng:

– Không có gì lạ, vì tôi đậu Thạc sĩ số 1, còn ông ta đỗ số 6.

* * *

Dạy sử địa chúng tôi có cô Boutron Damazy, độc thân, ốm nhỏ, là giáo sư Thạc sĩ sử địa.

Cô dạy cũng khá hấp dẫn, và đệ nhút tam cá nguyệt, tôi thi sử địa đứng đầu, với 16 và 15 điểm. Tôi gửi thơ cho ông Thắng hay, ông phúc đáp, rất hài lòng và khuyến khích tôi.

* * *

Sau cùng, tôi xin nói đến Ông

Franchini, giáo sư khoa học chúng tôi, kiêm nhiệm chức Tổng giám thị. Ông có bằng Cử nhân vạn vật học, song ông dạy chúng tôi cả ba môn lý, hóa và vạn vật học.

Có người nói ông vì thí nghiệm nên hơi ác xít (acide) xông lên làm cái mặt ông có u có nân.

Tánh ông hiền khô, khùng khùng, không phạt ai bao giờ, dạy siêng năng, nhứt là ông rất thích vạn vật học, ông dùng phấn màu vẽ hình trên bảng, mực màu vẽ trên giấy trắng dày, đầy đủ chi tiết.

Ông Joubin, Tổng thanh tra, đến xét trường Chasseloup Laubat, nhằm giờ chúng tôi học hóa học, ông quở ông Franchini sau không thí nghiệm cho học sanh xem, ông Franchini đáp:

– Tôi là giáo sư vạn vật học, nào có phải là giáo sư lý hóa đâu!

Ông Joubin là Thạc sĩ khoa học, mặt mày nghiêm trang, trán rộng, tóc hoa râm, hàm râu hót nhọn dưới cằm, cặp mắt thông minh.

Ông Pasqualini phục ông lắm, nói với chúng tôi:

– Ông Joubin chỉ thiếu một phòng thí nghiệm là ông trở thành một nhà bác học. (Il ne lui manque d'un laboratoire pour être savant).

* * *

Trên các vị giáo sư là ông Bouault, Thạc sĩ sử địa, ông cao lớn, mập mập, còn bà vợ thì ốm nhom, nhỏ xíu.

Ông rất giỏi văn chương, hồi ông dạy ngoài Hà Nội, trường trung học Albert Sarraut, ông cũng là một tay “hữu hạng”.

Các bạn tôi

Trên đây, tôi có kể tên các bạn chúng tôi, bây giờ ai có đặc điểm chi tôi xin nêu lên cho vui.

Hồi chúng tôi học ở Mỹ Tho, Nguyễn văn Tỵ thua Hồ văn Kế về Pháp văn, còn toán pháp và khoa học thì qua mặt Kế luôn. Lên Sài Gòn, Tỵ gặp nơi Ngà một đối thủ lợi hại về hai phương diện: Pháp văn lẫn toán pháp.

Hồ văn Ngà người Cần Đức, năm 1921-1922, học lớp đệ tam niên trường Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành chung hạng bình thứ (assez bien).

Anh sợ khổ to, trán rộng, mặt xương, vui vẻ, hiền hậu, tôi không nghe anh nói một lời lỗ mắng, đối đãi với anh em hòa nhã luôn, món nào anh cũng giỏi, cho đến môn hội họa anh cũng hay.

Anh đã thông minh lại chăm học nên không ai theo kịp anh.

Một sớm mai chúa nhật, anh Huỳnh văn Liên ngồi gác chơn lên bàn thối ống tiêu, Ngà vẽ anh Liên giống hệt, ai xem cũng tức cười.

Tánh hạnh anh rất tốt, không bao giờ anh chỉ trích giáo sư, phản đối thầy gác. Thật là một học sanh kiểu mẫu.

Anh thường ngâm mấy câu thơ:

Trời tối xa nhà thêm lạc lối,

Mưa phùn gió bắc lúc đêm đông;

Khoan khoan ai đó, đừng chơn hỏi:

Trung hiếu đảng này, có phải không?

Tôi còn có dịp nói đến anh.

– Nguyễn văn Tỵ đã nổi danh từ trường Sơ học Tân An, học bài làm bài kỹ lưỡng, anh mua giấy tốt làm bài, viết chữ gò găm như viết écriture, giáo sư chưa chấm bài mà cầm lấy đã hài lòng.

Song Tỵ không có sức khỏe, ho gần gần luôn, trong tủ thường trực những thuốc bổ phổi, như Tricalcine chẳng hạn. Anh em chúng tôi nói rằng Tỵ đứng tới đâu là tiền thuốc lên đến đó.

Tỵ tánh xài to; có lần, để cho Tỵ lãnh lối sách bên Pháp qua, thân phụ Tỵ phải bán một con bò. Và bãi trường, Tỵ chở sách về, nhiều cuốn chưa rọc ra.

Ngà và Tỵ là những nhân tài Việt Nam, từ Sơ học đến Đại học chưa nếm mùi chua cay thi hỏng.

Không biết cái xương cổ chống cái đầu của Thạch thế nào mà khi Thạch cúi xuống viết hay đọc sách, vì anh ta cận thị, cái đầu anh lắc qua lắc lại nhẹ nhẹ.

Thạch thông minh, viết Pháp văn giỏi, cách hành văn đặc biệt không giống ai; mười sáu tuổi đỗ bằng Brevet Elémentaire, lúc bấy giờ cũng gọi là đỗ đạt sớm.

Thạch có giọng đọc rất hay, truyền cảm, nhứt là đọc thi, ai nghe cũng thích. Có lần, Thạch phá ông Franchini một mánh, là vì ông quá hiền, nên Thạch mới dám “lộng”.

Thạch hỏi:

– Thưa ông, vì sao khi ta tiểu tiện, lại rùng mình?

Ông già trầm ngâm một phút, vuốt bộ râu cằm, nói:

– Có lẽ đó là một sự ngẫu nhiên.

Chúng tôi đồng cười.

Phạm văn Ba chơi dương cầm có hạng, anh tắt tiếng, giọng nói khao khao, chuẩn bị thi Brevet Supérieur.

Từ chốn Cảnh, con một nhà triệu phú ở Long Xuyên, ăn mặc bánh bao, cái mũi đỏ lòm, chúng tôi gọi là “Cảnh mũi đỏ”.

Nguyễn háo Đàng, em ông Nguyễn háo Vĩnh, chủ nhà in “Xưa nay”; Đàng rất bánh trai, bộ tịch quý phái, dường như là nhân tình nhân ngãi của cô Antonia, nữ

sinh lớp Seconde. Cô này đẹp lắm, song thân mình không được hấp dẫn.

Anh Trương công Vĩnh, lớp đệ nhị niên Tú tài bốn xứ, phê bình rằng:

– Cái đầu cô Antonia trên cái mình cô Kieffer thì thật là tuyệt mỹ!

Lý công Quận, cao lớn giềnh giàng, Tự đặt anh là “Lý không cán”.

Ngô văn Diện, ông Charvet gọi là Ngô văn Dên, chúng tôi kêu “Văng Dên”.

Dương tấn Cảnh lùn, mạnh mẽ, đánh banh vợt tài, ông Coulet kêu anh Dương tấn Cạnh, chúng tôi sửa lại là “tướng cạnh”.

Bạn chúng tôi có anh Cocsol tức Kôsal, người Miên, cựu học sinh trường Sisowath, con một vị đầu tỉnh (Gouverneur de province).

Kôsal lùn, mập, mặt tròn, tánh bình thường không quạu quọ, viết Pháp văn không hay nhưng rất trúng văn phạm.

Chúng tôi hỏi:

– Cáp duồn là gì?

Anh ta đáp:

– Là chặt đầu người Annam.

Chúng tôi hô to:

– Cáp Kôsal! Cáp Kôsal!

Anh ta cười.

Nhiều "công tử" Lào và Cao Miên xuống Sài Gòn học, nhờ học bổng của Chánh phủ Hoàng gia; bãi trường, học sanh Việt Nam ai về tỉnh nấy, bọn Tây ra ngoài thành, còn mấy cậu Lào ở luôn trong trường, đờn, đọc sách, đá banh,

đánh banh vợt, ra ngoài chơi rồi vô ăn cơm, ngủ.

Là vì, thuở ấy, con đường giao thông duy nhất từ Nam Kỳ lên hai thành phố lớn nhất Lào là Vientiane và Luang-Prabang là Sông Cửu Long, với nhiều thác nước to, dài.

Thành thử, muốn về Lào, phải đi xe lửa xuống Mỹ Tho rồi đáp tàu thủy lên Nam Vang (PnomPenh) ngược dòng sông Cửu Long mà lên Lào.

Đường sông nguy hiểm khó khăn, vừa đến kinh đô Vạn Tượng (Vientiane) thì ngày tựu trường đã tới, lật đặt rương tráp mà xuống Sài Gòn.

Như thế, về làm chi, ở chẳng đặng mấy ngày, thà là lưu trú nơi trường thông thả.

Lúc trước, học sinh trường Chasseloup Laubat chia làm "quartier européen" (Lớp Âu châu), mặc âu phục, gồm những lớp Triết (Philosophie) với Toán (Mathématiques Élémentaires) đến lớp mười một (11è). Học sinh nội trú ăn cơm tây, đóng học phí cao; và "quartier indigène" (lớp bốn xứ) từ lớp đệ tứ niên ban Thành chung sắp xuống đệ nhứt niên, học sinh nội trú mặc đồ Việt, ăn cơm Việt, đóng học phí rẻ hơn.

Từ năm 1922, vật thực cả hai bên cùng một thứ với nhau và tiền ăn ở cũng như nhau.

Đồng thời, những danh từ "quartier européen", "quartier indigène" được bãi

bỏ, vì chữ «indigène» (bổn xứ) có tánh cách sỉ nhục cho dân tộc Việt Nam. Cho nên, ông Bùi quang Chiêu đổi tên tờ nhật báo của ông, tờ «Tribune indigène» (Diễn đàn bổn xứ) làm «La Tribune Indochinoise» (Đông dương diễn đàn).

Giám thị

Mấy anh thầy gác (giám thị) đều là người Pháp, cũng không hách lắm, có anh Loupy, dốt dốt, y phục thường xốc xếch, mặt mày đen thui, hay giễu cợt, học sanh gọi anh là Lưu Bị, có mả mai không? Lưu Bị hay khóc, còn Loupy chúng tôi hay cười.

Anh dắt mấy trò nhỏ chạy vòng vòng trên sân trường cùng anh, hứa thưởng: « Vingt tours, vingt sous » (20 vòng, 20 xu).

Lại có anh Figli, người Corse, mập, miệng nhọn như con heo, học sanh gọi anh là «heo rừng». Trò Cao thiện Bửu, bảy tuổi, học lớp 11è, được mấy anh lớn dạy cho một câu, Bửu viết lên bảng: «Le saglier (sanglier) Figli est un animal très féroce» (Con heo rừng Figli là một con thú dữ tợn).

Figli tát nhẹ trên má nó song anh không bơi.

Một giám thị khác là anh chà Cai-liard, hăm mấy tuổi, có bằng Tú tài, giỏi Anh văn, ngoài giờ làm việc ở trường, anh còn làm công phụ trội dưới Phòng Thương mại, khoe với chúng tôi rằng trẻ tuổi như anh mà lương bổng ba bốn trăm đồng, ít ai được vậy ...

Vào lối tháng mười, một hôm, nơi trường, học sinh mắc một chứng bệnh, làm cho ông Hiệu trưởng với các giám thị hết hoảng lên.

Ngày ấy là ngày chúa nhật, lối năm giờ sáng, vài ba trò khởi sự đi tiêu, rồi số ấy tăng lên, đến gần chín giờ thì cầu tiêu đông những khách, đứng chờ tới phiên mình. Khá là học sinh đi tiêu rớt mà thôi chớ không có mửa.

Tức thì giám thị báo cáo lên ông Hiệu trưởng, ông mời y sĩ đến. Ông nầy điều tra xem chiều hôm qua ăn uống những gì, sớm mai nầy điểm tâm vật chi, ông nghi trúng thực.

Ông Franchini đưa ý kiến:

– Hay là tối nay trời lạnh, học sanh ngủ không đắp mền nên bị hoắc loạn (tiêu chảy, cholérine) cũng không biết chừng.

Y sĩ cho uống thuốc cầm, một ngày ấy đến chiều thì sức khỏe học sanh trở lại bình thường.

Liên hoan

Nhân dịp lễ Giáng sinh và Tết dương lịch, ông Hiệu trưởng với giáo sư tổ chức một buổi lễ liên hoan, diễn kịch và biểu diễn điền kinh: nhảy cao, nhảy xa, ném tạ, ném đĩa sắt, phóng lao, chạy đua ...

Phần diễn kịch, học sanh đệ nhứt niên ban Tú tài bốn xứ và lớp Seconde Tú tài Pháp diễn vở tuồng «Le bourgeois gentilhomme» (Trưởng giả học làm sang)

của Molière tiên sanh, diễn lúc ông Jourdain học khiêu vũ, đánh kiếm và học văn chương.

Và đây là đại khái vở tuồng «Trưởng giả học làm sang».

«Ông Jourdain, một nhà trưởng giả, muốn một địa vị cao sang trong xã hội, học khiêu vũ, âm nhạc, đánh kiếm và văn chương.

Ông có một thiếu nữ, cô Lucile, yêu chàng Cléonte là một thanh niên đang hoàng, dẫu là thường dân, song Jourdain lại muốn gã con gái mình cho một Hầu tước (marquis) mà thôi, nhứt định không nhận Cléonte làm rể, mặc dầu bà Jourdain là một phụ nữ biết điều, phản đối kịch liệt và chịu gả con cho Cléonte.

Chàng này sắp đặt với ‘quân sư’ chàng

là Covielle, giả làm ông Hoàng Thổ Nhĩ kỳ (Turquie) đến cầu hôn tiểu thơ, ái nữ ông Jourdain và, muốn cho ông nẩy vào hàng quý phái, phong cho ông chức «Mamamouchi» là một chức quan to Thổ.

Ông Jourdain sung sướng quá, chịu gả con gái cho ông Hoàng Thổ, song bà Jourdain và cô Lucile kháng cự, chững nhận ra là Cléonte trá hình, mẹ con đều ứng thuận, mọi người vui vẻ, ông Jourdain được ông rể quý, còn mình thọ lãnh tước Mamamouchi, bà thì có rể không quý phái nhưng có tư cách, Lucile được kết hôn cùng người mình yêu thương... «

De Cussac, lớp Seconde D, đóng vai ông Jourdain, song anh ta lại có vẻ «quý phái» quá, không có điệu bộ một nhà trưởng giả muốn làm sang.

Anh Trương văn Huấn, lớp đệ nhị

niên Tú tài bốn xứ, làm ông thầy văn chương; Lý công Quận, cao lớn giềnh giàng dạy nhạc, còn Phạm văn Lắm thấp le te lại là ông thầy dạy kiếm. Trần văn Thạch dạy khiêu vũ.

Tất cả đều làm tròn phận sự, chúng tôi thưởng thức mấy phút vui tươi với cách diễn kịch hồi thế kỷ thứ XVII nơi Pháp quốc.

Diễn kịch xong đến môn diễn kinh, làm cho khán giả say sưa với mấy anh vô địch tương lai: anh Huỳnh văn Liên chiếm giải nhứt về môn nhảy cao với 1,48 thước, được thưởng một cuốn «Pettit Larousse Illustré».

Thi Brevet d'Enseignement primaire supérieur

Lớp Tú tài chúng tôi là lớp thích thi cử, vả lại ông Coulet cũng khuyến khích thi bằng Brevet d'Enseignement primaire supérieur, tạm dịch là bằng « Cao tiểu Pháp », cao hơn Brevet Elémentaire một bậc.

Mà thi bằng này có môn thực hành (épreuve pratique) là chế tạo một món đồ bằng cây, vậy phải học bào học đục.

Ông Tổng Giám thị Franchini cho vài ba anh em chúng tôi, trong đó có anh Đoàn bá Lộc (hiện nay anh là Luật sư Tòa Thượng thẩm Sài Gòn) chiêu thứ năm, từ hai đến năm giờ, lại trường Bá nghệ (École Professionnelle) nay là trường Kỹ thuật Cao Thắng ở đường Chasseloup Laubat (Hong thập tự) nhờ ông giáo Thưởng điều khiển mấy anh học sinh dạy chúng tôi bào cây, cưa khúc, rồi đục lỗ, đóng thành chữ T.

Chiều về trường, ai nấy đều phồng tay nhưng vui vẻ.

Cuối năm, thi bằng B.E.P.S. trước, tôi cùng vài ba bạn dự thí. Tôi không còn nhớ ai đậu ai rớt, chỉ biết rằng mình qua khỏi cái ải bài viết và đóng chữ T được 14 điểm.

Vô phần khẩu đáp (oral), tôi bị ông Farcy, giáo sư toán trường Sư phạm, hỏi tôi về Progression arithmétique (Cấp số cộng) và Progression géométrique (Cấp số nhân) là hai môn tôi chưa học đến.

Tôi còn mắc tay mù Chrétien, giáo sư trường nữ trung học Pháp (École des Jeunes filles françaises), nay là trường Marie Curie, hỏi mắc tôi về «Reproduction chez les cryptogames» (Sự sinh hóa của loại ẩn hoa), «appareil digestif des mollusques» (bộ tiêu hóa của loài

nhuyễn thể, như ốc, sò...) và «squelette des poissons» (bộ xương của loài cá).

Tôi lại bị lão Bourotte hỏi về «Địa lý đại cương» vì sao trong núi lại có hồ nước.

Bao nhiêu cái «bị» làm cho tôi trượt vở chuối về phần vấn đáp: thôi, chờ tháng chín thi lại vì, về bằng này cũng như Tú tài Pháp, hễ đậu bài viết thì được thi vấn đáp ba lần.

Cái hại là mình dự một cuộc thi mà không rõ chương trình cuộc thi ấy thế nào, những tưởng bằng B.E.P.S. tương đương với Brevet Élémentaire, với Diplôme, thì có học lực Diplôme và Brevet Élémentaire là thi được.

Mấy câu bà Chrétien vẫn nạn tôi đều nằm trong mấy trương chót cuốn vạ vật

học của E. Caustier, vậy nên lấy cuốn này mà «tụng» lại mấy trường chót là xong.

Thi Brevet Elémentaire

Rồi lại nạp đơn thi Brevet Elémentaire. Lớp tôi có ba thí sinh: Lý công Quận, Lương an Ân với tôi. Ấm tả dễ, chắc tôi không làm lỗi nào.

Bài vạ vật học, đầu đề là «Chimie de la digestion» (Hóa học trong sự tiêu hóa), như phân sự của nước miếng, của dịch vị (suc gastrique, nước trong bao tử), dịch trường (suc intestinal, nước trong ruột) và nước mật (bile)...

Sẵn ông Franchini mới cho bài này hôm tháng trước, tôi đẩy cho một hơi bốn trường đem nạp. Về toán đố, họ cho đầu đề đại khái như sau:

"Tìm số lượng sản xuất của một mẫu dừa, mấy cây trồng cách nhau 10 thước, và hai góc, đầu và chót, đều có trồng một cây, mỗi cây sanh được x trái..."

Tôi tính toán kỹ lưỡng và làm bài xong, so sánh đáp số với Huỳnh ngọc Dĩ, bạn cũ tôi dưới Mỹ Tho, bây giờ học lớp đệ tứ niên nơi đây, hai số trùng nhau, tôi chắc chắn sẽ đậu.

Thật vậy, khoa ấy, Quận, Ân với tôi đều trúng tuyển.

* * *

Tháng bảy, trước khi nghỉ hè, trường tổ chức mấy buổi hát cải lương, diễn vở tuồng "Tôi độc phụ nhân tâm" do ông

giáo sư Phạm công Bình trước tác.

Tiền thu hoạch được sung vào quỹ nhà trường (caisse des écoles). Cốt chuyện như vậy:

"Sinh viên Phan thái Hòa sánh duyên cùng cô Ngọc Anh, con gái ông Lý công, hương cả, xuống Tràng An ứng thí. Hay tinh thân phụ qui tiên, chàng bỏ thi trở về.

Trong lúc chàng đi vắng, Ngọc Anh tư tình cùng Bốc thiên Vận, công tử con ông viên ngoại.

Thấy chồng về mà chẳng đỗ đạt chi, Ngọc Anh kéo níu, buộc chàng làm tờ ly hôn ...

Chàng đi lang thang, gặp bạn là Đoàn thế Trung than thở tỏ sự tình, Thế Trung thương tình giúp cho ăn học, sau thi đỗ,

vinh qui, gặp Ngọc Anh bị chồng sau là Bốc thiên Vận ruồng rẫy, đuổi đi, nàng hổ thẹn nhảy xuống giếng hủy mình...»

Vài ba học sanh lớp đệ tam niên ban Thành chung đóng vai Phan thái Hòa, Đoàn thế Trung, Bốc thiên Vận và thằng Bưởi, tiểu đồng.

Hai nữ nghệ sĩ đóng vai Ngọc Anh, vợ Thái Hòa, và bà cả, vợ Lý công.

Đêm hát, chúng tôi tự do coi không cần mua vé. Anh Trịnh tấn Truyện ngồi hàng ghế trên tôi, tôi kêu anh mà nói:

– Rán nghe anh Truyện, kéo thi rớt bị vợ bỏ đa!

Anh cười, ừ ừ.

Cái miệng ăn cơm nhà trường sao mà linh thánh quá, quả nhiên khoa ấy

ảnh rớt Tú tài, khoa sau, tháng chín, mới đậu.

Mấy cô nữ sinh trường «áo tím» bán chương trình, gặp phải tụi tôi, các cô không cạy gỡ được một đồng. Một cô đưa một bốn chương trình in rất đẹp hỏi:

– Thầy muốn cái này không, thầy?

Có lẽ ý cô muốn nói bằng Pháp ngữ như vậy:

– Monsieur, en voulez-vous? hay Vous-voulez ceci? có thể dịch: «Thầy muốn xem tấm này không?»

Song cô dịch quá sát câu chữ Pháp, thành sống sượng!

Tôi cười, chẳng nói chi, còn anh Từ (ngồi gần tôi) đáp:

– Tôi thuộc lòng rồi, cô ơi!

Cô xiu mặt đi tuốt.

Trong giới nữ sinh thời bây giờ, tôi nghe các cô tuyên bố một câu Pháp ngữ như vậy:

– Ma main n'est pas blanche, mais il est difficile de l'obtenir. (Bàn tay tôi không trắng, nhưng khó mà chiếm được nó).

Nghĩa là cô không đẹp, song "phải thế nào" mới kết hôn được với cô.

Chẳng khác phong trào «Phi cao đẳng bất thành phu phụ» (không xuất thân nơi trường Cao đẳng thì không thành chồng vợ) trong giới phụ nữ Hà thành mà chúng tôi sau này được chứng kiến.

Năm này, có cuộc thi Brevet Supérieur (văn bằng giáo học cao cấp) theo chế độ cũ, học lực tương đương với Tú tài.

Lớp đệ nhị niên Tú tài bốn xứ có mấy anh dự thi, lớp chúng tôi có Phạm văn Ba. Chủ khảo là ông Bouault, Hiệu trưởng.

Kết quả là hai cô đầm, nữ sinh trường Nữ trung học Pháp, cô Chauvet với cô Nativel, cùng anh Trương văn Huấn, anh Trần văn Khuê thi đậu.

Trước khi vô phần vấn đáp, phải thi âm nhạc; ông Bouault bảo bà Blanche, giám khảo:

– Bà cho điểm nào tự ý, mà đừng cho điểm không (0). (Donnez toutes les

notes que vous voudrez, mais ne donnes pas zéro).

Phạm văn Ba rớt, song nghỉ hè vô, kỳ thi tháng mười, anh thi đỗ và nghỉ học luôn, ra làm giáo sư trường tư thực.

Cuối niên học, có cuộc phát thưởng trong trường.

Dĩ nhiên, anh Hồ văn Ngà lãnh phần thưởng ưu hạng (Prix d'Excellence) còn tôi được phần thưởng sử địa và vạn vật học.

2. Lớp đệ nhị niên – 1923-24

Năm nay là năm quyết liệt, học nhiều, thi khó.

Các anh «đệ nhị» cũ đã từ giã nhà trường, hoặc đi Hà Nội hoặc nghỉ học luôn.

Mấy anh Nguyễn khắc Dân, Phan tấn Thiết, Nguyễn kiến Bá, lớp Première D đều đậu Tú tài 1, anh Dân ở lại học lớp Triết trường Chasseloup Laubat, còn hai anh Thiết với Bá học lớp Toán (Mathématiques Élémentaires) ở Lycée Albert Sarrault ngoài Hà Nội.

Kỳ thi tháng mười, anh Truyện đậu Tú tài bốn xứ, đi Hà Nội vào trường Pháp chánh. Phạm văn Ba đậu Brevet Supérieur, thôi học, ra làm giáo sư.

Một số bạn chúng tôi cũng từ giả học đường, hoặc sang lớp khác. Ông Pasqualini can thiệp cùng ông Hiệu trưởng cho Ngà Tỵ qua lớp 1ère D, đăng thi Tú tài Pháp.

Cocsol tức Kôsal với Trần quang Đệ sang Pháp.

Nguyễn háo Đàng, Lê văn Quí, Lý công Quận, Lương an Ân thôi học. Nguyễn văn Ký với Lại văn Chử ra Hà thành học Cao đẳng Canh nông.

Lớp đệ nhị niên chúng tôi chỉ còn Huê, Nhu, Cảnh (Tù chốn), Cảnh (Dương văn), Quyền, Bàn, Xuân, Lắm, Thạch, Diên, Tù và tôi.

Giáo sư

Giáo sư cũng đổi khác, toàn là mấy ông giỏi và nghiêm khắc. Toán thì chúng tôi vẫn học với ông Pasqualini.

Ông Charvet dạy lý hóa; tục danh ông là «Già kẻo» vì ông đi cánh tay mặt ông cong cong. Ông ghiền rượu nên ốm nhom.

Học sinh Taberd thi Brevet Elémentaire và bằng Thành chung sợ ông như sợ cọp vì ông hay « coller » (hỏi khó) về Chimie organique (Hóa học hữu cơ); đáp trúng, ông dám cho 18 điểm còn « bí » thì ông tặng cho con số không (0) hoặc một hai điểm mà thôi, không có 9, 10 điểm trung bình.

Dạy sử địa về phần ông Bourotte; ông này cũng gắt, thì sinh oán ông vì, hạc về địa lý nước Pháp, ông thích hỏi và buộc vẽ «Coupe du Massif Central» và «Coupe des Alpes» (Dãy núi Massif Central và dãy Alpes bổ đôi).

Phương pháp ông dạy không giống cô Boutron Damazy nên năm nay, mấy kỳ thi tam cá nguyệt, tôi không được điểm cao như năm rồi.

Về Pháp văn, chúng tôi học với ông Cudenet, cha Pháp, mẹ Việt; ông có bằng Cử nhân văn chương, cách dạy hay, chúng tôi dễ hấp thụ.

Ông mập tròn, phục phịch, chừng ba mươi ngoài tuổi, chúng tôi gọi ông là «Nhị thiên đường » vì ông giống hình ông Phật mập, nhãn hiệu ve dầu Nhị thiên đường.

Ông thuật rằng có lần ông xuống tỉnh, vô nhà hàng kêu món ăn. Bồi bàn vâng dạ mà cả buổi không thấy dọn ăn, ông kêu hỏi sao mà lâu lắc vậy.

Nó đi và lăm bằm, tưởng ông không biết tiếng Việt: «Cái thằng nhiều chuyện!»

Tháng 10, tôi thi lại phần vấn đáp bằng B.E.P.S; một lần nữa, gặp ông Paray hỏi toán và bà Chrétien hạch vạ vật học.

Hai người quen mừng cũ, hỏi tôi, ông thì Progression géométrique (Cấp số nhân), bà thì Appareil digestif des mollusques (bộ tiêu hóa loài nhuyễn thể).

Tôi đã chuẩn bị đảng hoàng, trả lời xuôi rớt, hai vị đều hài lòng.

Phần Pháp văn, bà Mignon làm giám khảo; ông Chủ khảo, ông Prêtre, Giám đốc học chánh, đến ngồi nghe.

Họ hỏi tôi về lúa mạ (riz de décrue) và ông Prêtre phá tôi một phát. Ông hỏi:

– Peut-on épouser la soeur de sa veuve? » (Người ta có thể kết hôn với chị góa phụ mình không?)

Chưa kịp suy nghĩ, tôi trả lời: – Không!

Hỏi:

– Tại sao?

Tôi còn đang lúng túng, chưa biết trả lời thế nào, bỗng họ cười rộ lên, tôi hội ý cũng cười theo. Thế là buổi thi khẩu đáp kết thúc vui vẻ.

* * *

Một hôm, ông Pasqualini bị mụn nhọt trên bắp vế nằm dưỡng bệnh, chúng

tôi: Ty, Ngà, Cảnh, Huê với tôi đến nhà bà Pasqualini, Hiệu trưởng trường Nữ trung học bốn quốc (Collège des jeunes filles indigènes) thăm ông. Lên lầu, vào phòng, thấy ông nằm trên giường, mặc áo pyjama, dưới đắp tấm ra (drap).

Ông cảm ơn chúng tôi và bảo ngồi trên ghế nói chuyện. Bà Pasqualini bốn thân bùng bánh, nước ngọt ra đãi. Nhân hỏi chúng tôi trong tương lai chọn nghề nào, bà nói:

– Les annamites, comme les Corses, préfèrent les Services civils, le Professorat, aux carrières libérales. (Người An-nam, cũng như người Corses, chọn nghề Hành chánh hay giáo huấn hơn là nghề tự do).

Ông Pasqualini cự bà vợ:

– Que veux-tu que je fasses? (Em muốn anh làm gì?)

Chúng tôi muốn biện hộ cho ông, song không biết nói gì, vì chính tôi cũng không thích làm luật sư, Bác sĩ.

Lúc ấy, nơi trường bà, xảy ra chuyện nhiều nữ học sanh xung đột với mấy bà giám thị, bà Hiệu trưởng day qua nói với chúng tôi:

– Voilà vos futures épouses! (Vợ tương lai mấy cậu như vậy đó!)

Chúng tôi bị bà làm cho hai «vố», từ giã ra về.

Bằng giáo học Cao đẳng (Brevet Supérieur)

Không rõ lúc trước, sau khi đậu bằng

Brevet Elémentaire, phải học mất bao nhiêu năm mới thi nổi Brevet Supérieur, song học lực người đậu bằng này cũng chỉ tương đương với anh Tú Pháp hay Tú Việt mà thôi, bằng chứng là hai anh Huấn và Khuê, Tú Việt và hai cô Chauvet và Nativel, bên Nữ trung học Pháp, học lực tầm thường, với Phạm văn Ba, mới đệ nhứt niên Tú tài bốn xứ, mà cũng đậu được.

Nhưng, kể từ niên học 1923-24, Nha Học chánh đổi cuộc thi Brevet Supérieur làm nhiều đợt, gồm nhiều món hơn và rắc rối hơn.

Sau khi đậu Brevet Elémentaire rồi, thí sinh phải học ba năm mới đủ khả năng thi Brevet Supérieur.

Cuối năm đầu, thi chúng chỉ thứ nhứt; năm thứ hai, chúng chỉ thứ nhì và

năm thứ ba, chúng chỉ chót, thế là đậu trọn cái bằng B.S.

Năm 1924, trong thời kỳ chuyển tiếp, Nha Học chánh cho thí sinh thi luôn một lượt ba chứng chỉ, song nếu rớt một chứng chỉ nào thì kỳ nhì (tháng 10) năm đó, hay năm sau phải thi lại chứng chỉ ấy.

Như trên tôi có nói, thi ba cái chứng chỉ B.S. có nhiều món, nào là Sư phạm, Canh nông, Âm nhạc, Thể thao, môn thực hành ...

Trần văn Thạch khuyến khích tôi thi Brevet Supérieur đậu ra làm giáo sư, rồi thi Tú tài Pháp, vừa làm việc vừa học thêm, luyện thi Cử nhân văn chương trong ba năm, có thể xin học bổng qua Pháp mà ứng thí.

Tôi cho Thạch nói có lý, và mình

cũng muốn sớm đi làm việc hầu giúp đỡ cha mẹ già.

Nên tôi mua mấy mươi đồng bạc sách, để cho một tú; tối, sau khi lên lầu, hoặc vào khoảng năm giờ khuya, tôi ra nơi rửa mặt mà học thêm.

Thứ năm, tôi cùng vài bạn đồng ý thi B.S., như anh Trần văn Quế, anh Nguyễn văn Lành lại trường Bá nghệ học bào cây, giữa sắt, chuẩn bị thi môn thực hành (épreuve pratique).

Vài đặc điểm về giáo sư

Ông «già kẻo» Charvet chúng tôi lạ lắm: mỗi lần mình trả bài, đem tập vở ông xem. Nếu mình trả lời trôi chảy mấy câu hỏi của ông, ông cho hai điểm, một điểm về vấn đáp, một điểm về cách chép

bài trong tập vở, và hai điểm ấy đều là chín điểm.

Trong trường hợp trả lời không trôi, ông cho luôn hai điểm: 2 và 2 hoặc 3 và 3, không cho 5 hay 6 điểm bao giờ.

Mặc dầu ông nghiêm nghị, đôi khi ông cũng hài hước với chúng tôi. Nhân dạy chất hóa học là muối (dùng nêm đồ ăn) có cái tên khoa học là Chlorure de Sodium, ký hiệu là NaCl, ông cười bảo:

– Nếu các anh xuống bếp xin chút muối thì phải nói ‘Sel de cuisine’ (muối dùng dưới bếp), chớ nếu các anh nói: ‘Cho tôi chút Chlorure de Sodium nay NaCl’, thì có ai hiểu các anh đâu, họ còn cho các anh khùng khùng hoặc hay chữ rỗng, họ sẽ cười cho!

Ông thầy thể thao chúng tôi là một phế binh tên Picquel, có tật bàn tay trái, một tuần vài lần dắt chúng tôi ra sân tập ở đường Phan đình Phùng, lúc ấy gọi là Stand Richaud (bên hông trường Chasseloup Laubat) tập chạy nhảy cao, nhảy xa, phóng lao, ném tạ, quyền thuật Anh ...

Có bữa, ông cho Từ chấn Cảnh so găng với Phạm trường Xuân. mấy bạn tôi thì thầm rằng Xuân giỏi võ thuật Việt Nam, song Cảnh được cái lệ làng.

Vừa mới xáp chiến, Cảnh đã đánh Xuân như mưa bấc.

Xuân múa hai tay, xung bộ, đi miếng «Phụng hoàng», rồi đổi qua «Lão nhi», kế «Đồng tử bái Quan âm», mà chỉ đỡ thôi chớ đánh được Cảnh cái nào.

Picquel chấm dứt cuộc đấu võ chênh lệnh ấy, Xuân ngồi dưới cỏ thờ đốđ, cho là Cánh đánh «võ rừng» chớ không phải võ Tây. Chúng tôi cười «cậu bảy Xuân» nói cho đỡ then.

Picquel lại dạy chúng tôi "binh thức thể thao" (gymnastique militaire) như: đi, "En avant, marche!" (Tiến lên trước, tiến!); ngừng, "Halte" (đứng lại!); nghiêm, "garde à vous!"; xoay nửa vòng, bên phải "demi tour, droite"; xoay nửa vòng, bên trái "demi tour, gauche"...

Cái ông phế binh này thích rượu, mỗi lần ra sân tập là hoi rượu nục nồng, nói lên lời nào lè nhè những rượu.

Chánh trị

Học sinh và sinh viên thời đại nào cũng quan tâm đến chánh trị.

Mỗi chúa nhựt ra ngoài chơi, chúng tôi kiếm mua cho được vài tờ báo Pháp ngữ đối lập Chánh phủ, đem vô trường, giấu giếm chia nhau đọc: tờ La Tribune Indochinoise (Đông dương diễn đàn) của ông Bùi quang Chiêu, chủ nhiệm kiêm chủ bút; cộng sự viên có ông Dương văn Lỗi, giáo viên từ chức làm kỹ nghệ gia, chúng tôi thích đọc văn ông viết rất hay, như mấy từ ngữ ông thường dùng, ông tặng cho chánh sách cai trị của nước Pháp cái danh từ «tartufisme colonial» (chánh sách thuộc địa giả hoạt).

Ông Nguyễn phan Long xuất bản tờ L'Echo Annamite (Nam Việt hướng truyền); ông là Hội đồng quản hạt

(Conseil Colonial), đáng lẽ gọi là «Nghị viên Thuộc địa» mới đúng, cùng với ông Chiêu, ông Lê quang Liêm tức Bảy, ông Trương văn Bền, Bác sĩ Nguyễn văn Thịnh, Bác sĩ Trần văn Đôn... đều là những tay kiện tướng binh vực quyền lợi người Việt Nam.

Ông Nguyễn an Ninh, được Chánh quyền thuộc địa «săn sóc» đặc biệt, là chủ nhiệm tờ «La Cloche fêlée» (Cái chuông bể) công kích kịch liệt chánh sách thực dân.

Người công chức Việt Nam nào đọc báo La Cloche fêlée được đứng tên vào "quyển sổ đen" của công an, miễn thăng thưởng và thường đổi tỉnh nầy qua tỉnh kia, có khi đi Côn Nôn nữa, và tới đâu, cũng được Tham biện Chủ tỉnh tiếp đón như là "dịch hạch".

Xứ Nam Kỳ (Cochinchine) là thuộc địa Pháp, được Chánh quyền xem như là một tỉnh Pháp (département) hưởng quyền bầu cử một nghị viên (Député) và Hạ nghị viện.

Mà kỳ tuyển cử nào cũng có hai ông Tây ra ứng cử: Outrey, là một thực dân hạng nặng, và trạng sư Monin. Ông này được cảm tình của người Việt Nam vì ông hay biện hộ trong những vụ án chánh trị.

Nhưng lần nào Outrey cũng thắng Monin khít nút, và người ta đồn rằng Outrey mua thăm bọn Tây đen.

Nhân năm ấy nhằm dịp bầu nghị sĩ, chúng tôi hỏi Picquel bầu ai, ông ta đáp:

– Dĩ nhiên là tôi bỏ thăm cho Monin.

Và không tiếc lời mạt sát Outrey.

Vào lớp học, chúng tôi hỏi ý tứ ông Cudenet về hai ứng cử viên Outrey và Monin. Ông khen Outrey là người giàu kinh nghiệm, am hiểu nhu cầu thuộc địa và hy vọng Outrey đắc cử.

Hai khuynh hướng, một của quân nhân và một của một công chức Pháp, cho thực dân.

Lại trong cuộc bầu cử này có một chuyện vui vui, chúng tôi xin chép ra đây để cống hiến độc giả.

Một ông Mít có Pháp tịch, tên Ng. v. L. cũng nộp đơn ứng cử. Quý bạn đọc biết ông được bao nhiêu thăm không? Vốn vẹn có một lá mà thôi hè! Là lá thăm của ông tự bỏ cho ông!

Năm hết, Tết đến, Tết dương lịch 1924.

Chúng tôi đến thăm ông Pasqualini, ông bà có một đứa trai 17 tháng, mập mạp giống ông như hệt, mặt tròn, tóc hoe hoe để dài, biết đếm từ 1 đến 30.

Ông bà niềm nở tiếp chúng tôi, đãi rượu bánh, chúng tôi từ già đến nhà ông Bourotte.

Ông này cũng vui vẻ, song khi ông hỏi chúng tôi mỗi người sẽ chọn nghề gì, ông bảo rằng mục đích đa số học sanh, sinh viên là thi đậu, ra trường lãnh lương đáng bao nhiêu, chớ chẳng có chí hướng gì, lý tưởng chi cả.

Ông nói một sự thật chua cay làm cho chúng tôi suy gẫm mà hổ thẹn... nhưng

thuở đó, dưới thời Pháp thuộc, chúng tôi theo đuổi cái học khoa cử, cái học kiếm cơm, các chức vụ điều khiển nằm trong tay người Pháp, công chức Việt đều là những người phụ tá mà thôi, thi thố gì được tài năng cho lợi dân ích nước!

Từ già ông Bourotte, chúng tôi về trường, ghé nhà ông Hiệu trưởng Bouault chúc Tết ông. Tết Tây xong, đến Tết Việt.

Một chiều chúa nhật, Thạch rủ Cảnh với tôi đi Chợ Lớn coi ông thầy Vi kính Trang ở đường Canton (Quảng tổng cái) có tiếng là coi tay coi tướng giỏi.

Ông đoán Thạch sẽ xuất ngoại, Cảnh đỗ đạt, sau làm «ông này ông kia với người ta», còn tôi «đỗ một lần».

Ông đoán trúng một phần thôi, vì Cảnh chết sớm, hồi học lớp đệ tam niên y khoa ở Paris.

Trước khi về trường, Thạch dắt Cảnh với tôi đi ăn «đồ ngọt», dường như một chén hột sen với nhãn nhục nấu đường, mà anh ta gọi là «hạnh dì xà», mùi hôi rệp.

Thi Brevet Supérieur

Lại đến mùa thi.

Trong lúc tôi thi B.S. thì Ty, Ngà và Gustave Tison, lớp 1ère D, với Trần Văn Thạch, lớp đệ nhị niên chúng tôi, đậu bài vở Tú tài 1, đáp chiếc tàu Crénoque ra Bắc thành dự thi vấn đáp.

Ba thí sinh thi B.S. theo chương trình mới: anh Nguyễn Hữu Dư, học sinh trường Taberd, anh Trần Văn Quế, lớp đệ nhứt niên Tú tài Việt, với tôi.

Như trên tôi có nói, chương trình thi gồm ba phần, bài thi thuộc năm thứ nhứt, năm thứ hai và năm thứ ba.

Chúng tôi làm bài «năm thứ nhứt và năm thứ hai» không mấy khó; bài năm thứ ba nhiều món và rắc rối hơn: âm nhạc, môn thực hành, thể thao, sử phạm, canh nông, toán, Pháp văn...

Lại nữa trong mấy môn thi, có môn nào mình dưới điểm trung bình thì kỳ sau phải thi môn đó lại. Âm nhạc, chúng tôi hiểu biết rất sơ sài, chắc chắn là nhỏ điểm.

Thi thực hành (épreuve pratique), mấy anh học thợ trường Bá nghệ tử tế chặt cho chúng tôi một miếng sắt vuông vức tám phân, dày một phân, giữa khoét một lỗ tròn trực kính một phân rưỡi, và trao cho chúng tôi một cây giũa, phải giũa

sao cho cái khung tròn ấy thành hình vuông. Và công việc phải làm từ ba giờ đến năm giờ rưỡi cho xong. Biên tên thí sinh trên mảnh giấy nhỏ dán vào miếng sắt, nộp cho lão Picquel, giám khảo môn thực hành.

Cũng chính lão nầy hôm sau làm giám khảo thể dục chúng tôi.

Gặp cái ông phế binh say sưa, hân hạnh được làm giám khảo, ông hãnh diện làm tàng, thật là khổ!

Ông bảo tôi ra lệnh cho ông tập:

– En avant, marche! (Tiến tới, đi) trên hàng ba trường.

Ông đi một cách uể oải, không có cái vẻ gì là "lính" cả, ông đi gần đến vách tường, tôi hô: "demi tour, droit" (xoay nửa vòng, bên mặt) song ông vẫn đi,

tôi sợ ông đụng vô vách tường, tôi hét:
"Halte!" (Dừng lại!)

Thật tức cười quá.

Không biết ông cho tôi mấy điểm;
tôi chắc về âm nhạc và thể thao, tôi dưới
điểm trung bình ...

Nay nghĩ lại thật buồn cười: chẳng tự
lượng sức mình, tài năng không xuất sắc
như anh Ngà, anh Tỵ, không siêng cần
như anh Huê mà lần lượt thi cả Brevet
Supérieur, Tú tài Việt, rồi qua tháng 10,
lại thi Tú tài Pháp nữa!

Thế là tôi rớt phần ba B.S. và bỏ cuộc
luôn. Dường như anh Nguyễn hữu Dư,
anh Trần văn Quế năm sau cố gắng theo
và thi đậu.

Từ đó, trên đường đời, đôi khi tôi
còn gặp anh Quế còn anh Dư thì bật vô
âm tín.

Song, quả đất tròn, nên 34 năm sau, năm 1958, tình cờ gia đình tôi đi chơi dưới Bến Tre (Kiến Hòa) ghé giáo đường Sơn Đốc, tôi gặp lại Nguyễn hữu Dư là Cha Sở địa phận đó. Thấy mặt người là tôi nhận ra liền, nhưng tôi phải nhắc lại chuyện thi cử năm xưa, người mới nhớ.

Cả hai cầm tay nhau cảm động ...

... Xong vụ Brevet Supérieur.

* * *

Mấy cử tử thi khẩu đáp ngoài Hà Nội về: anh Nguyễn khắc Dân đậu Tú tài 2, môn Triết, với hạng bình thứ (assez bien), Ngà, Ty, Tú tài 1, bình thứ; Thạch và Tison, thứ (Passable).

Kế đến thi Tú tài Việt.

Nhớ mấy phen kinh nghiệm và chuẩn bị đằng hoàng nên tôi cùng đậu với Huê, Nhu, Cảnh, Quyền. Bây giờ đến giai đoạn xin học bổng để tiếp tục học Cao đẳng tại Hà thành.

Huê và Từ chấn Cảnh nhứt định thi Tú tài Pháp, kỳ 2, tháng 10, Quyền sang Pháp du học, sau đậu y khoa bác sĩ.

Dương tấn Cảnh, Phạm trường Xuân học Cao đẳng Sư phạm.

Sau khi dẫn đo nhiều ngày, Nhu với tôi cũng làm đơn xin học bổng học Sư phạm như Cảnh với Xuân.

Thi Tú tài Pháp

Mặc dầu định tiếp tục du học ở Hà Nội, sau rồi tôi với Nhu cũng bắt chước

Huê, Cảnh, thi Tú tài 1 kỳ nhì. Thi thì thi vậy, chớ chưa biết để làm gì, vì thế nào mình cũng nắm chắc cái học bổng Sư phạm trong tay.

Thuở bấy giờ, bởi số học sanh Tú tài ở Sài Gòn quá ít oi, như năm 1923-24, lớp Triết, chỉ có mỗi một mình anh Nguyễn khắc Dân, còn lớp 1ère D thì có Ngà, Tỵ, Tison với một vài học sanh nữa tôi quên tên, thế nên Nha Học chánh gửi bài thi ra Hà Nội cho ban Giám khảo chấm, rồi thí sinh đậu môn viết phải đáp tàu thủy ra Hà thành thi vấn đáp.

Tôi mượn mấy bài toán về Vật lý (problèmes de physique) của Tỵ đem về nhà coi lúc bãi trường, và tôi với Cảnh thỉnh cầu ông Pasqualini sửa giùm toán chúng tôi.

Ông cùng vợ con lên nghỉ mát ở Đà Lạt, cư ngụ khách sạn Palace, ông bảo Cảnh với tôi cứ gửi bài lên ông.

Lật bật đến kỳ tựu trường niên học 1924-25, chúng tôi gặp nhau nơi trường Chasseloup Laubat.

Cảnh nói rằng mới đây anh có gặp ông Pasqualini, anh trao cho ông một bao thơ đựng một trăm bạc (100\$); ông xé nhẹ một góc, xem thấy tấm giấy xăn, tức thì ông trả lại cho Cảnh với mấy tiếng:

– Oh non! Oh non! (không đâu! Không đâu!)

Thật ít có giáo sư Pháp như ông Pasqualini!

Đầu tháng 10 năm ấy, chúng tôi vào trường thi, có cả anh D.T.T, Tham tá giúp việc Phòng nhì, dinh Hiệp lý (Bureaux du Gouvernement) hay về Ngân sách Nam Kỳ, cũng là thí sinh.

Thật ra, mấy đầu đề bài thi không quá khó, song nếu tôi coi đi coi lại cho kỹ mấy bài toán và lý hóa của Tỵ cho tôi mượn, chắc tôi đã «trúng tủ» được điểm cao.

Thi một bài luận văn, hai bài toán, vật lý, dịch Pháp văn ra Việt ngữ và một bài Việt ngữ dịch ra Pháp văn.

Thi xong, ai về nhà nấy; tôi tạm ngụ nơi nhà một anh bạn làm Thông ngôn Tòa án Sài Gòn, chờ kết quả.

Đầu tháng mười một, một buổi mai,

tôi lôi thôi lê đôi guốc gỗ vào trường, gặp ngay ông Hiệu trưởng cho hay, Nha Tổng giám đốc Học chánh đánh điện vô Nam, trong mấy thí sinh có năm người đậu bài viết: anh D.T.T, Huê, Nhu, Cảnh với tôi.

Đồng thời, tôi nhận tin Phủ Toàn quyền cấp cho tôi học bổng trường Cao đẳng Sư phạm. Tôi vội vã về Tân An chuẩn bị hành trang đăng ra Hà nội thi khẩu đáp.

Với má và anh tôi, tôi cân nhắc lợi hại: nếu thi đậu Tú tài 1 thì học một năm nữa đậu Tú tài 2, mình có thể xin được tuyển dụng làm Tham tá hành chánh (Commis des Services civils) như anh Dương văn Hòa, anh Thái minh Phát... thế là chỉ mất có một năm nữa, 1924-25, là mình sẽ hưởng bổng lộc (lý luận nhà nghèo!) còn hơn đi học Sư phạm mất những ba năm, đến 1927 mới tốt nghiệp.

Ấy vậy, gia đình tôi quyết định cho tôi tiếp tục thi Tú tài và từ khước cái học bổng Sư phạm.

Chúng tôi lại Phòng ba (3è bureau) dinh Hiệp lý, xin giấy đi tàu. Ông phán Tá sốt sắng làm giấy cho chúng tôi đáp chiếc Réam, nhổ neo ngày 6 tháng 11.

* * *

Bốn anh em chúng tôi – anh D.T.T khước từ, không dự thi vì nội tổ anh thất lộc – nằm một phòng hạng nhì, bốn giường, hai cái chồng lên nhau.

Xuống tàu sớm mai ngày 6, chúng tôi đem hành lý vào phòng rồi ra ngoạn cảnh.

Chiếc Réam là một chiếc tàu Hòa Lan cũ kỹ quá sức, bán lại cho Hãng tàu Messageries Maritimes.

Kỳ trước, các bạn Ty, Ngà... ra Bắc may mắn đi chiếc Orénoque lớn hơn chiếc Réam và tháng sáu lại ít bị sóng gió hơn chúng tôi đi kỳ này.

Trên sàn tàu, một thiếu nữ ngồi một bên đồng hành trang, đầu quấn khăn choàng, tóc trung, thân mình tròn trịa, da trắng hồng, môi son, nhưng thoáng vẻ buồn.

Bà mẹ người Bắc Việt – nhuộm răng đen – lẳng xẵng chạy tới chạy lui.

Cảnh xấn bấn, gây chuyện làm quen... thì ra, mẹ con cô ấy quê quán ở Bến Tre (nay là Kiến Hòa) dường như là bà con với anh N.K.B. (hiện thời là y khoa bác

sĩ), tên mỹ nhân là Berthe Sắc.

Mẹ con đáp tàu ra Bắc dự Hội chợ ở Nam Định, luôn tiện cho bà mẹ viếng quê nhà. Họ không mượn phòng, chỉ thuê ghế bố ngủ trên boong, song chịu phí tổn ăn uống như hành khách hạng nhì.

Cô Berthe Sắc ít nói chuyện ai hỏi gì cô trả lời nho nhỏ, vắn tắt thôi, còn bà mẹ thì lía ba lía bảy.

Chúng tôi lại gặp anh Giỏi, xuất thân trường Cao đẳng Thương mại Hà thành, đi nhận việc nơi một Hãng dầu ở Đà Nẵng, nguyệt bổng một trăm đồng.

Anh này cũng chạy khắp tàu, tán dóc.

Tàu chạy trong sông Sài Gòn, nhắm hướng Cần Giờ trực chỉ. Từ Sài Gòn đến

Cần Giờ là năm mươi cây số ngàn theo đường sông. Con sông Sài gòn uốn khúc, khi thì chúng tôi thấy Tháp chuông nhà Thờ Đức Bà (Vương Cung Thánh đường) bên phải, khi lại bên trái, khi thì khuất đi một quãng lại hiện ra.

Càng xa Sài Gòn, dĩ nhiên là Tháp chuông càng trông thấy nhỏ. Hai bên bờ sông toàn là rừng sát, dân sự làm củi mắm mà đây cũng là sào huyệt bọn cướp của người.

Đúng Ngọ, dùng cơm xong, vào phòng nằm nghỉ.

Một giờ trưa, Cảnh đi ngoài vô cho hay tới Cap (Vũng tàu), anh em tôi đổ xô ra xem. Phong cảnh đẹp xinh, trên núi dưới biển, gió thổi vo vo, sóng vỗ âm âm, tôi mới mục kích lần đầu lấy làm thích thú.

Kể từ đó, chiếc tàu ra hản ngoài khơi, rẽ tay trái, hướng về Bắc Việt.

Gió càng mạnh, sóng càng to, tàu trôi lên hụp xuống, Giới võ của chúng tôi hỏi có dầu, thuốc chi chẳng trao cho anh cứu chữa cô Sắc đang say sóng.

Tôi đưa anh mượn chai dầu Nhị thiên đường với chai Alcool de menthe. Chiều ấy, chúng tôi không ra ăn, chỉ xin cho mỗi đứa hai cái hột gà «la cót».

Ôi, sao mà trong phòng mùi dầu sơn hôi quá, làm cho tôi buồn mửa. Tôi mở cửa ra ngoài, đứng dựa be thuyền, thế mà dễ chịu.

Tàu đến Ba Ngòi (vịnh Cam Ranh), đậu lại lấy thêm than, thêm nước.

Tàu đậu sát chiếc cầu đúc bê tông, một con đường lót đá nối liền với trong

bờ. Gió bớt to, sóng bớt nhồi.

Ánh trăng chiếu trên mặt biển, lặn dần như muôn ngàn con rắn vàng lộn qua lộn lại. Sáng ngày 7, tàu từ giã Cam Ranh.

Cùng đi với chúng tôi có anh Chơn, đã đậu Đốc công (Agent technique), anh ra Hà Nội học thêm một năm nữa ngõ hầu lãnh chức cao hơn «Agent Voyer», tự điển Đào đăng Vỹ dịch là «Cán sự lộ chánh».

Anh Chơn móm xồm, ít nói vì anh cà lăm.

Tàu đi hai ngày nữa đến Đà Nẵng (Tourane) sớm mai ngày 9, xán neo ở ngoài khơi và ngừng nghỉ đó hai tiếng đồng hồ.

Nhiều thuyền chở gà vịt, trái cây ra cập tàu mà bán. Chúng tôi mua một con

gà mái bốn hào (4 cắc) với điều kiện là bà chủ thuyền nấu cháo bùng lên. Nửa giờ sau, bà đem lên một mâm mấy chén cháo, hai đĩa thịt gà, bà chặt ra miếng nào miếng nấy gần bằng cườm tay.

Cắn thử một miếng thịt gà: con gà mái già dai nhách, đành húp vài muống cháo qua loa.

Đang đứng nơi mũi tàu nhìn xem phong cảnh, bỗng nghe tiếng quát tháo trong phòng ăn: thì ra anh Chơn đang khoát nạt một anh phu áo quần rách rưới và anh nầy đứng xít gần anh Chơn nói chi nhỏ nhỏ.

Anh Chơn la bằng tiếng Pháp:

– Vous êtes saoul, vous! (Anh say rồi!)

Day qua chúng tôi:

– Cái thứ này nó lợi giỏi lắm, quăng nó xuống biển nói lợi lên như chơi!

Tôi bắt nhẵn, cho anh cùng đình ấy một hào, anh mừng rỡ xá lia.

Anh Chơn ngán đi tàu thủy, mượn Cảnh đem chiếc rương lại trường Công chánh giùm anh, còn anh lên Đà Nẵng đáp xe lửa ra Hà thành.

... Chiếc Réam băng ngang vịnh Bắc Việt cũng mất hơn một ngày đêm.

Chiều ngày 10, đến hải cảng Hải phòng; mỗi người xách va-li lên bến, kêu hai chiếc xe cao su đi lại khách sạn Nhựt bốn Kouroushe, tôi với Nhu ngồi một cái, Huê với Cảnh, một.

Vì thuở đó, những xe mà trong Nam gọi là xe kéo (pousse pousse), ngoài đó có hai hạng, xe cao su, bánh xe bằng cao

su và xe kéo gỗ, vì bánh xe bằng gỗ, người Pháp gọi là "pousse choléra" (xe kéo dịch tả) vì, với một cuốc năm xu, anh chị dân quê ta chất lên đấy cả hai vợ chồng, vài đứa con và khoai, củ, gà, vịt, heo con, hàng hóa cao ngều nghệu như đồng núi trên chiếc xe kéo gỗ 5 xu!

Anh phu xe ì ạch kéo thấy mà thảm!

Và xe cao su (với một cuốc một hào) cùng xe kéo gỗ đều rộng thênh thênh, hai người ngồi còn lỏng lẻo.

Đi ngang Sở hương chánh, anh phu xe hỏi Cảnh:

– Mang cái hòm này vào khám không, thầy?

Huê, Cảnh kêu lên:

– Đem vào khám làm gì?

Là bởi chúng tôi chưa quen tiếng Bắc Việt: cái "hòm" là cái rương, mà "khám" là xét.

Anh phu mang xe chạy thẳng, không ghé vào sở Thương chánh mà họ gọi là Sở Đoan (douanne). Tức thì bác cảnh sát bổ roi lên đầu anh phu xe. Chúng tôi bảo xe ngừng; Huê, Cảnh giải thích với cảnh sát và lính đoan rằng chúng tôi là người Nam Kỳ ra Hà nội thi Tú tài Pháp, rằng chiếc «hòm» đó của ông Đốc công Chơn mượn Cảnh chở giùm ra Hà Nội, vào trường Công chánh và Cảnh không có chìa khóa.

Mấy ông nhà Đoan cũng khá thông cảm nên cho chúng tôi đi.

Đến khách sạn Kouroushe, mượn hai phòng, Huê, Cảnh ở một, Nhu với tôi, một. Tắm rửa, ăn bữa cơm tàu rồi nghỉ.

Sáng ngày 11, đáp tàu hỏa đi Hà Nội.

Hải Phòng cách Hà N104 cây số ngàn, chúng tôi nhìn hai bên đường thấy những ruộng gò khô khan, cây lúa ốm tong như người nhịn đói lâu ngày.

Theo ý kiến đồng bào am hiểu nông nghiệp ngoài Bắc trong Nam, ruộng ngoài ấy không phì nhiêu bằng ruộng trong này, ruộng thượng hạng Bắc Kỳ tương đương với ruộng hạng nhì Nam Kỳ mà thôi.

Thế cho nên ...

Đến Hà nội, chúng tôi vào trường Albert Sarraut, ông Giám học (Censeur) tiếp đã chúng tôi tử tế; dùng bữa trưa rồi chiều xuống phòng học. Lật bật đến tối, lại ăn cơm và đi ngủ.

Sáng ra, chúng tôi đề huề lại Nha Học chánh, họ đã nêu một tấm bảng ngoài cửa văn phòng yêu cầu thí sinh Tú tài trong Sài gòn ra, chịu khảo thí môn văn đáp ngày 12 tháng 11, năm 1924, tại trường trung học Albert Sarraut, hồi mười bốn giờ ba mươi.

Chúng tôi chưa hết mệt mà phải chịu khảo thí liền, nghĩ cũng tội nghiệp, nhứt là môn Anh văn, mình học vội học vã đặng mà thi, chữ nghĩa đã không bao nhiêu, còn bị sóng gió nó bay đi mất một nửa rồi!

Lão Lomberger, giám khảo Anh văn, trước cái khả năng lỗi lạc về Anh ngữ của mình, lão mắng cho thậm tệ, rằng:

– Ban Tú tái bốn xứ là toàn hảo (parfait) và thật sự hữu hiệu (vraiment effi-

cace) mà bây muốn trốn lánh là nghĩa làm sao? Chúng bây thi Tú tài Pháp để làm gì? Nếu tao không vì lòng nhân đạo (!), tao đã vòng cho chúng bây một con số không tròn vo rồi (un zéro tout rond).

Sau, chúng tôi nghe lại lão Lomberger đã nhân đạo tặng chúng tôi bốn người hai điểm, chia đồng nhau mỗi đứa nửa điểm (1/2 point) mà xài!

Chủ khảo là ông Brachet, hạch toán.

Ông là giáo sư Thạc sĩ, hợp tác với giáo sư Dumarqué soạn cuốn « Géométrie dans l'espace » (Hình học trong không gian). Ông hỏi nhiều câu khó trả lời.

Giám khảo môn lý hóa là ông Mathieu, cựu Hiệu trưởng trường Chasseloup Laubat, người nho nhã, cho điểm công bình.

Giáo sư Durand, dạy Việt ngữ trường Albert Sarraut, bảo tôi giải thích một đoạn trong Cung oán ngâm khúc. Thông thường, chúng tôi hiểu câu: «nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên» là do tích «giọt nước cành dương» của Đức Quan Thế Âm Bồ tát làm tắt lửa phiền, song ông Durand lại hiểu cách khác; ông cho rằng lá dương (filacs) nấu lấy nước uống vào thì bớt cơn phiền não (?)

Trong thời gian học ban Thành chung dưới Mỹ Tho và ban Tú tài trên Sài Gòn, tôi thường dẫn đầu trong lớp về môn sử địa, thế mà chiều hôm ấy, giám khảo hỏi về Sử Cách mạng nước Pháp năm 1789 (Révolution française), không hiểu tại sao tôi lúng túng quên đầu quên đuôi, ổng cho tôi có bốn điểm.

Thành thử tôi thiếu điểm về toán pháp, sử địa và Anh văn, còn mấy môn

kia, có lẽ tôi cũng không dư được bao nhiêu.

Các bạn tôi, Huê, Nhu, Cảnh giỏi Pháp văn lẫn toán, lý hóa nên cứu nổi cái điểm rất kém về Anh văn và được đỗ. Chỉ có mình tôi rớt! Thật là đau!

Phải chi tôi may mắn được lối 10 điểm, điểm trung bình thôi về sử địa, tôi đã đậu rồi!

Lại tôi khờ khạo, chẳng biết xin thêm điểm cùng ai cả! Ra Sở Bưu điện, ba anh đánh điện về báo tin mừng cho ông Hiệu trưởng và gia đình riêng mỗi người.

Anh Cảnh nói một lời an ủi tôi:

– Bạn Đào, bạn đừng buồn, có nhiều anh sang trọng hơn bạn mà vẫn lận đận trong trường thi cử như thường.

Anh muốn ám chỉ anh Vương quang Khiêm thi mãi cái Tú tài 1 ban Latin năm sáu năm mà chưa đậu, trong khi ấy, em của Khiêm, anh Vương quang Nhường, đã là Luật khoa Cử nhân rồi!

Tôi nghĩ lại mà buồn cười, việc thi cử đậu rớt là do rủi may, dở giỏi, chớ sang với hèn cái thá gì! Cám ơn nhĩa ý anh Cảnh.

Bữa cơm chiều ấy, ông Hiệu trưởng Coqueblin, Thạc sĩ Anh văn, xuống phòng ăn ngợi khen Nhu, Huê, Cảnh và an ủi tôi vài lời.

Ông hỏi chúng tôi có muốn dự thính lớp đệ nhứt (Première) Toán (Mathématiques Élémentaires) hay Triết (Philosophie) ông sẵn lòng cho, kéo mất ngày giờ trong lúc chờ tàu về Nam.

Chúng tôi cảm ơn ông, song không nhận vì chúng tôi muốn hưởng thời gian rảnh rỗi ấy viếng Hà thành. Ông cho chúng tôi được tự do.

* * *

Bây giờ, cái nợ lều chõng đã tạm trả xong, Cảnh nhớ đến giai nhân Berthe Sắc, cô bạn đồng hành mà dường như Cảnh có cảm tình.

Mẹ con cô đã giả biệt chúng tôi sớm mai ngày 11, khi xe lửa đến Hà thành, mua vé đi Nam Định.

Cảnh đề nghị cùng Huê đi Nam Định tìm thăm cô Sắc, Huê không đồng ý, để ngày giờ viếng Hà Nội và vài vùng lân cận thay vì đuổi theo bóng giai nhân.

Cảnh cười buồn, bóp bụng chịu.

Trường trung học Albert Sarraut

Nhiều giáo sư Pháp cho rằng trường này là một trong những trường lớn và đẹp nhất nước Pháp (l'un des meilleurs lycées de France).

Trường rộng rãi, sạch sẽ, có sân quần vợt, sân chơi bóng rổ, phòng tập thể thao đầy đủ dụng cụ. Mấy con đường nhỏ trong trường trải sạn trắng tinh.

Nhiều dãy lên hai tầng, mỗi lầu kê ba hàng giường, nệm cao mềm ấm, lầu hai lớp cửa, cửa kiếng và cửa cây, ván lầu đánh bóng láng lẩy, đi muốn trượt.

Phòng ăn chưng dọn trang hoàng, có hoa có kiếng, bốn trò ngồi một bàn (carré), hai đĩa chia một con gà giò quay; tráng miệng, mỗi trò ăn một trái cam, hoặc hai trái quít.

Ban giám đốc có ông Hiệu trưởng (Proviseur), Ông Giám học (Censeur), ông Tổng Giám thị (Surveillant Général), một thâu ngân viên (Econome) và một phát ngân viên (Dépensier).

Bữa cơm nào, ông Giám học hay ông Tổng Giám thị cũng rảo dưới phòng ăn. Ông Giám học nói với học sanh:

– Tôi muốn các anh ăn ngon, đầy đủ, song các anh phải học cho giỏi.

Ông đi qua rồi, học sanh nói lên ông:

– Chính ông Econome nuôi mình chớ phải ông Censeur đâu!

Ông nầy còn cái gắt gao là chúa nhứt, ông đứng nơi cửa, học sanh không mặc áo nỉ, ông không cho ra.

Giáo sư trường này toàn là những tay

cử vì đa số giáo sư Thạc sĩ (Agrégé) được bổ nhiệm qua Đông dương đều xin được dạy ở Lycée Albert Sarraut, ít ai chịu ghé trường Chasseloup Laubat, hay lên Collège Sisowath ở Nam vang, chỉ trừ ông giáo sư Toán chúng tôi là ông Pasqualini vì bà vợ là Hiệu trưởng trường trung học Nữ sinh bốn quốc (Collège de Jeunes filles indigènes) như trên chúng tôi có nói.

Trường Albert Sarraut, giáo sư cũng phân biệt giai cấp: mỗi kỳ nhóm họp, giáo sư Thạc sĩ và Tiến sĩ ngồi chung, còn giáo sư Cử nhân nhóm riêng.

Trường có hai cửa: cửa lớn dạy ra đại lộ dành cho các giáo sư, còn cửa nhỏ thì học sinh ra vào.

Hồi dạy sử địa ngoài đó, ông Bouault, giáo sư Thạc sĩ, Hiệu trưởng chúng tôi,

cũng là một tay “có hạng” song ông nói chuyện không hấp dẫn và giọng đọc không hay.

Một năm, ông lãnh sứ mạng đọc diễn văn nhân dịp lễ phát thưởng nghị hê. Ông viết một bài văn tả cảnh đặc sắc về Hồ Hoàn kiếm (Le petit Lac).

Các giáo sư hoan nghinh cách hành văn bóng bẩy của ông, song họ phê bình: “Bài diễn văn xuất sắc của ông, đọc ra rồi, giảm mất giá trị.” (Son beau discours se gâte en sortant de sa bouche).

* * *

Một chiều, Cảnh được ông phát ngân viên mời lên văn phòng “có việc”.

Thì ra, Cảnh đã đánh điện tín về nhà, xin tiếp tế và được phụ thân gửi ra cho trăm bạc.

Đây, Hà Nội 1924

Thế là mỗi ngày, bảy giờ sớm mai, điểm tâm xong, chúng tôi ra trường đi dạo: Đứng ngo, về ăn cơm, nghỉ trưa. Hai giờ rưỡi, học sinh vô học, chúng tôi lại ra phố. Đến bảy giờ về dùng cơm rồi ngủ, ngày hôm sau cũng vậy.

Nhờ thế mà chúng tôi dạo chơi khắp Hà thành lúc bấy giờ (1924), nhận thấy thành phố nầy rộng lớn song không đẹp bằng Sài Gòn, nhà cửa phố xá cái trời ra cái sụt vô, thật là “mất trật tự”. Lại có nhiều căn phố, bề ngang chừng hai thước rưỡi ba thước, nên thấp hơn mặt đường

mà chứa cả một ổ bảy tám gia đình, mỗi gia đình là một cái ghế bố.

Con đường náo nhiệt nhất là đại lộ Paul Bert, rộng hơn đường Tự Do (Catinat) trong mình, và các hiệu to nằm trên đại lộ này. Nhà buôn đồ sộ nhất là “Gô đa” (Godard), bán thập vật, in như “Grands Magasins Charner” (bây giờ là Tax) trong Nam.

Phủ Toàn Quyền ngoài đó không rộng lớn oai vệ như Dinh Toàn Quyền ở Sài Gòn. Chỉ có trường Albert Sarraut và ăn đứt trường Chasseloup Sarraut, vậy thôi.

Cầu Doumer, đồng bào ta gọi là “Đô Mỹ kiều”, dài 1865 thước, bắc ngang sông Hồng Hà, là một kỳ công của hãng Eiffel. Chiếc cầu không có cột, vì mấy cồn cát

nằm dưới cầu không vững chắc, thường xô dịch, người ta không thể xây dựng cột cầu trên cồn cát không chơn ấy được.

Cầu sắt chia làm ba phần, phần giữa để xe lửa chạy, phần hai bên dành cho bộ hành, ô tô, xe cao su... Một người bắt đầu đi từ bên này qua thì lên cầu phía tay mặt, đến giữa cầu dừng chơn ngắm mây ngắm nước mặc tình rồi phải đi luôn qua bên kia, chớ không quay trở lại con đàng cũ được.

Qua bến rồi, cũng do phần tay mặt mình mà về bên này. Thành thử qua cầu hai phen đi bộ gần bốn cây số cũng khá mỏi chơn.

Người ta thuật rằng mỗi buổi sáng, nhiều người ra ngồi hai bên bờ sông Hồng Hà phóng uế thì đã có một số người

chức sẵn một cái vọt bằng mây hay bằng tre, kê dưới đít họ mà hứng lấy, rồi đem về làm phân bón ruộng.

Suốt con đường xe lửa Hà Nội Hải Phòng, dài 104 cây số, chúng tôi nhìn hai bên đường thấy những ruộng gò khô khan, cây lúa ốm teo như người nhịn đói lâu ngày.

Theo ý kiến đồng bào am hiểu nông nghiệp ngoài Bắc trong Nam, ruộng ngoài ấy không phì nhiêu bằng ruộng trong này; ruộng thượng hạng Bắc Kỳ tương đương với ruộng hạng nhì Nam Kỳ mà thôi.

Thế cho nên...!

Vườn bách thú Hà Nội sánh với Sở thú Sài Gòn lúc bấy giờ thì, xin lỗi, như một trời một vực. Bách thú, có nghĩa là trăm thú, gì mà thú lớn chỉ có năm ba con, thú nhỏ chừng chục chẵn.

Còn cây cối, toàn những tàn cao cổ thọ, chẳng có cây chi đẹp và lạ cả. Trong vườn mọc hòn thổ sơn, cao 28 thước, tên là “Khán sơn”, tục truyền khi xưa vua Lê Thái Tổ ngự trên đấy duyệt binh.

Dạo chơi Tây Hồ, chúng tôi viếng Đền Trấn Võ, thờ Đức Chân Võ Đế quân, tục gọi là “Ông Thánh Đồng đen”, pho tượng đồng ngồi cao đưng trần nhà, sứ tiểu trong chùa bảo rằng tượng này nặng ba ngàn kí. Chúng tôi sức nhớ bài thơ “Cảnh Đền Trấn Võ” của Bà Huyện Thanh Quan:

*Êm ái chiều hôm tới Trấn đài,
 Lâng lâng chẳng bận chút trần ai!
 Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng,
 Một vũng tang thương nước lộn trời.
 Bể ái ngàn trùng khôn tát cạn,
 Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.
 Nào nào Cực Lạc là đâu tá?
 Cực Lạc là đây chín rõ mười.*

Những đêm hè nóng bức, nhiều người đàn ông, trong số có những sinh viên, trải ghế bố trên bờ Hồ Tây mà ngủ cho mát, sáng mang về.

Hẳn độc giả miền Nam có nghe nói đến Chùa Một Cột? Chùa nằm trong một hồ sen bốn phía tráng xi măng, rộng mỗi bề chừng mười thước; hai hòn đá

xanh hình trụ, bề kính độ hai thước tây, chồng lên nhau thành một cây cột cao năm thước, chống đỡ một ngôi chùa nhỏ thờ Đức Bồ tát Quán Thế Âm.

Nghe nói năm 1954, lúc Pháp giao Bắc Phần cho Việt Minh, không rõ ai đặt chất nổ phá hủy ngôi chùa lịch sử ấy, tiếc thay!

Tiếp tục viếng Đền Chùa cổ tích, chúng tôi chiêm ngưỡng Đền Hai Bà Trưng ở làng Cẩm Khê, một ngôi đền xưa, ba gian, không có chi đặc sắc. Chúng tôi không vô dạng bên trong.

Hồ Hoàn kiếm có một tháp nhỏ, Tháp Rùa, cất trên đảo con, và Đền Ngọc Sơn thờ Văn Thánh. Từ bờ Hồ, phải qua một cái cầu dài hẹp, đến Đài Nghiên, kế Tháp Bút, rồi mới tới Đền.

Cảnh tịch mịch sum nghiêm, cây cối rườm rà, nhang khói quanh năm mù mịt. Quanh hồ, có những quán kem nho nhỏ, khách nhàn du ngồi ăn kem ngắm cảnh sinh tình mà... chẳng nên thơ.

Muốn thăm mấy ban sinh viên trường Cao đẳng, phải đi ngày chúa nhật, hoặc ngày thường thì sau bữa cơm chiều, lối tám giờ tối.

Lúc bấy giờ, ngoài Hà Nội, trong nữ giới, nổi lên phong trào “phi Cao đẳng bất thành phu phụ” (không phải xuất thân nơi trường Cao đẳng thì không thành chồng vợ).

Đúng thế, thời buổi ấy, xuất dương du học đã là thiên nan vạn nan thì sinh viên ta chỉ còn nước đổ xô ra Hà Nội để sau ba bốn năm học hành trở thành ông Tham, Y sĩ, Đốc công, Giáo sư... chiếm

một địa vị cao cả trong xã hội Việt Nam, thì sao thiếu nữ Hà thành lại chẳng mê tít sinh viên Cao đẳng chớ! Vả lại, các cậu “vía” một bộ đồ nỉ vào cũng đẹp trai ra phết.

... Trời lạnh, vì đã cuối thu sang đông; mặc dầu choàng áo ấm, song chưa quen khí hậu Bắc hà nên chúng tôi bốn người ngồi hai chiếc xe cao su, chen vào nhau mà vẫn run.

Mỗi cuốc xe là một hào (một cắc), nhưng đồng bào phu xe ta lạ làm sao, mình trả đúng giá biểu, một hào, họ đòi thêm, mà nếu trả hai hào, họ càng đòi dữ dội, thế họ cho “mấy thầy Sài Gòn” ngốc lắm thì phải! Ngoài châu thành, có mấy bác cấm (cảnh sát), họ không dám làm hung, vì roi mấy bác bổ lên đầu, song trường hợp chúng tôi về trường thì họ kêu la ôm tởi thành thử chúng tôi

áp dụng một biện pháp là, xuống xe, ba người, Nhu, Cảnh với tôi, lật đặt vô cửa để mặc anh Huê “xử kiện” rồi vô sau.

Hèn chi ngày nay anh Huê làm thẩm phán là phải.

* * *

Cùng một số sinh viên, một buổi mai chúa nhật, chúng tôi viếng vườn quan Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu, là con ông Hoàng Cao Khải.

Một ngôi vườn rộng lớn chiếm cả mấy chục mẫu tây, sạch sẽ tươm tất, cam quít và nhiều cây ăn quả trồng ngay hàng thẳng lối, lại có những hòn non bộ, những thạch động, trong động treo chuông đồng.

Vườn rộng, phu làm vườn đông, muốn gọi họ về nghỉ, trong nhà phải gióng lên một hồi chiêng. Hàng quít trái đỏ ửng, sà sà dưới đất, chúng tôi lén xin vài trái bỏ túi ra khỏi vườn chia nhau mà ăn. Trái tuy xinh đẹp mà lạt nhách, không ngon ngọt bằng quít Cần Thơ, quít Kế Sách mình.

Tiếc rằng ngày ấy ông Hoàng Trọng Phu đi vắng, bằng chẳng thì ông đã tiếp chúng tôi vì ông trọng sĩ phu vô cùng. Nghe nói ông có bằng Tú tài Pháp và ông giỏi cả pháp văn lẫn Hán văn. Các quan Tây nể nang ông và chúng dân cũng kính trọng ông.

Thời gian gián đoạn – 1924-1925

Đầu tháng 12, sau khi giả từ ban

Giám đốc, chúng tôi lại đáp chiếc Réam bé nhỏ cũ cang mà về Nam. Trên đường về, chúng tôi cũng bị gió dồi sóng đập như bần đi và khi đến Ba ngòi, mắc trận bão suốt đêm.

Tàu đậu lại mà chịu trận, lắm lúc, chúng tôi có cảm tưởng bị đưa lên chót núi rồi hụp xuống tận long cung.

Nhiều hành khách mang áo tươi xách va-li lên châu thành tìm nơi tá túc, song không thành công lại lóp ngóp trở về tàu.

Sáng ra, gió êm biển lặng, chúng tôi nghe trận bão hồi hôm làm cho máy tàu hư sao đó, dường như chơn vệt gãy hết một cánh nên tàu chạy chậm rì.

Cũng nhờ vậy mà chúng tôi được chứng kiến một cảnh ngoạn mục: tám giờ mai, dưới ánh thái dương, chúng tôi

đứng trên boong tàu trông ra phía hữu là núi, bên tả là biển cả bao la.

Bỗng đâu một đoàn cá bay dưới biển vọt lên, bay trên mặt nước cao độ vài thước tây và bay một khoảng chừng năm mười thước rồi đáp xuống nước lộp độp như trời mưa.

Thú thật chúng tôi không kịp trông kỹ, song có lẽ con cá mình thon, không mập, kỳ, vi, đuôi dài hơn các loại cá thường, nên mới nhẹ mình phóng lên bay như vậy.

Cùng đi một chuyến tàu với chúng tôi có anh Pháp lai Robert Clément, anh học trường Albert Sarraut, mới đậu Tú tài 2 ban Triết.

Chúng tôi cùng đứng dựa be thuyền trò chuyện, anh bảo nên cẩn thận, đừng

làm rớt nón rớt khăn xuống biển “không nên” vì một người bạn anh vô ý làm rớt cái nón dưới sông, bỗng không đau bệnh chi mà chết, bác sĩ tìm không ra; anh tin rằng chắc có sự huyền bí dưới Thủy tề rước người trao khăn trao nón làm tin.

Bạn đồng hành chúng tôi lại có anh học sinh Bắc Việt đậu Tú tài 1 ban Latin, đáp tàu vô Sài Gòn sang Pháp du học.

Anh đi tới đi lui cùng chúng tôi chuyện vãn, gặp vài anh tây đứng trước mũi thuyền, anh lột cái kết anh, chấp trước ngực, thừa gởi rất là lễ phép, đáng thương.

Thỉnh thoảng, anh khắc nhổ trên mặt biển, nói rằng:

– Các anh xem, tôi dám nhổ nước bọt trên vô cùng tận! (Vous voyez, j'ose

cracher à la face de l'immensité).

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười.

Tàu đến Cap đêm 10 tháng 12. Đứng trên núi, chiếc hải đăng quét một vòng tròn ba mươi cây số đường bán kính. Dưới chơn núi, những đèn điện bao quanh, tạo thành một cảnh đẹp đẽ như muôn sao mọc trên mặt đất.

Rồi cũng cảnh tượng cũ hiện ra, như một tháng trước, khi chúng tôi rời Sài Gòn ra Bắc Việt. Sông Sài Gòn quanh co, lầu chuông Nhà Thờ Đức Bà khi ẩn lúc hiện, khi thì lộ ra bên trái, lúc lại bên phải chúng tôi.

Hai bên sông toàn là rừng sát, tứ bề vắng vẻ âm u, thỉnh thoảng trỗi tiếng chim rừng.

Tàu cập bến, ba bạn tôi vào trường, Cảnh và Nhu vô lớp Toán, bạn cùng Ngà Ty, còn Huê lớp Triết, đồng học với Trần văn Thạch và cô đầm Lucienne Cavagnals.

Tôi thui thủi về Tân An, chuẩn bị để thi lại môn văn đáp kỳ tháng bảy năm sau, 1925, vì thời kỳ ấy, thì sinh nào đã đậu bài viết mà rớt phần văn đáp, được ân huệ thi phần này hai lần nữa mà khỏi phải thi bài viết lại.

Song thân và anh chị tôi không buồn tôi thi rớt, mà lại mừng tôi đi đường được bình an, vì nghe ngoài Trung mới rồi bị trận bão to, lấy làm lo sợ.

Trót buông lao thì phải theo lao, tôi phải chiếm cái Tú tài cho bằng được, chớ

đã từ khước học bổng Sư phạm rồi, bây giờ làm sao mà xin lại để học niên khóa 1924-25?

Và cũng mất luôn cái học bổng trung học ở trường Chasseloup Laubat, và trở lại trường một năm chỉ để giới mài phần vấn đáp là phần tương đối dễ hơn thi vết, cũng tốn học phí và tốn công phu. Nhưng làm gì cho hết sáu bảy tháng trường, từ tháng 12 năm 1924 cho đến tháng bảy năm 1925!

Ngày chí tối chỉ ôm cuốn Trigo khô khan và Lịch sử Cách mạng nước Pháp, phân tách mấy vở tuồng của Corneille, Racine, Molière thì chán bỏ đời!

Tôi dạy thí công mấy trẻ học sanh lớp nhì A của anh tôi và tôi tìm thấy hai nhân tài: Trần văn Phú và Võ văn Nghi.

Thuở ấy, trường tỉnh Tân An có ba lớp nhì (Cours Moyen A, B và C). Ông Nguyễn văn Duyên làm Giám đốc Ty Giáo huấn (Directeur du Groupe scolaire); ông rất siêng cần, thỉnh thoảng ông buộc học sinh cùng nhau thi thử, hoặc Pháp văn, hoặc Toán pháp.

Mà thi lần nào, Trần văn Phú với Võ văn Nghi cũng vượt xa tất cả học sinh đồng lớp và cả hai lớp B và C kia nữa.

* * *

Thời gian rảnh rỗi, tôi tham gia phong trào giải trí «bất lành mạnh»: đá gà nòi, lúc bấy giờ rất thịnh hành ở Tân An.

Anh em tôi thắng được vài ba độ với mấy con gà xuất sắc của học trò hoặc cho thầy, hoặc cho mượn.

Má tôi không nói gì, nhưng trưa chúa nhật, khi tôi với vài đứa học trò ôm gà đi đá, má tôi buồn hiu, tôi để ý vài lần như vậy, và tôi thôi, không chơi gà nòi nữa.

* * *

Thấm thoát bảy tháng trôi qua, rồi tháng bảy năm 1925, tôi đậu phần văn đáp tại Sài gòn.

Là vì, kể từ năm nay, Phủ Toàn quyền cho ban Giám khảo gồm có một số giáo sư Hà nội và một số ở Sài gòn, thi hành phận sự tại Sài gòn.

Ban Toán, Ngà đậu hạng bình (men-

tion Bien) Ty, bình thứ (Assez bien)

Nhu, thứ (Passable)

...

Cảnh rớt, song kỳ thi tháng mười lại đậu.

Ban Triết, Huê, Thạch và cô Cavai-gnals đều đậu hạng thứ.

Tú tài 1, ban D, tám chín thí sinh đậu, trong đó có Trương công Vĩnh, Nguyễn văn Hưởng đậu bình thứ. Nhắc lại, năm 1922-23, lúc chúng tôi học năm thứ nhứt Tú tài bốn xứ, anh Vĩnh ngồi lớp đệ nhị niên và đỗ thủ khoa, đi Hà Nội học y khoa năm thứ nhứt, 1923-24.

Anh không thích làm y sĩ Đông dơng (Médecin Indochinois) nên trở về Sài gòn; năm 1924-25, vô lớp Première D,

quyết đỗ cho được bằng Tú tài Pháp, để học y khoa Bác sĩ (Docteur en Médecine).

Thành thử, năm 1925-26, trong lúc vài cựu bạn học cũ của anh, như anh Lê quan Thiết, anh Lê văn Xuyên, học năm thứ ba y khoa ngoài Hà nội, còn một năm nữa ra trường thì anh Vĩnh đang theo đuổi cái Tú tài 2 ban Toán.

Ai ai cũng phục chí kiên nhẫn của anh.

Nguyễn văn Hưởng, bạn tôi hồi ở Mỹ tho, năm 1921-22, tôi ngồi lớp đệ tam niên, Hưởng năm thứ hai.

Năm 1923-24, tôi lớp Tú tài bốn xứ đệ nhị niên; Hưởng học năm thứ tư ban Thành chung Chasseloup Laubat, thi đỗ bằng Thành chung hạng bình (Bien).

Hưởng xin vô lớp Seconde D; thay vì

chấp thuận, ông Bouault thương cái thông minh của Hưởng cho lên Première D. Và tháng bảy năm 1925, Hưởng đỗ tú tài 1 một lượt với tôi.

Cũng kỳ này, anh Đặng văn Hiếu, Tú Việt, đỗ luôn Tú Pháp. Hiếu là em anh Đặng văn Tự nổi danh năm 1921, lúc học sanh Chasseloup Laubat bãi khóa.

* * *

Trong lúc tôi thi ở Sài gòn, thì tại Tân An, hai đứa học trò tôi, Phú với Nghi, mặc dầu học lớp nhì, cũng đậu cấp bằng Sơ học mà đậu vào hạng giỏi, giám khảo ngợi khen, ông Duyên hài lòng.

Lớp Triết học (Philosophie) 1925-26

Toán học sanh lớp Triết chúng tôi là ba Việt, bốn Pháp với một cô đầm: Nguyễn trung Giao, Từ văn Thiệt, Đào văn Hội, Quintrie Lamothe, con một viên Thẩm phán, Motais de Narbonne, con một Luật sư (chẳng biết có thân thích với ông Motais, giáo sư chúng tôi ở Mỹ tho chẳng), Jacques Banchelin, ông thân y là Hiệu trưởng trường Chasseloup Laubat thay thế ông Bouault về Pháp, Jean Du-bois với cô Lane Desvareilles, con một viên Đại tá.

Lớp Toán (Mathématiques Elémentaires) có Trương công Vĩnh, Nguyễn văn Hưởng, Nguyễn sanh Châu, Đặng văn Hiếu, Mạch Dừng với Jean Daviau, người Pháp lai.

Giáo sư

Chúng tôi «thọ giáo» với ông Georges Mignon, Cử nhân Triết học, còn bốn lớp Toán, cũng vẫn ông Pasqualini là «trưởng ban».

Hai toán học sinh Tú tài 2, ngồi học chung một phòng nhỏ, khoảng giữa kho sách và Phòng họp các giáo sư.

Giao, Dubois, Quintrie Lamothe, Motaïs và cô Lane ở ngoài, còn chúng tôi đều là nội trú.

Ngày chúa nhật muốn vô ra giờ nào đã đành mà mỗi bữa, năm giờ chiều, chúng tôi tự tiện ra chợ cũ ăn cháo cá, dạo chơi một vòng đến sáu giờ mới vô.

Chiều thứ bảy, rảnh rang, tôi với

Thiệt đặt bài ca và chép thi văn vào tập ngâm nga.

Học sanh Triết và Toán học chung Luận lý học (Logique) với ông Mignon, sử ký với ông Louis Doz và vạn vật học, ông Magalon.

Học được một tháng đã thấy rõ ba học sanh Việt vượt hẳn mấy bạn Pháp và ông Mignon càng ba đứa tôi hơn, còn mấy cô cậu Pháp, ngoại trừ Dubois, Banchelin và cô Lane Desvareilles, hai cậu Quintrie Lamothe và Motaïs bé quá, nhứt là Quintrie Lamothe lo chừng diện cho sang để đi dạo phố.

Năm Triết là niên học sung sướng nhứt trong đời học sanh tôi, tương đương với thời kỳ tôi học lớp ba A với thầy ba Cảnh.

Mình đã thi đậu Tú tài 1, ban D (Khoa học – sinh ngữ) (Sciences – Langues) thì vào lớp Triết, chương trình khoa học đối với mình có thẳm tháp vào đâu. Cuốn sách vật lý Lemoine – Vincent dày tám chín trăm trang, không làm cho chúng tôi ngán, chỉ tội cho mấy cậu «latinistes» (học ban B, Latin) gặp phải ông giáo sư Leguen nói trời nói biển, mấy cậu ngồi ngó nhau, chẳng hiểu gì cả.

* * *

Về Việt ngữ, "Toán" với "Triết" cùng học chung với ông giáo sư Nguyễn văn Mai. Một hôm, chúng tôi vào lớp thấy trên bảng đen, không biết ai đã viết câu:

Mai nở trước, mai cười hạnh muộn,

Hạnh nở sau, hạnh ngán mai suy!

Xin giải thích chúng tôi câu này.

Ông bảo tôi, và có lẽ ông tưởng chúng tôi viết câu "phạm thượng" đó nên ông tỏ vẻ buồn, ông nói mát một câu rằng, mặc dầu ông đã xưa, đã lụi rồi, song ông còn dạy được. Chúng tôi chẳng ai nói gì.

Anh Pháp lai Jean Daviau cũng học Việt ngữ với chúng tôi, anh nói chuyện bằng tiếng Việt trôi chảy, song chưa chắc anh đủ khả năng thi ngoại ngữ bằng tiếng Việt.

Một hôm, ông Mai hỏi anh:

– Daviau, comment ferez-vous? (Daviau, anh sẽ làm thế nào?)

Daviau đáp:

– Je fais ce que je peux (Tôi làm tùy khả năng tôi).

Nhân giải thích «Bích câu kỳ ngộ»,
ông nói:

– Hai câu sau đây:

Xấn tay mở khóa động đào,

Mây tuôn biển ái, mưa vào sông ân.

người ta cho là tục, mà tôi có thấy tục
chỗ nào ở đâu!

Anh Vĩnh đáp:

– Thưa, cái ý thì tục mà diễn tả lại
thanh.

* * *

Chúng tôi học với ông Mignon, hấp
thụ được kiến thức mới mẻ, vững chắc.

Ông không nói nặng ai bao giờ, ông đẹp người, trên môi luôn nở một nụ cười, xứng đáng với cái tên Mignon (đẹp đẽ, dễ mến) của ông.

Điểm cao nhất ông cho là tám điểm mà điểm thấp nhất cũng được năm.

Nhất là ông có cảm tình đặc biệt cùng tôi, làm cho tôi cảm động, cho đến sau khi tôi ra ở đời, ông cũng còn chiếu cố đến tôi, ơn ông tôi không bao giờ trả đặng, vì ông đã ra người thiên cổ lâu rồi!

Hài hước

Trong niên học 1925-26 này, cũng có nhiều việc tứ cười, như Từ văn Thiệt chúng tôi, bộ tịch loắt choắt, mấy anh tặng

cho va cái biệt danh là "Petit coq"(con gà trống con).

Anh Mạch Dùng, tay chơn cà nguêu, cà ngoao, được anh Vĩnh, anh Hiếu kêu: «Mạch Kai, Macaque». Anh cười hà hà, không giận.

Cô Pothier thay thế ông Doz dạy sử ký, Quintrie Lamothe và Motaïs ngồi nhún nhún cái bàn, làm trò con khỉ; Giao cặm cụi viết một bài lý thuyết về «mùi hôi nách» của cô Lane Desvareilles.

Mãn giờ học, cô về rồi, Giao mới trao bài ấy cho anh em chuyển tay nhau thưởng thức ...

Chùa rượu

Một buổi mai chúa nhựt, anh tôi

dưới Tân An lên, vô trường thăm tôi rồi cùng đi với tôi ra ngoài thành dạo chơi, đến mười một giờ, anh dắt tôi lại tiệm cơm chà ở đường Sabourain, nay là Tạ thu Thâu, ăn cơm cà ry chà.

Anh kêu một chai chát trắng Preignac, anh em ngon miệng, vừa ăn uống, vừa chuyện vãng, hết chai rượu lúc nào không hay.

Anh tôi mạnh rượu, từng làm bạn với Cỏ nhác, Huýt ki mà không sao cả, còn tôi, bạch diện thơ sanh mà đương cự với Preignac lần đầu làm cho tôi vẽ đường mới, từ bên này băng qua bên kia, muốn sụm giữa đường.

Anh tôi kêu chiếc xe kéo, dìu tôi lên, chở tôi vô trường, dắt lên phòng ngủ, cởi áo, cà vạt, cởi giày tôi, rồi xô lên giường nằm.

Ngủ một giấc đến chiều mới dậy, tôi nhớ chuyện say rượu hồi trưa mà then thuồng; nếu tôi ăn uống một mình mà say sưa như vậy, rủi té ngoài đường, làm trò cười cho công chúng, nhục nhã biết bao!

Tôi thể không uống rượu nữa, và tôi giữ lời thể đến nay hơn bốn mươi năm rồi, lâu lâu lai rai một ly la ve mà thôi, và mười mấy năm nay cũng già biệt la ve luôn.

* * *

Nghĩ lễ Tết, tôi về Tân An, bỏ y phục vào tủ, khóa lại cẩn thận.

Chứng lên, tôi thấy tủ đã mở khóa,

kéo tủ ra xem thì, ô hô, y phục mất gần hết, nhứt là mấy bộ Âu phục. Ai ăn cắp? Mấy anh lao công quét dọn lâu? Mấy học sanh ở lại trường không về quê ăn Tết?

Tôi khiếu nại cùng ông Tổng Giám thị, ông giao cho giám thị điều tra. Kết quả là một con số không to tướng!

Bạn học an ủi, có lẽ rủi mà hóa may chăng, và tôi sẽ thi đậu.

Chúng tôi thi Diplôme

Chúng tôi sắp có Tú tài toàn phần, thế mà còn thi Diplôme, có mâu thuẫn và tức cười chăng!

Là bởi ông giáo Tại trên văn phòng Hiệu trưởng tử tế cùng chúng tôi quá, ông có người em thi Diplôme mà anh ấy

còn dưới cái hạng «lục lục thường tài» nữa!

Ông cầu cứu với chúng tôi, anh em hứa tùy khả năng, tận tâm giúp đỡ.

Ông Tại có bốn ám tả với mấy câu hỏi, tôi lãnh phần trả lời mấy câu hỏi ấy.

Giao làm một bài luận văn xuất sắc, Vĩnh giải đáp hai bài toán không chỗ chê, Châu làm bài lý, hóa y như trong sách.

Ông Tại «hóa phép thần thông» trao mấy bài ấy cho ông em, thành thử thí sinh đậu bài viết với điểm trung bình trên 15, nghe lại thì ông Mignon làm giám khảo Pháp văn cho cái bài luận văn của «Giao làm giùm» 16 điểm!

Qua môn khẩu đáp, ông thí sinh chúng tôi bị «cô lê» (coller) gần khắp các món, thế mà anh còn đậu với hạng bình thứ (assez bien).

Có phải là khoa ấy, tất cả hai lớp Triết và Toán đều thi Diplôme chẳng?

* * *

Thi Tú tài 2

Thời gian qua mau lẹ, ngày thi đến. Tôi mượn của Diệp văn Điền (con ông Diệp văn Cương), cây bút máy, bơm mực vô đây.

Triết học, họ cho ba đầu đề, một về tâm lý học (Psychologie), một về luân lý (morale) và đề thứ ba là luận lý (logique).

Thí sinh được tự do chọn một trong ba đầu đề ấy. Tôi chọn đầu đề về luân lý như vậy:

«Rôle de l'imagination en morale»
(Vai trò của tưởng tượng trong luân lý).

Ba tiếng đồng hồ, tôi viết mười trang, đúng giờ, nạp quyển.

Giao với Thiệt làm bài về tâm lý.

Bài thi triết học được cho điểm từ 0 đến 20, hệ số 2, tức điểm trung bình là 20. Thi vạn vật học (Sciences naturelles) số điểm từ 0 đến 10, hệ số 1, trung bình là 5. Thế là hội đủ 25 điểm mới đậu bài viết.

Triết học tôi được 14 điểm, nhân cho 2 là 28, cộng với 6 điểm vạn vật học là 34 điểm.

Thí sinh có anh Pháp tên François Napoléon, anh cũng lấy đầu đề luân lý như tôi, anh được những 17 điểm, hệ số 2, tức là 34 điểm, chưa kể số điểm bài vạn vật học của anh. Đậu bài viết: Giao, Thiệt, Hội, Dubois, Banchelin và Fran-

çois Napoléon. Rớt: Quintrie Lamothe, Motaïs và Lane Desvareilles.

Qua phần khẩu đáp, loay hoay thế nào mà François Napoléon với Banche-lin rớt tuốt. Giao xuất sắc về Anh văn, được 16 điểm.

Tôi thi Việt ngữ với ông Huýnh. Ông có một bốn Kim Vân Kiều dịch ra Pháp văn, ông bảo tôi dịch một đoạn, và ông xem có đúng với bốn dịch của ông không. Ông chỉ tặng tôi có 11 điểm. Một cô đầm, giáo sư trường nữ trung học Pháp hỏi tôi về nhựt thực, nguyệt thực.

Tôi được ông Boulé, chủ khảo, vấn nạn về luận lý và ông Henri Neveu, Giám đốc Thảo cầm viên, hạch về vấn đề vệ sanh nhà cửa.

Kết quả

Giao đậu với hạng bình (bien), tôi, bình thứ (assez bien), Thiệt với Dubois, thứ (passable).

François Napoléon với Banchelin tháng mười thi lại phần khẩu đáp.

Ban Toán, Vĩnh với Hưởng đậu bình thứ, kỳ dư mấy anh kia đều thứ.

* * *

Thi xong, chúng tôi, Giao, Thiệt với tôi, đến thăm ông Mignon.

Mặc dầu cảm sốt, ông cũng rán ra tiếp chúng tôi, ngợi khen và đãi rượu.

Ông han hỏi anh em chúng tôi tính

sẽ làm gì, và ông hứa sẽ ra Nhà Hát tây (hiện nay là trụ sở Hạ viện), chứng kiến cuộc phát thưởng.

Lãnh thưởng

Nhân gặp ông Giám học Tullié, tôi kính cẩn hỏi thăm ông tôi có may mắn được phần thưởng ưu hạng (Prix d'Excellence) hay không.

Ông vừa sửa cái cà vạt tôi, vừa vui vẻ trả lời rằng ông Mignon đề nghị cho tôi được Phần thưởng đó và các giáo sư đồng ý.

Ngày lãnh thưởng là ngày vui nhứt đời tôi.

Trong một khung cảnh trang nghiêm, giáo sư mặc áo rộng đen ngồi trên sân

khẩu, đau một cái bàn to chất đầy sách đẹp.

Nghe xướng tên tôi, tôi do một chiếc cầu thang nhỏ mà lên sân khấu; vì cảm động, tôi trượt một chút, nghe trong đám học sinh, có tiếng kêu: « Ý! »

Tôi được lãnh:

Phần thưởng ưu hạng (Prix d'Excellence),

Phần thưởng danh dự (Prix d'Honneur)

Phần thưởng Triết học (Prix de Philosophie)

Phần thưởng Sử học (Prix d'Histoire)

Phần thưởng Vạn vật học (Prix de Sciences Naturelles)

Phần thưởng Việt ngữ (Prix Langue Annamite) sáu quyển sách to về:

Địa lý nước Pháp

Khoa điêu khắc cổ thời,

Thế giới huyền bí loài sâu bọ và hai cuốn sách nhỏ.

Một tràng pháo tay của giáo sư lẫn học sanh tán thưởng tôi và ông Grandjean, Giáo đốc Học chánh, bốn thân trao phần thưởng cho tôi, trong lúc ông Mignon nhìn tôi mỉm cười.

Bên lớp Toán, anh Trương công Vĩnh được Phần thưởng quan Thống đốc Nam Kỳ (Prix du Gouverneur de la Cochinchine) mà phần thưởng ưu hạng (Prix d'Excellence) lại lọt vào tay cậu

Robert Carbonières – vì má cậu là giáo sư – mặc dầu cậu ta học tầm thường và không có lấy một cái phần thưởng hạng nhì môn nào cả.

Anh em lớp Toán ai cũng bất bình, xầm xì cùng nhau: lẽ thì cái phần thưởng đó về phần anh Vĩnh hay là chú Hưởng mới phải cho.

Nơi học đường đã có sự bất công!

* * *

Hôm sau, tôi một mình đến thăm ông thầy tôi.

Ông lại hỏi tôi toan làm gì trong tương lai, tôi thưa rằng vì gia đình song thân tôi không khá giả nên tôi định xin được bổ dụng làm Tham tá Hành chánh,

ngõ hầu giúp đỡ cha mẹ tôi lúc tuổi già.

Ông bảo rằng ông dự định xuất bản một tạp chí văn chương hàng tuần bằng Việt ngữ, ông muốn mượn tôi làm Chủ bút.

Tôi thưa lấy làm hân hạnh được tiếp tay ông và tôi cũng thích văn chương lắm, song tôi tuổi trẻ, tài sơ, chưa có bao nhiêu kinh nghiệm, nên không dám đảm nhiệm trọng trách ông giao phó.

Ông không ép tôi và chân thành khuyên tôi dầu làm nghề gì cũng rán giồi mài trí thức, luyện nghề cho tinh và không nên quên đường đạo đức.

Tôi kính cảm tạ ơn ông và, sau đó, trên đường đời, những khi gặp điều rắc rối, tôi đến nhờ ông chỉ bảo, ông sẵn lòng luôn.

Tạp chí hàng tuần mà ông định giao cho tôi điều khiển, chính là tờ «Rạng đông» mà mấy tháng sau, ông nhờ anh Đoàn trung Còn bình bút.

* * *

Trước khi từ giả học đường, chúng tôi bắt tay mấy anh giám thị, một anh hỏi Giao sẽ làm gì. Giao đáp:

– Học y khoa.

Anh cười miếung chỉ nói:

– Rồi vous săn sóc tôi mà không tính tiền, nghe!

Giao cũng cười, nói:

– Tôi sẽ cắt một chơn vous, vous trả tôi mười đồng, mà cắt hai chơn là hai chục (20\$).

Anh Tây giám thị le lưỡi.

Từ Giã Học Đường

Một vài cảm tưởng

Đến đây chấm dứt đời học sanh tôi, tám năm ở Tân An trường tỉnh, ba năm trung học Mỹ Tho, ba năm trung học Sài Gòn, một năm gián đoạn, chui vào lớp tám ngày 5 tháng 3 năm 1911, và từ lớp Tú tài ra, ngày 15 tháng 7, năm 1926.

Thăm thoát mười lăm năm ấy trôi qua, gặt hái ít nhiều kinh nghiệm, đã ghi chép mấy chương trên và đây xin tóm tắt, thành tâm cống hiến bạn đọc thiếu

niên ngày ngày làm bạn với sách đèn.

Mấy lần thi cử, đậu cũng nhiều mà thất bại đáng cay cũng lắm.

Vẫn biết «học tài thi mạng» song ngạn ngữ có câu: «tận nhơn lực, tri thiên mạng» (hết sức mình mới rõ mạng trời).

Tuy hai phen thi được hài lòng nhưng cũng hai lần thi rớt đốn đau, cảm thấy mình có thể «làm hơn» được, tại sao không làm? Tại lười thôi? Sơ xuất? Thiếu kỹ lưỡng chăng?

Tôi công nhận trong sự học hành, tôi có nhiều khuyết điểm: môn nào thích thì học mà không thích thì có bẽ chảnh mắng.

Đã đành rằng, về một môn nào đó mình kém khả năng, nhưng, nếu với một ý chí cương quyết, rèn luyện hàng

ngày, thì yếu cũng hóa mạnh mở dở cũng thành hay, trở ngại nào chẳng san bằng, rốt cuộc phải thành công.

Mỗi niên học áp dụng một chương trình, cũng như có một chương trình cho mỗi cuộc thi; muốn «chắc ăn», dĩ nhiên phải học hết chương trình, nhứt định bỏ lối «học tủ».

Đừng hoàn toàn tin tưởng nơi vận mạng; học sanh ưu tú và học sanh hạng dở ra thi không có chuyện rủi may, chỉ có hạng trung bình mới ỷ lại vào may rủi

Một học sanh ưu tú mà ham thi cả hai ba cấp bằng trong một thời gian quá gần nhau, không đủ ngày giờ cần thiết để chuẩn bị đàng hoàng, chưa chắc đậu tất cả, huống chi là bậc tầm thường như tôi! Cho nên rớt Brevet Supérieur, đậu Tú tài Việt, đổ có phân nửa cái Tú tài 1

Pháp, phải mất một năm 1924-1925 học lại phần khẩu đáp.

Vậy ta hãy tự lượng sức mình, đuổi bắt hai con thỏ một lần, e khi hỏng cả hai mà chớ!

* * *

Mười lăm năm, học với gần bốn mươi thầy Việt Pháp, tưởng nhớ đến chư vị hăng chăm nom khuyên dạy đưa học trò ngoan ngoãn hiền lành, mình bồi hồi cảm động, «ngùi ngùi ngó lại nơi học đường».

Mặc dầu trong một lớp, năm ba học sanh thất kính cùng ông Trần phong Sắc, song với mấy thầy nghiêm trang, thương mến và chăm nom học trò mình thì, từ lúc bé thơ, đa số học sanh đã kính mến

thầy, đến khi hòa mình cùng xã hội vẫn còn giữ kỷ niệm êm đẹp đối với thầy.

Nếu phải vì sinh thế, vì nhiệm vụ mà xa nơi cắt rún chôn nhau, thỉnh thoảng một hai năm cũng về vấn an «thầy thím».

Ôi, tình nghĩa thầy trò nay còn chẳng?

Hay là «tuyệt năm nay chẳng phải tuyệt năm xưa»?

* * *

Vì hoàn cảnh gia đình mà tôi không thể tiếp tục giới mài trí thức nơi Đại học đường, mặc dầu sau thời cuộc 45, tôi cũng cầu vui học Luật, tôi phải sớm ra lăn lóc với đời, ngõ hầu báo bổ

phụ mẫu tri ân, tôi hằng trử dạ những điều chư vị thầy tôi và song thân tôi dạy bảo, cư xử sao cho phải đạo làm người, và thực hành lời răn trong «Quan Đế Minh Thánh kinh» mà từ thuở bé tôi hằng trì tụng:

Vật vị thiện tiểu nhi bất tác,

Vật vị ác tiểu nhi khả hành.

tạm dịch:

Chớ thấy lành nhỏ mà khinh,

Chớ thấy dữ nhỏ mà hành, tội mang.

* * *

Được bổ dụng vào ngạch hành chánh Nam Kỳ năm 1928, tôi bị những quan Tây, quan Việt, suốt ba mươi một năm, làm tình làm tội đủ điều, buồn nhiều vui ít, độc giả muốn lăm tường những nổi truân chuyên của một cựu công bộc, xin xem tiếp quyển Hồi ký:

Gió Bụi Quan Trường

* * *

*Sài Gòn ngày rằm tháng tư
năm Tân hợi 9 - 5 - 1971*

